Cơ quan phát hành: Văn phòng Chính phủ

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 245/2025/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 11 tháng 9 năm 2025*

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 3 như sau:

a) Bổ sung điểm h vào sau điểm g khoản 12 Điều 3 như sau:

"h) Ngày kết thúc đợt phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi là ngày được tổ chức phát hành xác định để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu.".

b) Sửa đổi điểm c khoản 14 Điều 3, bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 14 Điều 3 như sau:

"c) Đối với trường hợp mua lại doanh nghiệp, bán tài sản, tỷ lệ này được tính bằng giá trị từng giao dịch so với tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất. Trường hợp thực hiện nhiều giao dịch để mua lại một doanh nghiệp hoặc thực hiện mua lại nhiều doanh nghiệp mà

các doanh nghiệp được mua lại thuộc nhóm công ty mẹ - công ty con thì tỷ lệ này được tính bằng tổng giá trị các giao dịch phát sinh trong năm cơ cấu lại doanh nghiệp so với tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp;

d) Chỉ tiêu "tổng giá trị tài sản" quy định tại các điểm a, b, c khoản này được căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán; trường hợp doanh nghiệp có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, căn cứ trên báo cáo tài chính tổng hợp; trường hợp doanh nghiệp là công ty mẹ, căn cứ trên chỉ tiêu "tổng giá trị tài sản" có giá trị thấp hơn trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất.".

c) Bổ sung khoản 57 vào sau khoản 56 Điều 3 như sau:

"57. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập bao gồm:

a) Tổ chức xếp hạng tín nhiệm Moody's, Standard & Poor's, Fitch Ratings;

b) Các doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.".

2. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 5 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 5 như sau:

"b) Đối với các tổ chức khác không phải tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác; báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán, hoặc báo cáo tài chính bán niên được soát xét, hoặc bảng cân đối kế toán gần nhất được kiểm toán đối với trường hợp xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong năm hoàn thành việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.".

b) Bổ sung các khoản 6, 7, 8 vào sau khoản 5 Điều 5 như sau:

"6. Đối với nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân: Văn bản xác nhận mã số giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực hoặc giấy tờ xác thực cá nhân hợp pháp khác có thông tin về quốc tịch nước ngoài.

7. Đối với nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, tài liệu xác định là một trong các tài liệu sau:

a) Văn bản xác nhận mã số giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư;

b) Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương xác nhận đã hoàn tất việc đăng ký kinh doanh do cơ quan quản lý có thẩm quyền nước ngoài cấp;

c) Giấy đăng ký thuế của cơ quan thuế nước nơi tổ chức đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh;

d) Tài liệu về tổ chức từ hệ thống cơ sở dữ liệu của cơ quan quản lý có

thẩm quyền nước ngoài, trong đó xác định tổ chức được thành lập tại nước đó;

đ) Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đầu tư hoặc xác nhận việc đăng ký thành lập hoặc tài liệu tương đương do cơ quan quản lý có thẩm quyền nước ngoài cấp (nếu có) hoặc Điều lệ hoặc Bản cáo bạch hoặc hợp đồng tín thác hoặc biên bản thỏa thuận góp vốn hoặc các văn bản tương đương trong trường hợp cơ quan quản lý có thẩm quyền nước ngoài không cấp hoặc không xác nhận việc đăng ký thành lập quỹ đầu tư theo quy định của pháp luật nước ngoài.

8. Đối với nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức thuộc Chính phủ nước ngoài hoặc tổ chức tài chính quốc tế, tài liệu xác định theo quy định tại điểm đ khoản 7 Điều này, trong đó quy định tổ chức là tổ chức trực thuộc Chính phủ hoặc tổ chức tài chính quốc tế.".

3. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 6; sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 6 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều 6 như sau:

"Điều 6. Quy định chung"

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 như sau:

"1. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến hồ sơ, tài liệu báo cáo như sau:

a) Tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình lập, xác nhận, ký hồ sơ, tài liệu báo cáo liên quan đến hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch, đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán và các hồ sơ, tài liệu khác liên quan đến hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán phải chịu trách nhiệm về hồ sơ, tài liệu báo cáo theo quy định pháp luật;

b) Tổ chức tư vấn hồ sơ, người hành nghề tham gia tư vấn hồ sơ có trách nhiệm theo quy định tại khoản 3 Điều 11a Luật Chứng khoán. Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán phải trực tiếp thực hiện các hoạt động tư vấn hồ sơ;

c) Tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên được chấp thuận, người ký báo cáo kiểm toán hoặc báo cáo soát xét hoặc báo cáo dịch vụ đảm bảo phải tuân thủ quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập và các chuẩn mực nghề nghiệp có liên quan; chịu trách nhiệm đối với ý kiến về tính trung thực, hợp lý về báo cáo, số liệu được kiểm toán, soát xét, ý kiến về tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước;

d) Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và tổ chức, cá nhân khác có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý, chấp thuận hồ sơ, tài liệu báo cáo xem xét tính hợp lệ của hồ sơ, tài liệu báo cáo trên cơ sở hồ sơ, tài liệu báo cáo được cung cấp; không chịu trách nhiệm về những vi phạm của tổ chức, cá nhân xảy ra trước và

sau khi nộp hồ sơ, tài liệu báo cáo hợp lệ.".

c) Bổ sung khoản 1a và khoản 1b vào sau khoản 1 Điều 6 như sau:

"1a. Công ty đại chúng, tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch có trách nhiệm công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời; đảm bảo quyền tiếp cận thông tin của nhà đầu tư đối với các quyết định liên quan đến chào bán, phát hành chứng khoán và các thông tin phải công bố công khai của doanh nghiệp theo quy định pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; tuân thủ quy định về quản trị công ty, các nghĩa vụ theo cam kết, thỏa thuận giữa doanh nghiệp với cổ đông, nhà đầu tư theo Điều lệ công ty, các quy định pháp luật có liên quan.

1b. Nhà đầu tư tham gia đầu tư, giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán có trách nhiệm tiếp cận đầy đủ nội dung thông tin công bố của doanh nghiệp; tự đánh giá, tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình và tự chịu các rủi ro phát sinh trong việc đầu tư và giao dịch chứng khoán; hiểu rõ và tuân thủ quy định về đầu tư, giao dịch trên thị trường chứng khoán.".

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 như sau:

"2. Việc nộp và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính quy định tại Nghị định này được thực hiện thông qua các cách thức theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.".

đ) Bổ sung khoản 9 vào sau khoản 8 Điều 6 như sau:

"9. Khi sử dụng tài khoản định danh điện tử để giải quyết thủ tục hành chính tại Nghị định này thì thông tin về danh tính điện tử, thông tin tích hợp trên căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử có giá trị chứng minh tương đương với việc cung cấp thông tin hoặc sử dụng, xuất trình giấy tờ, tài liệu có chứa thông tin đó trong thực hiện thủ tục hành chính.".

4. Bổ sung khoản 8 vào sau khoản 7 Điều 7 như sau:

"8. Điều kiện về hoạt động kinh doanh có lãi, nợ phải trả, lỗ lũy kế, vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp được căn cứ trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp là công ty mẹ thì kết quả hoạt động kinh doanh, lỗ lũy kế, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu được căn cứ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó: kết quả hoạt động kinh doanh là chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ trên báo cáo tài chính hợp nhất; vốn chủ sở hữu không bao gồm lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Trường hợp doanh nghiệp có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, kết quả hoạt động kinh doanh, lỗ lũy kế, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu được căn cứ trên báo cáo tài chính tổng hợp.".

5. Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 9 như sau:

"1a. Đối với trường hợp huy động vốn không để thực hiện dự án, tổ chức phát hành phải báo cáo và công bố thông tin về việc sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành tương tự theo quy định tại khoản 1 Điều này, trừ trường hợp tổ chức phát hành là tổ chức tín dụng.".

6. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 11 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 Điều 11 như sau:

"b) Trường hợp hồ sơ được nộp sau ngày kết thúc kỳ lập báo cáo tài chính bán niên, tổ chức phát hành phải bổ sung báo cáo tài chính bán niên được soát xét hoặc được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 11 như sau:

"10. Tài liệu quy định tại các điểm c, đ, e, h và k khoản 1 Điều 18 Luật Chứng khoán.".

7. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 12 như sau:

"b) Đối với đợt chào bán để thực hiện dự án, phương án sử dụng vốn phải xác định tỷ lệ chào bán thành công cho mục đích thực hiện dự án tối thiểu là 70% tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán để thực hiện các dự án (trừ trường hợp chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu); phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để thực hiện các dự án.".

8. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 19 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 19 như sau:

"2. Tổ chức phát hành hoặc trái phiếu đăng ký chào bán phải được xếp hạng tín nhiệm bởi tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập, ngoại trừ trường hợp trái phiếu phát hành của tổ chức tín dụng hoặc trái phiếu được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính ở nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế bảo lãnh thanh toán toàn bộ gốc và lãi trái phiếu. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành.".

b) Bổ sung các khoản 3, 4, 5, 6, 7 vào sau khoản 2 Điều 19 như sau:

"3. Có Đại diện người sở hữu trái phiếu theo quy định tại Điều 24 Nghị định này.

4. Tổ chức phát hành có nợ phải trả (bao gồm giá trị trái phiếu dự kiến phát hành) không vượt quá 05 lần vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành theo báo cáo tài chính kỳ kế toán gần nhất được kiểm toán, ngoại trừ tổ chức phát hành là doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp phát hành trái phiếu để thực hiện dự án bất động sản, tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

5. Nợ phải trả theo quy định tại khoản 4 Điều này không bao gồm giá trị trái phiếu dự kiến phát hành để cơ cấu lại khoản nợ. Trường hợp phát hành trái phiếu ra công chúng để cơ cấu lại khoản nợ, doanh nghiệp không được thay đổi mục đích sử dụng vốn để cơ cấu lại khoản nợ.

6. Trường hợp doanh nghiệp phát hành trái phiếu ra công chúng cho nhiều đợt chào bán, giá trị trái phiếu dự kiến phát hành từng đợt theo mệnh giá không lớn hơn vốn chủ sở hữu.

7. Trái phiếu phát hành được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính ở nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế bảo lãnh thanh toán toàn bộ gốc và lãi trái phiếu được ngoại trừ điều kiện quy định tại khoản 4, khoản 6 Điều này.".

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 9 và khoản 10 Điều 20 như sau:

"9. Quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty thông qua hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng.

10. Tài liệu quy định tại điểm c khoản 1, các điểm d, g, i khoản 3 Điều 18 Luật Chứng khoán và văn bản cam kết đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán.".

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 21 như sau:

"6. Đối với đợt chào bán ra công chúng nhằm mục đích huy động phần vốn để thực hiện dự án của tổ chức phát hành, số lượng trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền bán được phải đạt tối thiểu là 70% số trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền dự kiến chào bán để thực hiện các dự án (trừ trường hợp chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu). Tổ chức phát hành phải có phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để thực hiện các dự án.".

11. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 22 như sau:

"b) Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền; phương án dự kiến sử dụng vốn thu được từ việc phát hành cổ phiếu để thực hiện quyền của chứng quyền. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu phải xác định rõ tỷ lệ chào bán thành công cho mục đích thực hiện dự án tối thiểu 70% tổng số trái phiếu chào bán để thực hiện các dự án (trừ trường hợp chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu). Phương án sử dụng vốn phải bao gồm nội dung về phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để thực hiện các dự án.".

12. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 23 như sau:

"a) Bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước

ngoài, tổ chức tài chính ở nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế theo quy định của pháp luật. Việc bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng;".

13. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 3 Điều 24 như sau:

"đ) Trường hợp Đại diện người sở hữu trái phiếu không được nhận tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật chuyên ngành, Đại diện người sở hữu trái phiếu chỉ định bên thứ ba nhận tài sản bảo đảm đó hoặc chỉ định bên thứ ba nhận toàn bộ tài sản bảo đảm của trái phiếu. Tổ chức nhận tài sản bảo đảm có trách nhiệm phối hợp với Đại diện người sở hữu trái phiếu để quản lý và thực hiện các biện pháp xử lý tài sản bảo đảm theo điều khoản hợp đồng đã ký kết và theo quy định pháp luật về các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự;".

14. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 25 như sau:

"2. Văn bản cam kết bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính ở nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế trong trường hợp trái phiếu được bảo đảm theo phương thức bảo lãnh thanh toán.".

15. Sửa đổi, bổ sung Điều 26 như sau:

"Điều 26. Điều kiện chào bán trái phiếu ra công chúng tại Việt Nam của tổ chức tài chính quốc tế

1. Tổ chức phát hành là tổ chức tài chính quốc tế theo quy định của pháp luật.

2. Trái phiếu chào bán là trái phiếu có kỳ hạn tối thiểu 05 năm.

3. Có phương án phát hành và phương án sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán để đầu tư cho các dự án tại Việt Nam hoặc đầu tư góp vốn, mua cổ phần, trái phiếu, cho vay lại các doanh nghiệp được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

4. Có cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác.

5. Tổ chức phát hành phải mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu của đợt chào bán.

6. Có cam kết thực hiện niêm yết trái phiếu sau khi kết thúc đợt chào bán.".

16. Sửa đổi, bổ sung Điều 27 như sau:

"Điều 27. Hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng tại Việt Nam của tổ chức tài chính quốc tế

1. Giấy đăng ký chào bán theo Mẫu số 07A Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Bản công bố thông tin về đợt chào bán trái phiếu ra công chúng tại Việt Nam của tổ chức tài chính quốc tế theo Mẫu số 07B Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Quyết định của cấp có thẩm quyền của tổ chức phát hành thông qua phương án phát hành và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

4. Văn bản cam kết thực hiện các nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với các nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác.

5. Văn bản cam kết niêm yết trái phiếu sau khi kết thúc đợt chào bán.

6. Văn bản xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về việc tổ chức phát hành mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu của đợt chào bán.".

17. Sửa đổi, bổ sung Điều 30 như sau:

"**Điều 30. Điều kiện chào bán chứng khoán ra công chúng của công ty sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp**

Điều kiện công ty đại chúng sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng, chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền ra công chúng; công ty sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, chào bán trái phiếu ra công chúng bao gồm:

1. Đáp ứng điều kiện về chào bán cổ phiếu, trái phiếu ra công chúng, trong đó căn cứ xác định điều kiện về hoạt động kinh doanh có lãi và không có lỗ lũy kế của công ty theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

2. Đối với trường hợp công ty đại chúng sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng, chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền ra công chúng, công ty sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp chào bán trái phiếu ra công chúng, hoạt động kinh doanh của năm liền trước năm đăng ký chào bán phải có lãi, đồng thời không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán căn cứ trên:

a) Trường hợp công ty đăng ký chào bán trong năm cơ cấu lại doanh nghiệp: báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước năm liền trước năm cơ cấu lại của tổ chức phát hành được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến chấp nhận toàn phần; báo cáo tài chính quý gần nhất của tổ chức phát hành;

b) Trường hợp công ty đăng ký chào bán trong năm liền sau năm cơ cấu lại (đối với trường hợp hợp nhất): báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy

ước cho kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính đến thời điểm cơ cấu lại của tổ chức phát hành được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến chấp nhận toàn phần; báo cáo tài chính kỳ kế toán đầu tiên từ thời điểm cơ cấu lại đến thời điểm kết thúc năm tài chính của tổ chức phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 20 Luật Chứng khoán; báo cáo tài chính quý gần nhất của tổ chức phát hành (nếu có). Điều kiện hoạt động kinh doanh có lãi được xác định căn cứ trên tổng lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước kỳ kế toán cuối cùng và trên báo cáo tài chính kỳ kế toán đầu tiên;

c) Trường hợp công ty đăng ký chào bán từ năm liền sau năm cơ cấu lại trở đi (đối với trường hợp sáp nhập, mua lại doanh nghiệp, bán tài sản), công ty đăng ký chào bán từ năm thứ hai sau năm cơ cấu lại trở đi (đối với trường hợp hợp nhất): báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, báo cáo tài chính quý gần nhất (nếu có) của tổ chức phát hành.

3. Đối với trường hợp công ty sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, hoạt động kinh doanh của 02 năm liền trước năm đăng ký chào bán phải có lãi, đồng thời không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán căn cứ trên:

a) Trường hợp công ty đăng ký chào bán trong năm cơ cấu lại doanh nghiệp: báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho 02 năm liền trước năm cơ cấu lại của tổ chức phát hành được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến chấp nhận toàn phần; báo cáo tài chính quý gần nhất của tổ chức phát hành (nếu có);

b) Trường hợp công ty đăng ký chào bán trong năm liền sau năm cơ cấu lại: báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước năm liền trước năm cơ cấu lại được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến chấp nhận toàn phần và báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; báo cáo tài chính quý gần nhất của tổ chức phát hành (nếu có);

Đối với trường hợp hợp nhất: báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho năm liền trước năm hợp nhất của tổ chức phát hành được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến chấp nhận toàn phần; báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính đến thời điểm hợp nhất được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến chấp nhận toàn phần và báo cáo tài chính kỳ kế toán đầu tiên từ thời điểm hợp nhất đến thời điểm kết thúc năm tài chính của tổ chức phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; báo cáo tài chính quý gần nhất của tổ chức phát hành (nếu có). Điều kiện hoạt động kinh doanh có lãi của năm liền trước năm đăng ký chào bán được xác định căn cứ trên tổng lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước kỳ kế toán cuối cùng và trên báo cáo tài chính kỳ kế toán đầu tiên.

c) Trường hợp công ty đăng ký chào bán trong năm thứ hai liền sau năm cơ cấu lại: báo cáo tài chính năm của 02 năm gần nhất của tổ chức phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; báo cáo tài chính quý gần nhất của tổ chức phát hành (nếu có).

Đối với trường hợp hợp nhất: báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính đến thời điểm hợp nhất được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến chấp nhận toàn phần và báo cáo tài chính kỳ kế toán đầu tiên từ thời điểm hợp nhất đến thời điểm kết thúc năm tài chính của tổ chức phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; báo cáo tài chính năm liền trước năm đăng ký chào bán của tổ chức phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; báo cáo tài chính quý gần nhất của tổ chức phát hành (nếu có). Điều kiện hoạt động kinh doanh có lãi của năm thứ hai liền trước năm đăng ký chào bán được xác định căn cứ trên tổng lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính đến thời điểm hợp nhất và báo cáo tài chính kỳ kế toán đầu tiên từ thời điểm hợp nhất đến thời điểm kết thúc năm tài chính của tổ chức phát hành.".

18. Bổ sung một số khoản của Điều 31 như sau:

a) Bổ sung khoản 1a vào trước khoản 1 Điều 31 như sau:

"1a. Đối với trường hợp công ty đại chúng sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng, chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền ra công chúng, công ty sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp chào bán trái phiếu ra công chúng, hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều này.".

b) Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 Điều 31 như sau:

"5. Đối với trường hợp công ty sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, hồ sơ đăng ký chào bán theo quy định về hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, trong đó báo cáo tài chính năm được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận của 02 năm trước liền kề năm đăng ký chào bán được thay bằng các báo cáo sau:

a) Trường hợp công ty chào bán trong năm cơ cấu lại: báo cáo tài chính năm của 02 năm trước liền kề năm cơ cấu lại của các doanh nghiệp tham gia cơ cấu lại được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận và báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho 02 năm liền trước năm cơ cấu lại của tổ chức phát hành được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến chấp nhận toàn phần;

Đối với trường hợp hợp nhất: báo cáo tài chính năm của 02 năm gần nhất của các doanh nghiệp tham gia cơ cấu lại được kiểm toán và báo cáo tài chính kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính đến thời điểm cơ cấu lại của các doanh nghiệp tham gia cơ cấu lại được kiểm toán; báo cáo tổng hợp thông

tin tài chính theo quy ước cho 02 năm liền trước năm hợp nhất của tổ chức phát hành được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

b) Trường hợp công ty đăng ký chào bán trong năm liền sau năm cơ cấu lại: báo cáo tài chính năm của 02 năm liền trước năm đăng ký chào bán của tổ chức phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; báo cáo tài chính năm trước liền kề năm cơ cấu lại của các doanh nghiệp tham gia cơ cấu lại được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận và báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước năm liền trước năm cơ cấu lại của tổ chức phát hành được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến chấp nhận toàn phần;

Đối với trường hợp hợp nhất: báo cáo tài chính năm của năm liền trước năm hợp nhất và báo cáo tài chính kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính tính đến thời điểm hợp nhất của các doanh nghiệp tham gia hợp nhất được kiểm toán; báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho năm liền trước năm hợp nhất của tổ chức phát hành được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính đến thời điểm hợp nhất của công ty hợp nhất được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận và báo cáo tài chính kỳ kế toán đầu tiên từ thời điểm hợp nhất đến thời điểm kết thúc năm tài chính của tổ chức phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

c) Trường hợp công ty đăng ký chào bán trong năm thứ hai liền sau năm cơ cấu lại: báo cáo tài chính năm của 02 năm liền trước năm đăng ký chào bán của tổ chức phát hành.

Đối với trường hợp hợp nhất: báo cáo tài chính năm của năm liền trước năm hợp nhất và báo cáo tài chính kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính tính đến thời điểm hợp nhất của các công ty bị hợp nhất được kiểm toán; báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính đến thời điểm hợp nhất được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận và báo cáo tài chính kỳ kế toán đầu tiên từ thời điểm hợp nhất đến thời điểm kết thúc năm tài chính của tổ chức phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; báo cáo tài chính năm liền trước năm đăng ký chào bán của tổ chức phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

d) Trường hợp công ty đăng ký chào bán từ năm thứ ba liền sau năm cơ cấu lại, hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng theo quy định tại Điều 11 Nghị định này.".

19. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 5 Điều 41 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 41 như sau:

"3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo từ

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc yêu cầu hoàn tất thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng, tổ chức phát hành, cổ đông đăng ký chào bán gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước 06 Bản cáo bạch chính thức, Bản công bố thông tin chính thức (đối với trường hợp chào bán trái phiếu ra công chúng tại Việt Nam của tổ chức tài chính quốc tế) để hoàn thành thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng.".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 41 như sau:

"5. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực, tổ chức phát hành, cổ đông đăng ký chào bán phải công bố Bản thông báo phát hành trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Luật Chứng khoán và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của tổ chức phát hành, cổ đông đăng ký chào bán là tổ chức (nếu có), Sở giao dịch chứng khoán. Bản cáo bạch chính thức, Bản công bố thông tin chính thức (đối với trường hợp chào bán trái phiếu ra công chúng tại Việt Nam của tổ chức tài chính quốc tế) phải được đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử của tổ chức phát hành, cổ đông đăng ký chào bán là tổ chức (nếu có) và Sở giao dịch chứng khoán.".

20. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 43 như sau:

"a) Phương án phát hành phải nêu rõ: mục đích chào bán; số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán; giá chào bán, hoặc nguyên tắc xác định giá chào bán và ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định giá chào bán; tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư; nhà đầu tư chiến lược; thông qua hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua danh sách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, số lượng cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư.

Những người có quyền lợi liên quan đến đợt chào bán không được tham gia biểu quyết.".

21. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 45 như sau:

"a) Phương án phát hành phải nêu rõ: mục đích chào bán; số lượng cổ phiếu chào bán; giá chào bán, hoặc nguyên tắc xác định giá chào bán và ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định giá chào bán; tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư; danh sách nhà đầu tư chiến lược và số lượng cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư. Những người có quyền lợi liên quan đến đợt chào bán cổ phiếu không được tham gia biểu quyết;".

22. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 47 như sau:

"a) Phương án phát hành phải nêu rõ: loại cổ phiếu chào bán; đặc tính của cổ phiếu ưu đãi kèm chứng quyền; số lượng cổ phiếu ưu đãi kèm chứng quyền; giá chào bán, hoặc nguyên tắc xác định giá chào bán và ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định giá chào bán; tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư; nhà đầu tư chiến lược; thông qua hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua danh sách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, số lượng cổ phiếu chào bán cho từng nhà

đầu tư; phương án thực hiện quyền của chứng quyền (điều kiện, thời hạn, tỷ lệ thực hiện quyền; giá hoặc phương pháp tính giá phát hành; thông qua hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu để thực hiện quyền đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, các điều khoản khác).

Những người có quyền lợi liên quan đến đợt chào bán không được tham gia biểu quyết.".

23. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 49 như sau:

"4. Có báo cáo tài chính năm gần nhất của công ty có cổ phần hoặc phần vốn góp được hoán đổi được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. Kỳ kế toán của báo cáo tài chính năm gần nhất phải đảm bảo tối thiểu 12 tháng. Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính là ý kiến chấp nhận toàn phần.".

24. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 50 như sau:

"2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông của tổ chức phát hành thông qua phương án phát hành, trong đó nêu rõ: mục đích phát hành; số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành; danh sách nhà đầu tư; số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành hoán đổi cho từng nhà đầu tư; phương pháp xác định và tỷ lệ hoán đổi. Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông về phương pháp xác định và tỷ lệ hoán đổi, ý kiến của tổ chức thẩm định giá độc lập (nếu có) để Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, phù hợp với giá thị trường.

Những người có quyền lợi liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu không được tham gia biểu quyết.".

25. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 53 như sau:

"6. Điều kiện quy định tại các điểm a, e khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán và các khoản 5, 6 Điều 49 Nghị định này.".

26. Sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 54 như sau:

"10. Tài liệu quy định tại các khoản 5, 6 Điều 50 Nghị định này.".

27. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 57 như sau:

"5. Điều kiện quy định tại các khoản 2, 5, 6 Điều 49 Nghị định này.".

28. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 58 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 58 như sau:

"2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành, trong đó nêu rõ: mục đích phát hành, số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành, danh

sách chủ nợ, giá trị các khoản nợ phải trả được hoán đổi và số lượng cổ phiếu dự kiến hoán đổi cho từng chủ nợ, phương pháp xác định và tỷ lệ hoán đổi. Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông về phương pháp xác định và tỷ lệ hoán đổi, ý kiến của tổ chức thẩm định giá độc lập (nếu có) để Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, phù hợp với giá thị trường. Những người có quyền lợi liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu không được tham gia biểu quyết.".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 58 như sau:

"5. Tài liệu quy định tại các khoản 5, 6, 8, 9 Điều 50 Nghị định này.".

29. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 62 như sau:

"a) Nguồn vốn chủ sở hữu để tăng vốn cổ phần được căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, bao gồm các nguồn sau: thặng dư vốn cổ phần; quỹ đầu tư phát triển; lợi nhuận sau thuế chưa phân phối; quỹ khác (nếu có) được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật;".

30. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 64 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 64 như sau:

"1. Có phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động được Đại hội đồng cổ đông thông qua, trong đó phải nêu rõ đối tượng, số lượng cổ phiếu phát hành, tiêu chuẩn người lao động tham gia chương trình, giá phát hành, hoặc nguyên tắc xác định giá phát hành và ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định giá phát hành.".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 64 như sau:

"3. Có danh sách người lao động được tham gia chương trình, số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và thời gian thực hiện được Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua.".

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 64 như sau:

"8. Cổ phiếu phát hành bị hạn chế chuyển nhượng tối thiểu 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành, ngoại trừ trường hợp cổ phiếu được mua lại theo quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của công ty.

Cổ phiếu đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng được công ty mua lại theo quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động thì không còn hạn chế chuyển nhượng; công ty được phép bán ra số cổ phiếu đã được mua lại theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính.".

31. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 65 như sau:

"2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho người lao động. Những người có quyền lợi liên quan đến đợt phát

hành không được tham gia biểu quyết thông qua nội dung này.

3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị (trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền) thông qua danh sách người lao động được tham gia chương trình, số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và thời gian thực hiện, trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động, phương án bán ra số cổ phiếu được công ty mua lại. Những người có quyền lợi liên quan đến đợt phát hành không được tham gia biểu quyết thông qua nội dung này.".

32. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 86 như sau:

"3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân chào mua công khai và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đã nhận đầy đủ hồ sơ đăng ký chào mua công khai; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.".

33. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 1 Điều 105 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 105 như sau:

"a) Bị đình chỉ hoạt động môi giới hoặc tự doanh chứng khoán; bị đình chỉ hoạt động lưu ký chứng khoán, thanh toán giao dịch chứng khoán đối với thành viên lưu ký; bị đình chỉ hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán đối với thành viên bù trừ;".

b) Bổ sung điểm e1 vào sau điểm e khoản 1 Điều 105 như sau:

"e1) Theo đề nghị của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều 156 Nghị định này;".

34. Bổ sung Điều 106a vào sau Điều 106 như sau:

"Điều 106a. Thành viên tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục

1. Điều kiện công ty chứng khoán đăng ký làm thành viên tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục

a) Là thành viên giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết;

b) Là thành viên lập quỹ;

c) Có nhân viên thực hiện hoạt động tạo lập thị trường có chứng chỉ hành nghề chứng khoán;

d) Có quy trình nghiệp vụ về hoạt động tạo lập thị trường.

2. Hồ sơ đăng ký thành viên tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục

a) Giấy đăng ký làm thành viên tạo lập thị trường theo Mẫu số 25A Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao hợp đồng lập quỹ hoán đổi danh mục còn hiệu lực với công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;

c) Danh sách nhân viên thực hiện hoạt động tạo lập thị trường kèm theo bản thông tin cá nhân theo Mẫu số 67 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và bản sao chứng chỉ hành nghề chứng khoán;

d) Quy trình nghiệp vụ về hoạt động tạo lập thị trường.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký thành viên tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục hợp lệ, Sở giao dịch chứng khoán ban hành quyết định chấp thuận tư cách thành viên tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Thành viên tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hoạt động tạo lập thị trường theo quy định tại quy chế của Sở giao dịch chứng khoán.

4. Sở giao dịch chứng khoán đình chỉ hoạt động tạo lập thị trường của thành viên tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục trong các trường hợp sau:

a) Bị Sở giao dịch chứng khoán đình chỉ hoạt động giao dịch trên thị trường niêm yết;

b) Không đáp ứng điều kiện theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều này và không khắc phục được điều kiện này sau thời hạn do Sở giao dịch chứng khoán yêu cầu;

c) Không tuân thủ một trong các nghĩa vụ của thành viên tạo lập thị trường và Sở giao dịch chứng khoán xét thấy cần phải đình chỉ hoạt động tạo lập thị trường.

5. Tự nguyện hủy bỏ tư cách thành viên tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục

a) Hồ sơ tự nguyện hủy bỏ tư cách thành viên tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục gồm Giấy đề nghị hủy bỏ tư cách thành viên tạo lập thị trường theo Mẫu số 27A Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; biên bản thanh lý hợp đồng tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục;

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm a khoản này, Sở giao dịch chứng khoán ban hành quyết định hủy bỏ tư cách thành viên tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục.

6. Sở giao dịch chứng khoán hủy bỏ bắt buộc tư cách thành viên tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục trong các trường hợp sau:

a) Hết thời hạn đình chỉ hoạt động tạo lập thị trường mà thành viên tạo lập

thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục không khắc phục được các nguyên nhân dẫn đến đình chỉ;

b) Bị Sở giao dịch chứng khoán hủy bỏ tư cách thành viên trên thị trường niêm yết.".

35. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 107; sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 107 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều 107 như sau:

"Điều 107. Quy định chung về niêm yết chứng khoán"

b) Sửa đổi, bổ sung điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 107 như sau:

"d) Trường hợp thời điểm gửi hồ sơ đăng ký niêm yết hợp lệ đến Sở giao dịch chứng khoán quá thời hạn công bố thông tin báo cáo tài chính quý theo quy định cho công ty niêm yết, tổ chức đăng ký niêm yết phải bổ sung báo cáo tài chính của quý đó. Trường hợp đăng ký niêm yết sau ngày kết thúc của kỳ lập báo cáo tài chính bán niên, tổ chức đăng ký niêm yết phải bổ sung báo cáo tài chính bán niên được soát xét hoặc được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận;

đ) Trường hợp sau kỳ kế toán gần nhất được kiểm toán, tổ chức đăng ký niêm yết cổ phiếu thực hiện phát hành tăng vốn điều lệ (trừ trường hợp phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động, phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu), tổ chức đăng ký niêm yết phải bổ sung báo cáo về vốn điều lệ đã góp tăng thêm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận hoặc báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.".

c) Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 Điều 107 như sau:

"4. Kết quả hoạt động kinh doanh, lỗ lũy kế, vốn chủ sở hữu của tổ chức đăng ký niêm yết, tổ chức niêm yết được xem xét theo quy định tại khoản 8 Điều 7 Nghị định này.".

36. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 109 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 109 như sau:

"c) Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) năm liền trước năm đăng ký niêm yết tối thiểu là 5% và hoạt động kinh doanh của 02 năm liền trước năm đăng ký niêm yết phải có lãi; không có lỗ lũy kế căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán, trong trường hợp đăng ký niêm yết sau

ngày kết thúc của kỳ lập báo cáo tài chính bán niên thì căn cứ trên báo cáo tài chính bán niên được soát xét hoặc được kiểm toán.

Trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng đồng thời với niêm yết mà nộp hồ sơ hợp lệ đến Sở giao dịch chứng khoán trong thời gian 60 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các chỉ tiêu nêu trên căn cứ trên báo cáo tài chính năm được kiểm toán theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 111a Nghị định này;".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 109 như sau:

"2. Việc phân loại, sắp xếp cổ phiếu niêm yết căn cứ vào các tiêu chí quy định tại quy chế của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, trong đó có một hoặc một số tiêu chí về vốn điều lệ, giá trị vốn hóa, thời gian hoạt động, tình hình tài chính, cơ cấu cổ đông, quản trị công ty.".

37. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 110 như sau:

"b) Bản cáo bạch niêm yết theo Mẫu số 29 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; Quyết định phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về Đề án cổ phần hóa (trong trường hợp hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu của doanh nghiệp cổ phần hóa); Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc niêm yết cổ phiếu;".

38. Bổ sung Điều 111a vào trước Điều 111 như sau:

"Điều 111a. Đăng ký niêm yết cổ phiếu đồng thời với chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của công ty cổ phần

1. Tổ chức đăng ký niêm yết khi nộp hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng đồng thời với đăng ký niêm yết cổ phiếu có trách nhiệm gửi Sở giao dịch chứng khoán các tài liệu như sau:

a) Tài liệu quy định tại các điểm a, đ, g khoản 1 Điều 110 Nghị định này;

b) Bản cáo bạch niêm yết theo Mẫu số 29A Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc niêm yết cổ phiếu;

c) Báo cáo tài chính trong 02 năm liền trước năm đăng ký niêm yết của tổ chức đăng ký niêm yết theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Nghị định này;

d) Báo cáo về vốn điều lệ đã góp tính đến thời điểm đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 18 Luật Chứng khoán.

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Sở giao dịch chứng khoán có văn bản thông báo cho tổ chức đăng ký niêm yết về việc đáp ứng điều kiện là công ty cổ phần có vốn

điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký niêm yết từ 30 tỷ đồng trở lên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 109 và các điều kiện quy định tại điểm các c, e, g khoản 1 Điều 109 Nghị định này; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Văn bản của Sở giao dịch chứng khoán thông báo cho tổ chức đăng ký niêm yết phải đồng thời gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán nhận được thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, Sở giao dịch chứng khoán có văn bản yêu cầu tổ chức đăng ký niêm yết bổ sung tài liệu như sau:

a) Giấy đề nghị tiếp tục xem xét việc đăng ký niêm yết theo Mẫu số 28B Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch theo Mẫu số 29B Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương, trong đó cập nhật vốn điều lệ của tổ chức đăng ký niêm yết sau khi chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng;

d) Tài liệu quy định tại các điểm c, d khoản 1 Điều 110 Nghị định này.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thông báo nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, tổ chức đăng ký niêm yết có trách nhiệm gửi bổ sung cho Sở giao dịch chứng khoán nơi đăng ký niêm yết các tài liệu nêu tại khoản 3 Điều này.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được các tài liệu hợp lệ theo quy định tại khoản 3 Điều này, trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết đáp ứng điều kiện về giá trị vốn hóa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 109 và các điều kiện quy định tại điểm d, đ khoản 1 Điều 109 Nghị định này, Sở giao dịch chứng khoán có quyết định chấp thuận niêm yết cổ phiếu. Trường hợp từ chối, Sở giao dịch chứng khoán trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán ban hành quyết định chấp thuận niêm yết cổ phiếu, tổ chức đăng ký niêm yết phải đăng ký ngày giao dịch đầu tiên cho cổ phiếu niêm yết (ngày giao dịch phải sau ít nhất 06 ngày làm việc kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán nhận được văn bản đề nghị của tổ chức đăng ký niêm yết nhưng tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán có quyết định chấp thuận niêm yết). Sở giao dịch chứng khoán ra thông báo ngày giao dịch đầu tiên đối với cổ phiếu chấp thuận niêm yết sau khi Sở giao dịch chứng khoán nhận được giấy đăng ký ngày giao dịch đầu tiên cho cổ phiếu niêm yết của tổ chức đăng ký niêm yết và văn bản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về việc cổ

phiếu đó đã đăng ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.".

39. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 111 và sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 111 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều 111 như sau:

"Điều 111. Thủ tục đăng ký niêm yết cổ phiếu không thuộc trường hợp đăng ký niêm yết cổ phiếu đồng thời với chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, thủ tục niêm yết chứng chỉ quỹ ".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 111 như sau:

"2. Tổ chức đăng ký niêm yết phải thực hiện đưa chứng khoán vào giao dịch theo quy định tại khoản 6 Điều 111a Nghị định này.".

40. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 113 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 113 như sau:

"1. Đối với trường hợp quy định tại các điểm a, c khoản 1 Điều 112 Nghị định này, hồ sơ đăng ký niêm yết bao gồm các tài liệu theo quy định tại các điểm a, b, c, g, h khoản 1 Điều 110 Nghị định này, trong đó báo cáo tài chính quy định tại điểm h khoản 1 Điều 110 Nghị định này được thay bằng báo cáo tài chính năm của 02 năm gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận của các doanh nghiệp bị hợp nhất.

2. Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 112 Nghị định này, hồ sơ đăng ký niêm yết theo quy định tại các điểm a, b, c, g, h khoản 1 Điều 110 Nghị định này, trong đó báo cáo tài chính quy định tại điểm h khoản 1 Điều 110 Nghị định này được thay bằng báo cáo tài chính năm của 02 năm gần nhất của các doanh nghiệp bị hợp nhất và báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước của tổ chức đăng ký niêm yết cho năm liền trước năm thực hiện hợp nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.".

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 7 Điều 113 như sau:

"b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký niêm yết hợp lệ, Sở giao dịch chứng khoán chấp thuận đăng ký niêm yết; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Tổ chức đăng ký niêm yết phải thực hiện đưa cổ phiếu vào giao dịch theo quy định tại khoản 6 Điều 111a Nghị định này.".

41. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 114 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 114 như sau:

"d) Tài liệu quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.".

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 7 Điều 114 như sau:

"c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán ban hành quyết định chấp thuận tiếp tục niêm yết và niêm yết bổ sung, tổ chức niêm yết phải đăng ký ngày giao dịch cho số lượng chứng khoán mới (ngày giao dịch phải sau ít nhất 06 ngày làm việc kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán nhận được văn bản đề nghị của tổ chức niêm yết nhưng tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày được cấp quyết định chấp thuận thay đổi niêm yết). Trường hợp chứng khoán niêm yết bổ sung bao gồm chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng, tổ chức niêm yết đồng thời đăng ký ngày giao dịch của chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng tại một thời điểm xác định sau khi kết thúc thời gian hạn chế chuyển nhượng. Sở giao dịch chứng khoán ra thông báo ngày giao dịch đầu tiên đối với cổ phiếu chấp thuận niêm yết sau khi Sở giao dịch chứng khoán nhận được giấy đăng ký ngày giao dịch đầu tiên cho cổ phiếu niêm yết của tổ chức đăng ký niêm yết và văn bản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về việc cổ phiếu đó đã đăng ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.".

42. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 115 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 115 như sau:

"b) Báo cáo về vốn điều lệ đã góp của công ty bị tách sau thời điểm tách doanh nghiệp được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; báo cáo tài chính trong 02 năm liền trước năm tách doanh nghiệp của công ty bị tách;".

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 8 Điều 115 như sau:

"b) Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở giao dịch chứng khoán có quyết định chấp thuận tiếp tục niêm yết; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Tổ chức đăng ký niêm yết phải thực hiện thủ tục đưa cổ phiếu vào giao dịch theo quy định tại khoản 6 Điều 111a Nghị định này.".

c) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 9 Điều 115 như sau:

"b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở giao dịch chứng khoán có quyết định chấp thuận tiếp tục niêm yết; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Tổ chức đăng ký niêm yết phải thực hiện thủ tục đưa cổ phiếu vào giao dịch theo quy định tại khoản 6 Điều 111a Nghị định này.".

43. Sửa đổi tên Điều 117; sửa đổi, bổ sung điểm b và điểm c khoản 2 Điều 117 như sau:

a) Sửa đổi tên Điều 117 như sau:

"Điều 117. Thay đổi đăng ký niêm yết cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng khi thay đổi số lượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết không thuộc trường hợp sáp nhập, tách công ty hoặc các trường hợp cơ cấu lại doanh nghiệp"

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b và điểm c khoản 2 Điều 117 như sau:

"b) Giấy chứng nhận điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đầu tư chứng khoán, Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty đầu tư chứng khoán, Giấy phép điều chỉnh giấy phép hoạt động của tổ chức tín dụng sau đợt phát hành trong trường hợp tổ chức tín dụng thực hiện phát hành có thu tiền;

c) Báo cáo về vốn điều lệ đã góp đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, ngoại trừ các trường hợp phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động, phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu.".

44. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 118 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 118 như sau:

"2. Hồ sơ đăng ký niêm yết trái phiếu

a) Giấy đề nghị đăng ký niêm yết trái phiếu theo Mẫu số 28 hoặc Mẫu số 28A Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Sổ đăng ký người sở hữu trái phiếu của tổ chức đăng ký niêm yết được lập trong thời hạn 01 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết; Bản cáo bạch niêm yết trái phiếu theo Mẫu số 29C hoặc Mẫu số 29D hoặc Mẫu số 29Đ Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.".

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 118 như sau:

"b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán ban hành quyết định chấp thuận niêm yết trái phiếu, tổ chức đăng ký niêm yết phải đăng ký ngày giao dịch đầu tiên cho trái phiếu niêm yết (ngày giao dịch phải sau ít nhất 06 ngày làm việc kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán nhận được văn bản đề nghị của tổ chức đăng ký niêm yết nhưng tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán có quyết định chấp thuận niêm yết). Sở giao dịch chứng khoán ra thông báo ngày giao dịch đầu tiên đối với trái phiếu chấp thuận niêm yết sau khi Sở giao dịch chứng khoán nhận được giấy đăng ký ngày giao dịch đầu tiên cho trái phiếu niêm yết của tổ chức đăng ký niêm yết và văn bản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về việc trái phiếu đó đã đăng ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.".

45. Bổ sung Điều 118a vào sau Điều 118 như sau:

"Điều 118a. Thay đổi đăng ký niêm yết trái phiếu

1. Tổ chức niêm yết thực hiện thay đổi đăng ký niêm yết trái phiếu trong trường hợp tổ chức niêm yết thực hiện chuyển đổi một phần trái phiếu thành cổ phiếu, mua lại trước hạn một phần trái phiếu, hoán đổi một phần trái phiếu hoặc

các trường hợp khác làm thay đổi số lượng trái phiếu niêm yết.

2. Hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết

a) Giấy đăng ký thay đổi niêm yết theo Mẫu số 31 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, trong đó nêu rõ lý do dẫn đến việc thay đổi niêm yết và các tài liệu có liên quan;

b) Báo cáo đã hoàn tất mua lại một phần trái phiếu hoặc hoàn tất chuyển đổi một phần trái phiếu thành cổ phiếu hoặc hoàn tất hoán đổi một phần trái phiếu và kèm theo tài liệu chứng minh đã hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi hoặc hoán đổi một phần trái phiếu.

3. Trình tự, thủ tục thực hiện thay đổi đăng ký niêm yết

a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, phát hành cổ phiếu chuyển đổi từ trái phiếu hoặc kể từ ngày thay đổi số lượng trái phiếu niêm yết, tổ chức niêm yết phải nộp hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết trái phiếu;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở giao dịch chứng khoán có trách nhiệm chấp thuận thay đổi đăng ký niêm yết.".

46. Bổ sung Điều 119a vào sau Điều 119 như sau:

"**Điều 119a. Niêm yết chứng quyền có bảo đảm**

1. Hồ sơ niêm yết lần đầu chứng quyền có bảo đảm

a) Giấy đăng ký niêm yết chứng quyền theo Mẫu số 28C Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Công bố thông tin điều chỉnh chứng quyền theo Mẫu số 31B Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này (nếu có).

2. Thủ tục chấp thuận niêm yết chứng quyền có bảo đảm

a) Tổ chức phát hành khi báo cáo kết quả chào bán chứng quyền cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đồng thời nộp hồ sơ đăng ký niêm yết chứng quyền cho Sở giao dịch chứng khoán, hồ sơ đăng ký lưu ký chứng quyền cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận được báo cáo kết quả chào bán chứng quyền và hồ sơ đăng ký niêm yết hợp lệ, Sở giao dịch chứng khoán có quyết định chấp thuận niêm yết chứng quyền;

c) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về việc chứng quyền đã

đăng ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán có văn bản về việc giao dịch chứng quyền. Chứng quyền được chính thức giao dịch trên hệ thống vào ngày làm việc thứ hai kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán có văn bản về việc giao dịch chứng quyền.

3. Thay đổi đăng ký niêm yết chứng quyền có bảo đảm do thay đổi số lượng chứng quyền có bảo đảm niêm yết khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức niêm yết thực hiện đợt chào bán bổ sung đối với chứng quyền đã chào bán;

b) Tổng số lượng chứng khoán cơ sở được quy đổi từ các chứng quyền đã chào bán thuộc tất cả các tổ chức niêm yết chứng quyền vượt quá một tỷ lệ phần trăm tổng số lượng chứng khoán cơ sở tự do chuyển nhượng theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Việc giảm số lượng chứng quyền niêm yết thực hiện theo nguyên tắc:

Tổ chức niêm yết phải giảm số lượng chứng quyền niêm yết chưa lưu hành có thời gian còn lại dưới 02 tháng tính từ ngày phát sinh tỷ lệ vượt đến ngày đáo hạn;

Trường hợp số lượng chứng quyền đang lưu hành ít hơn 5% số lượng đã chào bán, giảm niêm yết 80% số lượng chứng quyền đã chào bán;

Trường hợp số lượng chứng quyền đang lưu hành từ 5% đến 10% số lượng đã chào bán, giảm niêm yết 70% số chứng quyền đã chào bán;

c) Tổ chức niêm yết được thay đổi giảm một phần sau ngày niêm yết tối thiểu 30 ngày theo nguyên tắc: số chứng quyền còn lại (sau khi giảm số lượng chứng quyền niêm yết) đạt tối thiểu 10% số chứng quyền đã chào bán.

4. Hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết chứng quyền có bảo đảm

a) Giấy đăng ký thay đổi niêm yết theo Mẫu số 31A Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty thông qua việc thay đổi niêm yết (đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều này);

c) Công bố thông tin điều chỉnh chứng quyền theo Mẫu số 31B Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này (nếu có).

5. Thủ tục chấp thuận thay đổi đăng ký niêm yết chứng quyền có bảo đảm đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều này:

a) Tổ chức phát hành khi báo cáo kết quả chào bán chứng quyền cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đồng thời nộp hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết chứng quyền cho Sở giao dịch chứng khoán, hồ sơ đăng ký lưu ký chứng quyền

cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận được báo cáo kết quả chào bán chứng quyền và hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết hợp lệ, Sở giao dịch chứng khoán chấp thuận thay đổi đăng ký niêm yết;

c) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về việc chứng quyền đã đăng ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán có văn bản về việc giao dịch chứng quyền thay đổi đăng ký niêm yết. Số lượng chứng quyền thay đổi tăng được chính thức giao dịch trên hệ thống vào ngày làm việc thứ hai kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán có văn bản về việc giao dịch chứng quyền thay đổi đăng ký niêm yết.

6. Thủ tục thay đổi đăng ký niêm yết chứng quyền có bảo đảm đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này:

a) Sở giao dịch chứng khoán thông báo cho các tổ chức niêm yết chứng quyền trên cùng một tài sản cơ sở về việc phải huỷ niêm yết một phần chứng quyền, đồng thời yêu cầu các tổ chức niêm yết báo cáo về số lượng chứng quyền chưa lưu hành có thời gian còn lại dưới 02 tháng tính từ ngày phát sinh tỷ lệ vượt đến ngày đáo hạn;

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán gửi thông báo theo quy định tại điểm a khoản này, các tổ chức niêm yết gửi Sở giao dịch chứng khoán hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết chứng quyền;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán gửi thông báo đến các tổ chức niêm yết, căn cứ hồ sơ của các tổ chức niêm yết và xem xét Báo cáo hoạt động phòng ngừa rủi ro đối với các tổ chức niêm yết không gửi hồ sơ, Sở giao dịch chứng khoán ban hành quyết định về việc thay đổi niêm yết chứng quyền.

7. Thủ tục thay đổi đăng ký niêm yết chứng quyền có bảo đảm tại trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều này:

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết hợp lệ, Sở giao dịch chứng khoán ban hành quyết định về việc thay đổi niêm yết chứng quyền. Trường hợp từ chối, Sở giao dịch chứng khoán trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.".

47. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 120 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung các điểm b, c, đ, e, i, l, o khoản 1 Điều 120 như sau:

"b) Tổ chức niêm yết đăng ký tạm ngừng kinh doanh hoặc bị tạm ngừng, đình chỉ hoạt động từ 01 năm trở lên hoặc bị chấm dứt kinh doanh

theo yêu cầu, quyết định của cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Tổ chức niêm yết bị thu hồi Giấy phép hoạt động trong lĩnh vực chuyên ngành;

đ) Cổ phiếu không đưa vào giao dịch trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán chấp thuận đăng ký niêm yết;

e) Hoạt động kinh doanh bị thua lỗ trên báo cáo tài chính năm được kiểm toán trong 03 năm liên tục gần nhất hoặc tổng số lỗ lũy kế vượt quá số vốn điều lệ thực góp hoặc vốn chủ sở hữu âm trong báo cáo tài chính được kiểm toán năm gần nhất trước thời điểm xem xét;

i) Tổ chức niêm yết vi phạm chậm nộp báo cáo tài chính năm được kiểm toán trong 03 năm liên tiếp hoặc kết thúc năm tài chính mà tổ chức niêm yết không thực hiện nghĩa vụ báo cáo đối với báo cáo tài chính kiểm toán của năm tài chính liền trước;

l) Tổ chức niêm yết bị xử lý vi phạm theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 7 Điều 12 Luật Chứng khoán;

o) Tổ chức niêm yết không hoàn thành nghĩa vụ tài chính với Sở giao dịch chứng khoán quá 06 tháng kể từ thời hạn phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định; các trường hợp khác mà Sở giao dịch chứng khoán hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy cần thiết phải hủy niêm yết nhằm bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư.".

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm d khoản 3 Điều 120 như sau:

"a) Quỹ đóng, quỹ đầu tư bất động sản, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng không còn đáp ứng điều kiện có ít nhất 100 nhà đầu tư không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong thời gian 06 tháng liên tục;

d) Chứng chỉ quỹ, cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán không đưa vào giao dịch trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán chấp thuận đăng ký niêm yết;".

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 120 như sau:

"4. Cổ phiếu của công ty đại chúng, chứng chỉ quỹ đóng, quỹ đầu tư bất động sản, quỹ hoán đổi danh mục và cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán thuộc diện hủy bỏ niêm yết bắt buộc được tiếp tục giao dịch trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày ra quyết định hủy niêm yết, trừ trường hợp hủy niêm yết theo quy định tại các điểm c, d, đ, l khoản 1 và điểm c, d, đ, e khoản 3 Điều này.".

d) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5 Điều 120 như sau:

"a) Trái phiếu đến thời gian đáo hạn (bao gồm trường hợp được tổ chức niêm yết gia hạn thời gian đáo hạn); trái phiếu niêm yết được tổ chức niêm yết mua lại hoặc chuyển đổi hoặc hoán đổi toàn bộ trái phiếu trước thời gian đáo hạn;".

đ) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 5 Điều 120 như sau:

"c) Các trường hợp quy định tại các điểm b, c, h, l khoản 1 Điều này và khoản 2 Điều 119 Nghị định này; tổ chức phát hành không đưa trái phiếu vào giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều 118 Nghị định này.".

e) Bổ sung khoản 5a vào sau khoản 5 Điều 120 như sau:

"5a. Trái phiếu niêm yết của tổ chức tài chính quốc tế chào bán tại Việt Nam bị hủy bỏ niêm yết bắt buộc trong trường hợp trái phiếu đến thời gian đáo hạn hoặc trái phiếu niêm yết được tổ chức phát hành mua lại toàn bộ trước thời gian đáo hạn.".

g) Bổ sung khoản 7 vào sau khoản 6 Điều 120 như sau:

"7. Trường hợp đặc biệt để thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, Thủ tướng Chính phủ quyết định không áp dụng quy định hủy bỏ niêm yết bắt buộc tại điểm e khoản 1 Điều này đối với từng trường hợp cụ thể.".

48. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 121 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 121 như sau:

"2. Điều kiện được hủy bỏ niêm yết chứng quyền có bảo đảm tự nguyện

Tổ chức niêm yết sở hữu toàn bộ số chứng quyền có bảo đảm chưa lưu hành được đề nghị hủy niêm yết tất cả số chứng quyền có bảo đảm chưa lưu hành sau ngày niêm yết tối thiểu 30 ngày.".

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 121 như sau:

"b) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (đối với trường hợp hủy bỏ niêm yết cổ phiếu) hoặc của Đại hội nhà đầu tư (đối với trường hợp hủy bỏ niêm yết chứng chỉ quỹ) hoặc của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu (đối với trường hợp hủy bỏ niêm yết chứng quyền có bảo đảm) thông qua việc hủy bỏ niêm yết tự nguyện;".

49. Sửa đổi, bổ sung Điều 124 như sau:

"Điều 124. Hồ sơ, thủ tục đăng ký niêm yết chứng khoán của tổ chức phát hành nước ngoài

1. Hồ sơ đăng ký niêm yết bao gồm tài liệu quy định tại khoản 1 Điều 110

Nghị định này đối với trường hợp niêm yết cổ phiếu; tài liệu quy định tại khoản 2 Điều 118 Nghị định này đối với trường hợp niêm yết trái phiếu.

2. Thủ tục đăng ký niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thực hiện theo Điều 111, Điều 118 Nghị định này.".

50. Sửa đổi, bổ sung Điều 126 như sau:

"Điều 126. Niêm yết, giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài

1. Công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán của Việt Nam niêm yết, giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài theo quy định tại nước sở tại nơi chứng khoán niêm yết, giao dịch.

2. Công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán của Việt Nam đăng ký niêm yết, giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài phải gắn với chào bán chứng khoán ra nước ngoài.".

51. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 131

"b) Tuân thủ quy định tại các khoản 3, 4, 5 Điều 128 Nghị định này.".

52. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 133 như sau:

"b) Công ty bị hủy bỏ niêm yết bắt buộc hoặc hủy bỏ niêm yết tự nguyện nhưng vẫn là công ty đại chúng;".

53. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 135 như sau:

"1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở giao dịch chứng khoán có quyết định chấp thuận đăng ký giao dịch đồng thời thực hiện công bố thông tin ra thị trường.

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán ban hành quyết định chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu, tổ chức đăng ký giao dịch phải đăng ký ngày giao dịch đầu tiên cho cổ phiếu đăng ký giao dịch (ngày giao dịch phải sau ít nhất 06 ngày làm việc kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán nhận được văn bản đề nghị của tổ chức đăng ký giao dịch nhưng tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán có quyết định chấp thuận đăng ký giao dịch). Sở giao dịch chứng khoán ra thông báo ngày giao dịch đầu tiên đối với cổ phiếu chấp thuận đăng ký giao dịch sau khi Sở giao dịch chứng khoán nhận được giấy đăng ký ngày giao dịch đầu tiên cho cổ phiếu đăng ký giao dịch của tổ chức đăng ký giao dịch và văn bản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về việc cổ phiếu đó đã đăng ký tại Tổng công ty

lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.".

54. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 136 như sau:

"c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán ban hành quyết định chấp thuận thay đổi đăng ký giao dịch, tổ chức đăng ký giao dịch phải đăng ký ngày giao dịch cho số lượng cổ phiếu mới (ngày giao dịch phải sau ít nhất 06 ngày làm việc kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán nhận được văn bản đề nghị của tổ chức đăng ký giao dịch nhưng tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán có quyết định chấp thuận thay đổi đăng ký giao dịch). Trường hợp cổ phiếu đăng ký giao dịch bổ sung bao gồm cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng, tổ chức đăng ký giao dịch đồng thời đăng ký ngày giao dịch của cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng tại một thời điểm xác định sau khi kết thúc thời gian hạn chế chuyển nhượng. Sở giao dịch chứng khoán ra thông báo ngày giao dịch đầu tiên đối với số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch tăng sau khi Sở giao dịch chứng khoán nhận được giấy đăng ký ngày giao dịch đầu tiên cho cổ phiếu đăng ký giao dịch của tổ chức đăng ký giao dịch và văn bản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về việc đã điều chỉnh số lượng cổ phiếu đăng ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.".

55. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 138 như sau:

"2. Trường hợp trực tiếp đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, nhà đầu tư nước ngoài phải đăng ký mã số giao dịch chứng khoán tại thành viên lưu ký để thành viên lưu ký thực hiện đăng ký với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trước khi thực hiện các hoạt động đầu tư. Trường hợp gián tiếp đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, nhà đầu tư nước ngoài không phải đăng ký mã số giao dịch chứng khoán; công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam nhận ủy thác vốn của nhà đầu tư nước ngoài phải đăng ký mã số giao dịch chứng khoán theo nguyên tắc quy định tại các điểm d, đ khoản 2 Điều 145 Nghị định này.".

56. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 139 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 139 như sau:

"2. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng là doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện theo quy định pháp luật về cổ phần hóa. Trường hợp pháp luật về cổ phần hóa không có quy định thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 139 như sau:

"5. Trường hợp công ty đại chúng có tỷ lệ sở hữu nước ngoài vượt quá tỷ lệ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, công ty đại chúng phải bảo đảm không làm tăng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty và các cổ đông của công ty đại chúng là nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài

sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được phép bán ra cổ phiếu cho nhà đầu tư trong nước cho đến khi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng tuân thủ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, ngoại trừ việc nhận cổ tức bằng cổ phiếu, nhận cổ phiếu thưởng, mua cổ phiếu trong đợt phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền, nhận cổ phiếu do hợp nhất, nhận cổ phiếu do sáp nhập doanh nghiệp, nhận cổ phiếu do thừa kế hoặc theo bản án, quyết định của Tòa án, Trọng tài, cơ quan thi hành án, chuyển danh mục cổ phiếu của mình sang tài khoản lưu ký chứng khoán mới tương ứng với mã số giao dịch chứng khoán được cấp và trường hợp pháp luật liên quan có quy định khác.".

57. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 141 và một số điểm, khoản của Điều 141 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều 141 như sau:

"Điều 141. Trách nhiệm thông báo về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa và thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty đại chúng".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 141 như sau:

"2. Công ty đại chúng chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp khi xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh và tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 139 Nghị định này.".

c) Bổ sung điểm b1 sau điểm b khoản 4 Điều 141 như sau:

"b1) Pháp luật về cổ phần hóa có quy định thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa.".

58. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 142 và một số điểm, khoản của Điều 142 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều 142 như sau:

"Điều 142. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa và thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng.".

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c khoản 1 Điều 142 như sau:

"b) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động, hoặc Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, trong đó có nội dung về ngành nghề đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận ngành nghề đăng ký kinh doanh;

c) Trường hợp công ty đại chúng là doanh nghiệp cổ phần hóa theo quy định tại khoản 2 Điều 139 Nghị định này thì bổ sung văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án cổ phần hóa, trong đó có nội dung về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty (nếu có);".

c) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 142 như sau:

"b) Tài liệu quy định tại các điểm b, c khoản 1 Điều này.".

d) Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 142 như sau:

"2a. Công ty đại chúng không phải nộp tài liệu theo quy định tại các điểm b, c khoản 1, điểm b khoản 2 Điều này trong trường hợp tài liệu đó đã được công bố trên Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc thông tin về ngành nghề đăng ký kinh doanh của công ty đại chúng đã được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.".

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và khoản 4 Điều 142 như sau:

"3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản thông báo về việc nhận đầy đủ hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa hoặc hồ sơ thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng đồng thời gửi Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và Sở giao dịch chứng khoán nơi công ty niêm yết, đăng ký giao dịch cổ phiếu; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện cập nhật, điều chỉnh trên hệ thống về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều này hoặc thời điểm nêu tại văn bản thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.".

59. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 143 như sau:

"1. Tổ chức kinh tế là công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, quỹ đầu tư chứng khoán dạng đóng, quỹ thành viên và các tổ chức kinh tế khác có vốn đầu tư nước ngoài phải áp dụng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trình tự, thủ tục đầu tư trên thị trường chứng khoán như nhà đầu tư nước ngoài khi có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, ngoại trừ công ty chứng khoán thực hiện hoạt động phòng ngừa rủi ro hoặc tạo lập thị trường theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính.".

60. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 145 như sau:

"a) Công ty chứng khoán nước ngoài, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán nước ngoài được cấp 02 mã số giao dịch chứng khoán: 01 mã số giao dịch chứng khoán cho hoạt động giao dịch của chính công ty và 01 mã số giao dịch chứng khoán cho hoạt động quản lý giao dịch của khách hàng của công ty;".

61. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 146 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c, điểm d khoản 3 Điều 146 như sau:

"c) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận thông tin kê khai từ thành viên lưu ký, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam gửi xác nhận điện tử mã số giao dịch chứng khoán cho thành viên lưu ký. Trường

hợp từ chối, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam phải trả lời trên hệ thống và nêu rõ lý do;

d) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được xác nhận điện tử mã số giao dịch chứng khoán từ Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, thành viên lưu ký thông báo mã số giao dịch chứng khoán cho tổ chức, cá nhân đăng ký và gửi văn bản xác nhận mã số giao dịch chứng khoán cho tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu.".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 146 như sau:

"5. Tổ chức, cá nhân đăng ký mã số giao dịch chứng khoán chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đăng ký mã số giao dịch chứng khoán. Thành viên lưu ký có trách nhiệm xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ đăng ký mã số giao dịch chứng khoán; kê khai đầy đủ, chính xác, trung thực các thông tin do các tổ chức, cá nhân đăng ký cung cấp trên hệ thống tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; lưu trữ đầy đủ hồ sơ đăng ký mã số giao dịch chứng khoán và cung cấp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi có yêu cầu bằng văn bản.".

62. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 147 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 147 như sau:

"c) Theo yêu cầu của thành viên lưu ký sau khi thành viên lưu ký nhận được đề nghị hủy mã số giao dịch chứng khoán của tổ chức, cá nhân.".

b) Bổ sung khoản 2a, khoản 2b vào sau khoản 2 Điều 147 như sau:

"2a. Trình tự, thủ tục hủy bỏ mã số giao dịch chứng khoán đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều này

a) Tổ chức, cá nhân nộp Giấy đề nghị hủy mã số giao dịch chứng khoán cho thành viên lưu ký theo Mẫu số 43 Phụ lục kèm theo Nghị định này;

b) Thành viên lưu ký thực hiện kê khai các thông tin trong Giấy đề nghị hủy mã số giao dịch chứng khoán trên hệ thống tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

c) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận thông tin kê khai từ thành viên lưu ký, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam gửi xác nhận điện tử hủy bỏ mã số giao dịch chứng khoán cho thành viên lưu ký. Trường hợp từ chối, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam phải trả lời trên hệ thống và nêu rõ lý do;

d) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được xác nhận điện tử hủy bỏ mã số giao dịch chứng khoán từ Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, thành viên lưu ký thông báo cho tổ chức, cá nhân.

2b. Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về tính chính xác, trung thực của các thông tin nêu trong hồ sơ đề nghị hủy mã số giao

dịch chứng khoán. Thành viên lưu ký có trách nhiệm xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ đề nghị hủy mã số giao dịch chứng khoán; kê khai đầy đủ, chính xác, trung thực các thông tin do tổ chức, cá nhân cung cấp trên hệ thống tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; lưu trữ đầy đủ hồ sơ đề nghị hủy mã số giao dịch chứng khoán và cung cấp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi có yêu cầu bằng văn bản.".

63. Sửa đổi, bổ sung Điều 148 như sau:

"Điều 148. Thay đổi thông tin liên quan đến mã số giao dịch chứng khoán

1. Tổ chức, cá nhân đã được cấp mã số giao dịch chứng khoán phải thực hiện thủ tục thay đổi thông tin liên quan đến mã số giao dịch chứng khoán tại thành viên lưu ký trong các trường hợp sau:

a) Thay đổi thành viên lưu ký;

b) Thay đổi tên, quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nơi đăng ký hoạt động, địa chỉ trụ sở chính, số giấy phép đăng ký kinh doanh đối với tổ chức;

c) Thay đổi tên, quốc tịch, địa chỉ liên lạc, số hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cá nhân.

2. Hồ sơ thay đổi thông tin

a) Báo cáo thay đổi thông tin của tổ chức, cá nhân đã được cấp mã số giao dịch chứng khoán theo Mẫu số 44 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kinh doanh hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động có các nội dung thay đổi hoặc tài liệu khác về các thay đổi theo Mẫu số 42 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này đối với trường hợp thay đổi các nội dung theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Hộ chiếu mới hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp mới đối với trường hợp thay đổi các nội dung theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

3. Trình tự báo cáo thay đổi thông tin

a) Đối với thay đổi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, tổ chức, cá nhân phải thực hiện thủ tục thay đổi với thành viên lưu ký trước khi thực hiện thay đổi. Đối với thay đổi theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này, tổ chức, cá nhân phải thực hiện thủ tục thay đổi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có sự thay đổi;

b) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này cho thành viên lưu ký;

c) Thành viên lưu ký kê khai các thông tin thay đổi của tổ chức, cá nhân theo Mẫu số 44 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này trên hệ thống tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (ngoại trừ thông tin số

hộ chiếu, chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cá nhân và số giấy phép đăng ký kinh doanh đối với tổ chức);

d) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận thông tin kê khai từ thành viên lưu ký, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam điều chỉnh thông tin thay đổi và gửi xác nhận điện tử cho thành viên lưu ký. Trường hợp từ chối, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam phải trả lời trên hệ thống và nêu rõ lý do;

đ) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được xác nhận điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, thành viên lưu ký thông báo xác nhận các thay đổi liên quan đến mã số giao dịch chứng khoán cho tổ chức, cá nhân và gửi văn bản xác nhận các thay đổi liên quan đến mã số giao dịch chứng khoán cho tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu.

4. Tổ chức, cá nhân đã được cấp mã số giao dịch chứng khoán chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về tính chính xác, trung thực của hồ sơ thay đổi thông tin. Thành viên lưu ký có trách nhiệm xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ thay đổi thông tin; kê khai đầy đủ, chính xác, trung thực các thông tin do tổ chức, cá nhân cung cấp trên hệ thống tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; lưu trữ đầy đủ hồ sơ và cung cấp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi có yêu cầu bằng văn bản.".

64. Bổ sung một số khoản của Điều 149 như sau:

a) Bổ sung khoản 3a và khoản 3b vào sau khoản 3 Điều 149 như sau:

"3a. Công ty đại chúng, tổ chức phát hành phải hoàn tất việc đăng ký chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trước khi đưa chứng khoán vào giao dịch trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán.

3b. Việc đăng ký chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam không thể hiện chứng khoán đó đủ điều kiện niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán.".

b) Bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 Điều 149 như sau:

"4a. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán đã đăng ký theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Yêu cầu cung cấp thông tin phải nêu rõ nội dung, mục đích, hình thức cung cấp thông tin, căn cứ pháp lý xác định thẩm quyền được yêu cầu cung cấp thông tin. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được quyền từ chối đối với yêu cầu cung cấp thông tin không đúng quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan. Cơ quan yêu cầu cung cấp thông tin phải chịu trách nhiệm về việc yêu cầu cung cấp thông tin và có trách nhiệm bảo mật thông tin được cung cấp.".

65. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 150 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 150 như sau:

"1. Hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm áp dụng đối với hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch chứng khoán, ngoại trừ hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch công cụ nợ, trái phiếu doanh nghiệp.".

b) Bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 Điều 150 như sau:

"4a. Sau khi công ty con của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được thành lập để thực hiện hoạt động bù trừ giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm, việc thực hiện hoạt động bù trừ, xác định nghĩa vụ thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm theo quy định tại Nghị định này do công ty con thực hiện trên cơ sở phân công của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Công ty con thực hiện trích 5% doanh thu hàng năm từ hoạt động nghiệp vụ của công ty con để lập quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ để xử lý rủi ro trong quá trình xử lý các nghiệp vụ của công ty con. Khoản trích lập này được tính vào chi phí của công ty con khi xác định thu nhập chịu thuế. Số dư quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ không vượt quá 30% vốn điều lệ của công ty con. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc trích lập, quản lý và sử dụng quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ của công ty con của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.".

66. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 151 như sau:

"1. Là công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán.".

67. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 156 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 156 như sau:

"đ) Từ chối thế vị đối với các giao dịch bán chứng khoán khi chưa sở hữu không đúng quy định của pháp luật; giao dịch của thành viên bù trừ và thành viên giao dịch không bù trừ ủy thác bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán qua thành viên bù trừ thực hiện sau khi Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam đề nghị Sở giao dịch chứng khoán đình chỉ hoạt động giao dịch của các thành viên này; giao dịch mà việc thực hiện thanh toán sẽ ảnh hưởng đến an toàn của hệ thống bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán; giao dịch không hợp lệ khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính;".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 156 như sau:

"3. Trích 5% doanh thu hàng năm từ hoạt động nghiệp vụ của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam để lập quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ để xử lý rủi ro trong quá trình xử lý các nghiệp vụ của Tổng công ty lưu ký

và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Khoản trích lập này được tính vào chi phí của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam khi xác định thu nhập chịu thuế. Số dư quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ không vượt quá 30% vốn điều lệ của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc trích lập, quản lý và sử dụng quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.".

68. Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 157 như sau:

"3. Ngoài các quyền và nghĩa vụ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, công ty chứng khoán là thành viên bù trừ thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật trong việc phối hợp thực hiện hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán giữa thành viên bù trừ là công ty chứng khoán với ngân hàng lưu ký không làm thành viên bù trừ.".

69. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 169 như sau:

"4. Khi chứng khoán đã đăng ký biện pháp bảo đảm bị hủy đăng ký tập trung theo quy định pháp luật, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thông báo cho thành viên lưu ký nơi lưu ký chứng khoán dùng làm tài sản bảo đảm để thông báo cho các bên làm thủ tục xóa đăng ký biện pháp bảo đảm. Trường hợp các bên không làm thủ tục xóa đăng ký biện pháp bảo đảm, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam tự động thực hiện xóa biện pháp bảo đảm để hủy đăng ký chứng khoán.".

70. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 174 như sau:

"3. Việc cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh tại cơ quan đăng ký kinh doanh được thực hiện theo pháp luật về doanh nghiệp sau khi công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam nhận được Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán, các quyết định chấp thuận, điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán, các quyết định chấp thuận theo quy định tại khoản 1 Điều này. Chế độ tài chính, kế toán của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài thực hiện theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính.".

71. Sửa đổi, bổ sung điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 178 như sau:

"d) Báo cáo tài chính năm gần nhất của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài được kiểm toán; trường hợp tổ chức kinh doanh chứng khoán nước

ngoài là công ty mẹ phải bổ sung báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán (nếu có); và các tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 176, các khoản 4, 5, 6 Điều 177 Nghị định này;

đ) Trường hợp tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài đang đầu tư tại Việt Nam phải bổ sung: danh sách các quỹ đầu tư, danh mục đầu tư tại Việt Nam có xác nhận của Ngân hàng lưu ký của các quỹ đầu tư tại Việt Nam.".

72. Bổ sung Điều 202a vào sau Điều 202 như sau:

"Điều 202a. Chào bán chứng quyền có bảo đảm

1. Điều kiện chào bán chứng quyền có bảo đảm

a) Tổ chức phát hành là công ty chứng khoán được cấp phép nghiệp vụ tự doanh chứng khoán; có vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu tối thiểu 1.000 tỷ đồng theo báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán; không đang trong tình trạng tạm ngừng hoạt động, đình chỉ hoạt động;

b) Có quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty thông qua chủ trương chào bán chứng quyền có bảo đảm;

c) Có quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty thông qua phương án chào bán và việc niêm yết chứng quyền có bảo đảm;

d) Có báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến kiểm toán là ý kiến chấp nhận toàn phần; trường hợp ý kiến kiểm toán là ý kiến ngoại trừ thì khoản ngoại trừ không ảnh hưởng đến điều kiện chào bán, tổ chức phát hành phải có tài liệu giải thích hợp lý và có xác nhận của tổ chức kiểm toán về ảnh hưởng của việc ngoại trừ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ được nộp trong thời gian 60 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, báo cáo tài chính của năm gần nhất có thể là báo cáo tài chính chưa kiểm toán, nhưng phải có báo cáo tài chính được kiểm toán của năm trước liền kề đáp ứng quy định trên;

đ) Có tài sản bảo đảm thanh toán là một hoặc một số hoặc toàn bộ các tài sản sau: tiền, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi; hoặc được bảo lãnh thanh toán của ngân hàng lưu ký. Tài sản bảo đảm phải được ký quỹ tại ngân hàng lưu ký với giá trị tài sản bảo đảm ban đầu tối thiểu là 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm dự kiến chào bán. Ngân hàng lưu ký không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán;

e) Tổ chức phát hành phải mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng quyền có bảo đảm của đợt chào bán theo quy định tại Điều 8 Nghị định này;

g) Tuân thủ nghĩa vụ thanh toán chứng quyền có bảo đảm, các sản phẩm

tài chính khác đối với trường hợp đã từng chào bán chứng quyền có bảo đảm, sản phẩm tài chính khác.

2. Tổ chức phát hành chỉ được thực hiện chào bán bổ sung khi số lượng chứng quyền có bảo đảm đang lưu hành vượt quá 80% số lượng chứng quyền có bảo đảm đó đã phát hành và thời gian còn lại của chứng quyền có bảo đảm đến ngày đáo hạn lớn hơn 30 ngày. Chứng quyền có bảo đảm được chào bán bổ sung phải có các nội dung tương ứng của chứng quyền có bảo đảm của đợt chào bán lần đầu và thông tin điều chỉnh chứng quyền có bảo đảm (nếu có), ngoại trừ số lượng chứng quyền có bảo đảm đăng ký chào bán và giá đăng ký chào bán.

3. Hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm

a) Giấy đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm theo Mẫu số 76A Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Quyết định của chủ sở hữu công ty thông qua chủ trương chào bán chứng quyền có bảo đảm; tổng hạn mức chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán hoặc tỷ lệ giá trị chứng quyền có bảo đảm được phép chào bán so với giá trị vốn khả dụng của công ty; phương án bảo đảm thanh toán và các nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với người sở hữu chứng quyền có bảo đảm trong trường hợp tổ chức phát hành bị mất khả năng thanh toán, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản.

c) Nghị quyết của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc quyết định của chủ sở hữu công ty thông qua phương án chào bán và việc niêm yết chứng quyền có bảo đảm, trong đó phương án phát hành phải nêu rõ: loại chứng quyền, kiểu chứng quyền, chứng khoán cơ sở, thời hạn của chứng quyền, giá chào bán hoặc khoảng giá chào bán, số lượng chứng quyền, giá thực hiện hoặc khoảng giá thực hiện. Trường hợp tại phương án phát hành chưa xác định giá chào bán, giá thực hiện, Công ty phải xác định giá chào bán, giá thực hiện tại Bản thông báo phát hành trong khoảng giá đã được Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty thông qua.

d) Bản cáo bạch theo quy định tại khoản 4 Điều 19 Luật Chứng khoán;

đ) Báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. Trường hợp hồ sơ hợp lệ được nộp trong thời gian 60 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, báo cáo tài chính của năm gần nhất có thể là báo cáo tài chính chưa kiểm toán, nhưng phải có báo cáo tài chính được kiểm toán của năm trước liền kề;

e) Hợp đồng ký quỹ bảo đảm thanh toán chứng quyền có bảo đảm ký với ngân hàng lưu ký hoặc văn bản xác nhận bảo lãnh thanh toán chứng quyền có bảo đảm của ngân hàng lưu ký. Tài liệu này trong hồ sơ ban đầu nộp cho Ủy

ban Chứng khoán Nhà nước có thể được thay thế bằng Hợp đồng nguyên tắc về việc tiếp nhận tài sản bảo đảm thanh toán chứng quyền có bảo đảm ký với ngân hàng lưu ký hoặc văn bản cam kết bảo lãnh thanh toán chứng quyền có bảo đảm của ngân hàng lưu ký nhưng phải được gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trước ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán;

g) Văn bản xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng quyền có bảo đảm của đợt chào bán.

4. Tài liệu quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này được miễn trừ trong trường hợp tài liệu đó đã được gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định về báo cáo và công bố thông tin.

5. Trường hợp tổ chức phát hành đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm, hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm trong các đợt chào bán bổ sung hoặc các đợt chào bán lần đầu của các chứng quyền có bảo đảm khác bao gồm tài liệu quy định tại các điểm a, c, d, e, g khoản 3 Điều này; và các tài liệu quy định tại điểm b, đ khoản 3 Điều này nếu có nội dung mới hoặc thay đổi.

6. Trình tự, thủ tục đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm được thực hiện như sau:

a) Theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 7, 8, 9 Điều 41 Nghị định này.

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc yêu cầu hoàn tất thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm, tổ chức phát hành gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước 04 Bản cáo bạch chính thức để hoàn thành thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm.

c) Tổ chức phát hành thực hiện phân phối chứng quyền có bảo đảm theo quy định tại Điều 26 Luật Chứng khoán, trong đó bảo đảm thời hạn đăng ký mua chứng quyền có bảo đảm cho nhà đầu tư tối thiểu là 03 ngày và thời hạn này phải được ghi trong Bản thông báo phát hành. Tổ chức phát hành được chuyển số chứng quyền có bảo đảm chưa phân phối hết vào tài khoản tự doanh và được tiếp tục phân phối trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán sau khi niêm yết thông qua hoạt động tạo lập thị trường theo quy định tại quy chế của Sở giao dịch chứng khoán.

7. Ngân hàng lưu ký do tổ chức phát hành lựa chọn và phải có tối thiểu các trách nhiệm sau:

a) Thực hiện lưu giữ tài sản bảo đảm thanh toán của tổ chức phát hành; quản lý tách biệt tài sản bảo đảm thanh toán với tài sản khác của tổ chức phát hành và các tài sản khác của ngân hàng lưu ký;

b) Thực hiện phong tỏa tài sản bảo đảm thanh toán đã ký quỹ của tổ chức phát hành;

c) Thực hiện hoạt động thu, chi, thanh toán và chuyển giao tiền liên quan đến hoạt động của tổ chức phát hành theo yêu cầu hợp pháp của tổ chức phát hành, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

d) Xác nhận báo cáo do tổ chức phát hành lập có liên quan đến tài sản bảo đảm thanh toán;

đ) Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi phát hiện tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm vi phạm pháp luật;

e) Được thu tiền cung cấp dịch vụ liên quan đến chứng quyền có bảo đảm theo quy định pháp luật.

8. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về chứng quyền có bảo đảm; chứng khoán cơ sở của chứng quyền có bảo đảm; hạn mức chào bán, giao dịch, thanh toán, thực hiện chứng quyền có bảo đảm; kiểu thực hiện và phương thức thực hiện chứng quyền; điều chỉnh chứng quyền có bảo đảm; hoạt động tạo lập thị trường, phòng ngừa rủi ro, bảo vệ quyền lợi của người sở hữu chứng quyền có bảo đảm; báo cáo, công bố thông tin và hoạt động khác liên quan đến chứng quyền có bảo đảm.".

73. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 213 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 213 như sau:

"b) Có chứng chỉ chuyên môn quản lý quỹ và tài sản hoặc chứng chỉ tương đương;".

b) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 4 Điều 213 như sau:

"đ) Chứng chỉ hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài hoặc tài liệu tương đương chứng minh cá nhân đó đang được phép hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài; hoặc các chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán hoặc các chứng chỉ tương đương;".

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 213 như sau:

"5. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán quy định tại khoản 4 Điều này đồng thời là hồ sơ đăng ký dự thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán, trong đó phiếu lý lịch tư pháp có thể được nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết quả thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán được thông báo trên trang thông tin điện

tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Hồ sơ được nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và không được hoàn lại, kể cả trường hợp không dự thi hoặc không được cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán. Cá nhân đăng ký dự thi sát hạch phải nộp đủ chi phí dự thi sát hạch theo quy định.".

d) Bổ sung khoản 5a vào sau khoản 5 Điều 213 như sau:

"5a. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán với nội dung sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán gồm hai phần: Phần pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán Việt Nam và phần chuyên môn. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày kết thúc đợt thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán.".

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 213 như sau:

"6. Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán

a) Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán (bản giấy hoặc bản điện tử) cho người có kết quả thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán đạt. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết quả thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán được thông báo trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán và thông báo nộp lệ phí cho người đề nghị. Trường hợp từ chối hoặc Phiếu lý lịch tư pháp cần sửa đổi, bổ sung, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Đối với trường hợp cần sửa đổi, bổ sung Phiếu lý lịch tư pháp theo quy định tại điểm a khoản này, thí sinh phải hoàn thiện Phiếu lý lịch tư pháp theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn quy định tại khoản 8 Điều 6 Nghị định này. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán và thông báo nộp lệ phí cho người đề nghị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn hoàn thiện hồ sơ; trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

c) Trường hợp kết quả thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán chưa đạt một phần, thí sinh được thi lại phần chưa đạt trong vòng 01 năm kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo kết quả thi lần đầu hoặc kỳ thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán gần nhất liền sau kỳ thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán thí sinh tham dự. Quá thời hạn nêu trên, thí sinh phải thi lại cả hai phần. Trường hợp đăng ký thi lại phần chưa đạt, người đề nghị nộp hồ sơ đăng ký dự thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng

khoán và hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán theo quy định tại điểm a, b, c, e khoản 4 và khoản 5 Điều này.".

e) Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 213 như sau:

"8. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về lệ phí cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán; về chứng chỉ chuyên môn và chứng chỉ tương đương quy định tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều này.".

74. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 214 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 214 như sau:

"a) Chứng chỉ hành nghề chứng khoán bị thu hồi theo quy định tại điểm a, c khoản 3 Điều 97 Luật Chứng khoán hoặc bị hỏng, bị mất. Trường hợp chứng chỉ hành nghề chứng khoán bị thu hồi theo quy định tại điểm a, c khoản 3 Điều 97 Luật Chứng khoán, chứng chỉ hành nghề chứng khoán được cấp lại cho các cá nhân đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 213 Nghị định này tương ứng theo loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán đề nghị cấp lại.".

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 214 như sau:

"b) Đối với trường hợp chứng chỉ hành nghề chứng khoán bị mất, hỏng hoặc thay đổi thông tin xác nhận nhân thân trong chứng chỉ hành nghề chứng khoán, hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán bao gồm: Giấy đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán theo Mẫu số 85 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; Thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng; 02 ảnh 4 cm x 6 cm chụp trong vòng 06 tháng tính đến ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được hồ sơ; Chứng chỉ hành nghề chứng khoán đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, trừ trường hợp đề nghị cấp lại do bị mất chứng chỉ.".

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 214 như sau:

"3. Trình tự, thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán

a) Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, trình tự, thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán thực hiện theo quy định tại khoản 5, khoản 5a, khoản 6, khoản 7 Điều 213 Nghị định này;

b) Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán (bản giấy hoặc bản điện tử) và thông báo nộp lệ phí cho người đề nghị; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.".

75. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 215 như sau:

"2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có quyết định thu hồi chứng chỉ hành nghề chứng khoán và đăng tải thông tin về việc thu hồi trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, trường hợp chứng chỉ hành nghề được cấp bằng bản giấy, người bị thu hồi chứng chỉ phải nộp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.".

76. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 5 Điều 216 như sau:

"d) Trước ngày 20 tháng 01 hàng năm, tổ chức sử dụng người hành nghề chứng khoán phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tình hình sử dụng người hành nghề tại công ty của năm trước liền kề theo Mẫu số 87 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Báo cáo được thực hiện dưới hình thức văn bản điện tử trên hệ thống cơ sở dữ liệu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.".

77. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 Điều 232 như sau:

"d) Văn bản xác nhận của ngân hàng lưu ký hoặc ngân hàng giám sát và công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, trong đó nêu rõ chi tiết khoản thanh toán, danh mục tài sản phân phối cho từng nhà đầu tư theo phương án giải thể đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua hoặc xác nhận của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về việc đã hoàn tất phân bổ, đăng ký chứng khoán cho nhà đầu tư theo yêu cầu của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát (nếu có) và nhà đầu tư; xác nhận của tổ chức quản lý sổ cổ đông, tổ chức phát hành, doanh nghiệp tiếp nhận vốn đầu tư của quỹ về việc đã hoàn tất chuyển quyền sở hữu cổ phiếu, phần vốn góp cho từng nhà đầu tư tham gia vào quỹ theo yêu cầu của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.".

78. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 275 như sau:

"3. Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.".

79. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 276 như sau:

"2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của công ty đại chúng phải đảm bảo quy định sau:

a) Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b) Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

c) Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.".

80. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 277 như sau:

"3. Từng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.".

81. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 278 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 278 như sau:

"8. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), Người phụ trách quản trị công ty và người quản lý khác của công ty.".

b) Bổ sung khoản 10 vào sau khoản 9 Điều 278 như sau:

"10. Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.".

82. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 280 như sau:

"4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của từng thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị (đối với công ty niêm yết).".

83. Bổ sung khoản 6 vào sau khoản 5 Điều 291 như sau:

"6. Giám đốc, Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.".

84. Sửa đổi, bổ sung các khoản 3, 4, 5 Điều 293 như sau:

"3. Công ty đại chúng không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp sau đây:

a) Công ty đại chúng là tổ chức tín dụng;

b) Công ty đại chúng và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty; đồng thời tổ chức là người có liên quan không phải là cổ đông của công ty đại chúng theo quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Công ty đại chúng chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này. Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác mà công ty đại chúng và tổ chức (trừ trường hợp tổ chức là cổ đông của công ty đại chúng quy định tại khoản 2 Điều này) là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty.

b) Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa công ty đại chúng với một trong các đối tượng sau:

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp;

c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

5. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm b khoản 4 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty.".

85. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 304 như sau:

"1. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định tạm ngừng, đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 49 Luật Chứng khoán, thực hiện việc khôi phục một phần hoặc toàn bộ hoạt động giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 2 Điều 49 Luật Chứng khoán.

2. Thời hạn tạm ngừng đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán không quá 05 ngày làm việc. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn thời hạn tạm

ngừng đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán, thời gian gia hạn thêm mỗi lần không quá 05 ngày làm việc.".

86. Sửa đổi, bổ sung Điều 305 như sau:

"**Điều 305. Tạm ngừng, đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoặc khôi phục hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, công ty con của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam**

1. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định tạm ngừng, đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, công ty con của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 68 Luật Chứng khoán, thực hiện việc khôi phục một phần hoặc toàn bộ hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, công ty con của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 68 Luật Chứng khoán.

2. Thời hạn tạm ngừng đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, công ty con của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam không quá 05 ngày làm việc. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn thời hạn tạm ngừng đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, công ty con của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, thời gian gia hạn thêm mỗi lần không quá 05 ngày làm việc.

3. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi quyết định tạm ngừng, đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoặc khôi phục hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán chứng khoán theo quy định tại khoản 1, 2 Điều này được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, công ty con của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam phải thực hiện dừng một phần hoặc toàn bộ hoặc khôi phục hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán chứng khoán và công bố về việc này trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, công ty con của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.".

87. Bổ sung khoản 6 vào sau khoản 5 Điều 307 như sau:

"6. Trường hợp bị cấm thực hiện hoạt động giao dịch chứng khoán, tổ chức, cá nhân chỉ được bán chứng khoán có trên tài khoản giao dịch chứng khoán và không được tiếp tục mua chứng khoán trên tài khoản giao dịch chứng khoán, trừ trường hợp thực hiện giao dịch, chuyển nhượng theo bản án, quyết

định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật. Trong thời gian bị cấm thực hiện hoạt động giao dịch chứng khoán, người sở hữu chứng khoán được thực hiện các quyền phát sinh liên quan đến chứng khoán trên tài khoản theo quy định của pháp luật.".

88. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 1 Điều 308 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c và điểm d khoản 1 Điều 308 như sau:

"c) Trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được quyết định phong tỏa tài khoản, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam phải thực hiện phong tỏa chứng khoán trên tài khoản lưu ký chứng khoán liên quan (không bao gồm số chứng khoán chờ thanh toán cho giao dịch bán chứng khoán đã xác lập trên hệ thống giao dịch chứng khoán trước thời điểm tài khoản bị phong tỏa), công ty chứng khoán nơi có tài khoản bị phong tỏa phải thực hiện phong tỏa tài khoản giao dịch đồng thời thông báo cho chủ tài khoản về việc này;

d) Khi hết thời hạn phong tỏa ghi tại quyết định của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc khi có quyết định giải tỏa tài khoản giao dịch chứng khoán của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện giải tỏa chứng khoán trên tài khoản lưu ký chứng khoán liên quan, công ty chứng khoán nơi có tài khoản bị phong tỏa thực hiện giải tỏa tài khoản giao dịch chứng khoán đồng thời thông báo cho chủ tài khoản về việc này;".

b) Bổ sung điểm đ vào sau điểm d khoản 1 Điều 308 như sau:

"đ) Trường hợp bị phong tỏa tài khoản chứng khoán, tổ chức, cá nhân không được mua, bán chứng khoán trên tài khoản giao dịch chứng khoán, trừ trường hợp thực hiện giao dịch, chuyển nhượng chứng khoán trong tài khoản bị phong tỏa theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật. Trong thời gian bị phong tỏa tài khoản chứng khoán, người sở hữu chứng khoán được thực hiện các quyền phát sinh liên quan đến chứng khoán trên tài khoản theo quy định của pháp luật. Chứng khoán, tiền có trên tài khoản giao dịch chứng khoán sau khi thực hiện giao dịch, chuyển nhượng theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài, thừa kế theo quy định của pháp luật hoặc thực hiện quyền phát sinh liên quan đến chứng khoán trên tài khoản tiếp tục bị phong tỏa cho đến khi hết thời hạn phong tỏa hoặc khi có quyết định giải tỏa của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.".

89. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 310 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 310 như sau:

"4. Công ty đại chúng có cổ phiếu quỹ được mua trước thời điểm Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 có hiệu lực được bán cổ phiếu quỹ, dùng cổ phiếu quỹ làm cổ phiếu thưởng theo quy định tại Luật Chứng khoán số

70/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 và các văn bản quy định chi tiết thi hành các văn bản trên. Các công ty trên không được mua lại cổ phiếu của chính mình cho đến khi hoàn thành việc xử lý số cổ phiếu quỹ đã mua trước đó, trừ trường hợp mua lại cổ phiếu theo quy định tại khoản 2, khoản 6 Điều 36 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 56/2024/QH15.".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 13 Điều 310 như sau:

"13. Chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027, hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm được triển khai thực hiện theo quy định tại Nghị định này. Trong thời gian chưa triển khai cơ chế đối tác bù trừ trung tâm, hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.".

c) Bổ sung khoản 13a vào sau khoản 13 Điều 310 như sau:

"13a. Trong thời gian chưa triển khai hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm, công ty chứng khoán là thành viên lưu ký được đăng ký làm thành viên giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán.".

d) Bổ sung khoản 21 vào sau khoản 20 Điều 310 như sau:

"21. Doanh nghiệp cổ phần hóa theo pháp luật về cổ phần hóa trước ngày 01 tháng 01 năm 2021 được áp dụng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 109 Nghị định này.".

Điều 2. Bổ sung, thay thế một số từ, cụm từ, phụ lục; bãi bỏ một số điểm, khoản, điều, phụ lục của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP

1. Thay cụm từ "Chứng minh nhân dân" bằng cụm từ "Căn cước" tại điểm a khoản 3, điểm a khoản 4, điểm a khoản 5 Điều 5; thay cụm từ "báo cáo tài chính kỳ kế toán năm đầu tiên sau thời điểm cơ cấu lại", "báo cáo tài chính kỳ kế toán năm đầu tiên sau thời điểm hợp nhất" thành cụm từ "báo cáo tài chính kỳ kế toán đầu tiên từ thời điểm cơ cấu lại đến ngày kết thúc năm tài chính" tại Điều 31, Điều 32, Điều 33; thay cụm từ "báo cáo tài chính kỳ kế toán năm cuối cùng trước thời điểm cơ cấu lại", "báo cáo tài chính kỳ kế toán năm cuối cùng trước thời điểm hợp nhất" thành cụm từ "báo cáo tài chính kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính đến thời điểm cơ cấu lại" tại Điều 31, Điều 32, Điều 33; thay cụm từ "trái phiếu doanh nghiệp" thành cụm từ "trái phiếu" tại Điều 118; thay cụm từ "doanh nghiệp" thành cụm từ "công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán" tại Điều 128; thay cụm từ "Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam" thành cụm từ "Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, công ty con của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam" tại điểm c khoản 3, khoản 4 Điều 302 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

2. Thay cụm từ "Giấy Chứng minh nhân dân/Số Chứng minh thư nhân dân/Giấy CMND/Số CMND/CMND/Căn cước công dân/Số CCCD/CCCD" bằng cụm từ "Số định danh cá nhân", bỏ thông tin về ngày cấp, nơi cấp của CMND/Số CMND/CMND/Căn cước công dân/Số CCCD/CCCD tại các Mẫu số 06, 10, 24, 40, 64, 66, 68, 71, 76, 79, 82, 86, 87, 90, 103 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

3. Thay cụm từ "Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam" bằng cụm từ "Tên thành viên lưu ký", bỏ cụm từ "có xác nhận của thành viên lưu ký" tại Mẫu số 44 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

4. Sửa đổi các Mẫu số 01, 05, 07, 11, 12, 13, 14, 15, 17, 23, 28, 29, 31, 32, 38, 39, 41, 42, 43, 67, 69, 85, 91; bãi bỏ các Mẫu số 33, 34 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; bổ sung các Mẫu số 07A, 07B, 25A, 27A, 28A, 28B, 28C, 29A, 29B, 29C, 29D, 29Đ, 31A, 31B, 76A Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

5. Bãi bỏ khoản 7 Điều 49; khoản 7 Điều 50; điểm d khoản 2 Điều 55; khoản 7 Điều 56; điểm e khoản 1 Điều 85; điểm e khoản 1, điểm d khoản 3 Điều 110; điểm c khoản 1 Điều 114; điểm đ khoản 2 Điều 115; điểm d khoản 1 Điều 116; điểm g, k, m khoản 1, điểm c khoản 6 Điều 120; Điều 127; khoản 2 Điều 128; điểm d khoản 1 Điều 134; điểm b khoản 2 Điều 136; điểm b khoản 1 Điều 137; điểm e khoản 1 Điều 139; điểm c khoản 4 Điều 141; điểm d khoản 1 Điều 142; khoản 4 Điều 143; điểm đ, e khoản 3 Điều 146; điểm d khoản 1 Điều 152; các khoản 1, 5, 6, 7, 14 Điều 310 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Tổ chức, cá nhân đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cấp phép, chấp thuận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì không phải thực hiện thủ tục cấp phép, chấp thuận lại theo quy định của Nghị định này.

2. Tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ, tài liệu báo cáo hợp lệ đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

3. Công ty đại chúng chưa thực hiện thủ tục thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP có trách nhiệm hoàn tất thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

4. Công ty đại chúng đã hoàn tất thực hiện thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa, thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 139, điểm c khoản 4 Điều 141, điểm d khoản 1 Điều 142 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP thì thực hiện như sau:

a) Tiếp tục thực hiện theo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa đã thông báo cho đến khi thực hiện thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định tại điểm b khoản này;

b) Công ty đại chúng được thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nhưng phải đảm bảo cao hơn tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa đã thông báo tại thời điểm gần nhất và không vượt quá tỷ lệ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 139 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP. Hồ sơ thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa gồm các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều 142 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại điểm c, d khoản 58 Điều 1 Nghị định này và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; trình tự, thủ tục thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa thực hiện theo khoản 3 Điều 142 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại điểm đ khoản 58 Điều 1 Nghị định này.

5. Công ty đại chúng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 11 Luật số 56/2024/QH15 được chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu cổ phần theo phương thức chào bán chứng khoán ra công chúng theo quy định tại Nghị định này và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP cho đến khi bị hủy tư cách công ty đại chúng.

6. Trường hợp cá nhân đã có kết quả thi sát hạch đạt trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán sau ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, việc cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán được thực hiện theo quy định pháp luật có hiệu lực tại thời điểm thi sát hạch.

Đối với các thí sinh thi, thi lại phần chưa đạt trong đợt thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán có ngày bắt đầu nhận hồ sơ trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì việc thi sát hạch, cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán được thực hiện theo quy định pháp luật có hiệu lực tại ngày bắt đầu nhận hồ sơ thi sát hạch.

Đối với các thí sinh thi lại phần chưa đạt trong đợt thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán có ngày bắt đầu nhận hồ sơ sau ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì phải nộp hồ sơ thi sát hạch và cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán theo quy định tại khoản 4 Điều 213 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, việc thi sát hạch, cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

7. Khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước triển khai cấp Chứng chỉ hành nghề điện tử, Chứng chỉ hành nghề bản giấy đã cấp trước đó được chuyển đổi sang Chứng chỉ hành nghề điện tử theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Chứng chỉ hành nghề bản giấy hết hiệu lực kể từ khi chuyển đổi.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (3b). 70

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM

Hồ Đức Phớc

Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ)

STT	Mẫu	Tên mẫu
1	Mẫu số 01	Báo cáo tiến độ sử dụng vốn/số tiền thu được từ đợt chào bán/phát hành
2	Mẫu số 05	Giấy đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng
3	Mẫu số 07	Giấy đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng
4	Mẫu số 07A	Giấy đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng tại Việt Nam của tổ chức tài chính quốc tế
5	Mẫu số 07B	Bản công bố thông tin về đợt chào bán trái phiếu ra công chúng tại Việt Nam của tổ chức tài chính quốc tế
6	Mẫu số 11	Giấy đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi
7	Mẫu số 12	Giấy đăng ký phát hành cổ phiếu để chào mua công khai
8	Mẫu số 13	Giấy đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi theo hợp đồng hợp nhất
9	Mẫu số 14	Giấy đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập
10	Mẫu số 15	Giấy đăng ký phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ
11	Mẫu số 17	Báo cáo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty
12	Mẫu số 23	Giấy đăng ký chào mua công khai
13	Mẫu số 25A	Giấy đăng ký làm thành viên tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục
14	Mẫu số 27A	Giấy đề nghị hủy bỏ tư cách thành viên tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục
15	Mẫu số 28	Giấy đăng ký niêm yết chứng khoán
16	Mẫu số 28A	Giấy đăng ký niêm yết trái phiếu của tổ chức tài chính quốc tế
17	Mẫu số 28B	Giấy đề nghị tiếp tục xem xét việc đăng ký niêm yết cổ phiếu
18	Mẫu số 28C	Giấy đăng ký niêm yết chứng quyền có bảo đảm
19	Mẫu số 29	Bản cáo bạch niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán (áp dụng đối với các trường hợp đăng ký niêm yết cổ phiếu trừ trường hợp đăng ký niêm yết cổ phiếu đồng thời với chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của công ty cổ phần)

20	Mẫu số 29A	Bản cáo bạch niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán (áp dụng đối với trường hợp đăng ký niêm yết cổ phiếu đồng thời với chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của công ty cổ phần)
21	Mẫu số 29B	Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch đăng ký niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán (áp dụng đối với trường hợp đăng ký niêm yết cổ phiếu đồng thời với chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng)
22	Mẫu số 29C	Bản cáo bạch niêm yết trái phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán
23	Mẫu số 29D	Bản cáo bạch niêm yết trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền trên Sở giao dịch chứng khoán
24	Mẫu số 29Đ	Bản cáo bạch niêm yết trái phiếu của tổ chức tài chính quốc tế trên Sở giao dịch chứng khoán
25	Mẫu số 31	Giấy đăng ký thay đổi niêm yết chứng khoán
26	Mẫu số 31A	Giấy đăng ký thay đổi niêm yết chứng quyền có bảo đảm
27	Mẫu số 31B	Công bố thông tin điều chỉnh chứng quyền có bảo đảm
28	Mẫu số 32	Giấy đề nghị hủy niêm yết chứng khoán
29	Mẫu số 38	Thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng
30	Mẫu số 39	Thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng
31	Mẫu số 41	Giấy đăng ký mã số giao dịch chứng khoán
32	Mẫu số 42	Danh mục tài liệu nhận diện tổ chức, cá nhân đăng ký mã số giao dịch chứng khoán
33	Mẫu số 43	Giấy đề nghị hủy mã số giao dịch chứng khoán
34	Mẫu số 67	Bản thông tin cá nhân
35	Mẫu số 69	Giấy đề nghị điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán/giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện
36	Mẫu số 76A	Mẫu giấy đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm
37	Mẫu số 85	Mẫu giấy đăng ký dự thi sát hạch và đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán
38	Mẫu số 91	Bản thông tin cá nhân

Mẫu số 01

TÊN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
_____

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
_____

Số: .../.....

...., ngày ... tháng ... năm....

BÁO CÁO TIẾN ĐỘ SỬ DỤNG VỐN/SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN/PHÁT HÀNH

(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán/phát hành số ..../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ... /... /..... hoặc Công văn số ..... ngày ... /... /... của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo nhận được đầy đủ hồ sơ)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tên tổ chức phát hành *(đầy đủ)*: .....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

3. Điện thoại: ..... Fax: ..... Website: .....

4. Vốn điều lệ:..... đồng.

5. Mã cổ phiếu *(nếu có)*: .....

6. Nơi mở tài khoản thanh toán: ..... Số hiệu tài khoản:.....

7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp....do ..... cấp lần đầu ngày ....., cấp thay đổi lần thứ.... ngày.... hoặc Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương *(nêu thông tin thay đổi lần gần nhất).*

- Ngành nghề kinh doanh chính: ..... Mã ngành: .....

- Sản phẩm/dịch vụ chính: .....

8. Giấy phép thành lập và hoạt động *(nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành)*: .....

II. CHỨNG KHOÁN CHÀO BÁN, PHÁT HÀNH

1. Tên chứng khoán: .....

2. Loại chứng khoán: .....

3. Mệnh giá: .....

4. Số lượng chứng khoán đã chào bán/phát hành: .....

5. Tổng vốn/số tiền đã huy động: .....đồng trong đó phần vốn/số tiền huy động cho dự án *(trường hợp sử dụng vốn để thực hiện dự án)*:.....đồng.

6. Ngày kết thúc đợt chào bán/phát hành: .....

III. TIẾN ĐỘ SỬ DỤNG VỐN/SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN/PHÁT HÀNH

1. Phương án sử dụng vốn: .....

2. Thông tin về tiến độ dự án của tổ chức phát hành *(trường hợp sử dụng vốn để thực hiện dự án)*

- Tiến độ dự án theo kế hoạch đã công bố: .....
- Tiến độ dự án hiện tại: .....

3. Tiến độ sử dụng vốn/số tiền thu được từ đợt chào bán/phát hành: .....

- Tiến độ sử dụng vốn/số tiền thu được từ đợt chào bán/phát hành đến thời điểm hiện tại: .....
- Những thay đổi *(nếu có)*: .....
- Lý do thay đổi *(nếu có)*: .....

4. Báo cáo tiến độ sử dụng vốn/số tiền thu được từ đợt chào bán/phát hành được công bố thông tin:

Tại: .....

Từ ngày: .....

....., ngày .... tháng.... năm ...

TÊN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

(Người đại diện theo pháp luật)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 05

TÊN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../.....

..... , ngày ... tháng ... năm .....

GIẤY ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Cổ phiếu: ..... *(tên cổ phiếu)*

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tên tổ chức phát hành *(đầy đủ)*: .....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

3. Điện thoại: ..... Fax: ..... Website: .....

4. Vốn điều lệ:.....đồng.

5. Mã cổ phiếu *(nếu có)*: .....

6. Nơi mở tài khoản thanh toán: ..... Số hiệu tài khoản: .....

7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp....do ..... cấp lần đầu ngày ....., cấp thay đổi lần thứ.... ngày.... hoặc Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương *(nêu thông tin thay đổi lần gần nhất).*

- Ngành nghề kinh doanh chính: ..... Mã ngành: .....

- Sản phẩm/dịch vụ chính: .....

8. Giấy phép thành lập và hoạt động *(nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành)*: .....

9. Tổ chức phát hành thuộc ngành, nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về việc phát hành: ..... *(có/không).*

10. Tổ chức phát hành thuộc trường hợp cơ cấu lại *(trường hợp hợp nhất)* trong giai đoạn từ thời điểm bắt đầu kỳ kế toán của năm thứ hai liền trước năm đăng ký chào bán đến thời điểm đăng ký chào bán: ..... *(có/không).*

11. Tổ chức phát hành thuộc trường hợp cơ cấu lại *(sáp nhập, mua lại doanh nghiệp, bán tài sản)*, trường hợp tách công ty *(với tổng giá trị tài sản các công ty được tách từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên của công ty trước khi tách)* trong giai đoạn từ thời điểm bắt đầu kỳ kế toán của năm liền trước năm đăng ký chào bán đến thời điểm đăng ký chào bán: ..... *(có/không).*

II. THÔNG TIN VỀ CỔ PHIẾU CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Cổ phiếu phổ thông

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: ..... cổ phiếu.

- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: ..... cổ phiếu.

- Tổng giá trị cổ phiếu đang lưu hành *(tính theo mệnh giá hoặc giá thị trường tại thời điểm báo cáo (nếu có))*: ..... đồng.

- Đặc điểm *(nêu rõ các đặc điểm hoặc các quyền kèm theo)*: .....

- Tổng số cổ phiếu quỹ: .....cổ phiếu.

- Đợt mua lại cổ phiếu gần nhất: .....

+ Số lượng cổ phiếu mua lại: ..... cổ phiếu.

+ Ngày kết thúc việc mua lại cổ phiếu: .....

2. Cổ phiếu ưu đãi

- Loại cổ phiếu ưu đãi: .....

- Tổng số cổ phiếu: .....cổ phiếu

- Tổng giá trị cổ phiếu *(tính theo mệnh giá hoặc giá thị trường tại thời điểm báo cáo (nếu có))*: .....đồng.

- Đặc điểm *(nêu rõ các đặc điểm hoặc các quyền kèm theo)*: .....

III. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN CỔ PHIẾU: .....

IV. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN

1. Tên cổ phiếu: .....

2. Loại cổ phiếu: .....

3. Mệnh giá cổ phiếu: .....đồng/cổ phiếu.

4. Giá chào bán cao nhất dự kiến: .....đồng/cổ phiếu.

5. Giá chào bán thấp nhất dự kiến: .....đồng/cổ phiếu.

6. Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán: .....cổ phiếu.

7. Tỷ lệ số cổ phiếu đăng ký chào bán thêm trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành: .....

8. Tỷ lệ thực hiện quyền *(trường hợp chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ)*: .....

9. Tổng giá trị vốn huy động dự kiến: .....đồng.

10. Tỷ lệ chào bán thành công *(trường hợp chào bán để thực hiện dự án, trừ trường hợp chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu)*:.....

11. Thời gian dự kiến chào bán:.....

12. Phương thức phân phối *(thông qua tổ chức bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành hay đấu giá ...)*:.....

V. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN *(Nêu phương án sử dụng, tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán và nguồn vốn đối ứng khác (nếu có))*

VI. CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. Tổ chức tư vấn: .....

2. Tổ chức kiểm toán:.....

3. Tổ chức bảo lãnh phát hành *(nếu có)*: .....

4. Bên liên quan khác *(nếu có)*: .....

VII. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Chúng tôi xin đảm bảo rằng những thông tin trong hồ sơ này là đầy đủ và đúng sự thật, không phải là thông tin giả hoặc thiếu có thể làm cho người mua cổ phiếu chịu thiệt hại.

2. Chúng tôi cam kết:

- Nghiên cứu đầy đủ và thực hiện nghiêm chỉnh các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- Không có bất kỳ tuyên bố chính thức nào về việc chào bán chứng khoán trên các phương tiện thông tin đại chúng trước khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán.

- Lựa chọn ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mở tài khoản phong tỏa không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành.

- Lựa chọn tổ chức bảo lãnh phát hành *(nếu có)* không phải người có liên quan với tổ chức phát hành.

- Sử dụng vốn huy động đúng mục đích đã nêu trong Bản cáo bạch.

- Chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm các cam kết nêu trên.

VIII. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương;

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng vốn, việc niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán;

3. Bản cáo bạch;

4. Điều lệ công ty;

5. Báo cáo tài chính;

6. Hợp đồng tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán;

7. Cam kết bảo lãnh phát hành *(nếu có)*;

8. Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua hồ sơ đăng ký chào bán;

9. Văn bản cam kết triển khai niêm yết hoặc đăng ký giao dịch cổ phiếu;

10. Văn bản xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về việc mở tài khoản phong tỏa;

11. Văn bản cam kết đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 15 của Luật Chứng khoán;

12. Quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án, phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán *(nếu có)*;

13. Báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất được kiểm toán trong 2 năm *(nếu có)*;

14. .....

....., ngày ... tháng ... năm .....
TÊN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
(Người đại diện theo pháp luật)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 07

TÊN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
———

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../.....

....., ngày ... tháng ... năm ....

GIẤY ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
Trái phiếu: ..... *(tên trái phiếu)*

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tên tổ chức phát hành *(đầy đủ)*: .....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

3. Điện thoại: ..... Fax: ..... Website: .....

4. Vốn điều lệ:.....đồng.

5. Mã cổ phiếu *(nếu có)*: .....

6. Nơi mở tài khoản thanh toán: ..... Số hiệu tài khoản: .....

7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp....do ..... cấp lần đầu ngày ....., cấp thay đổi lần thứ.... ngày.... hoặc Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương *(nêu thông tin thay đổi lần gần nhất).*

- Ngành nghề kinh doanh chính: ..... Mã ngành: .....

- Sản phẩm/dịch vụ chính: .....

8. Giấy phép thành lập và hoạt động *(nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành)*: .....

9. Tổ chức phát hành thuộc ngành, nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về việc phát hành: ..... *(có/không).*

10. Tổ chức phát hành thuộc trường hợp cơ cấu lại *(trường hợp hợp nhất)* trong giai đoạn từ thời điểm bắt đầu kỳ kế toán của năm thứ hai liền trước năm đăng ký chào bán đến thời điểm đăng ký chào bán: ..... *(có/không).*

11. Tổ chức phát hành thuộc trường hợp cơ cấu lại *(sáp nhập, mua lại doanh nghiệp, bán tài sản)*, trường hợp tách công ty *(với tổng giá trị tài sản các công ty được tách từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên của công ty trước khi tách)* trong giai đoạn từ thời điểm bắt đầu kỳ kế toán của năm liền trước năm đăng ký chào bán đến thời điểm đăng ký chào bán: ..... *(có/không).*

II. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN: .....

III. TRÁI PHIẾU ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN

1. Tên trái phiếu: .....

2. Loại trái phiếu: .....

3. Mệnh giá trái phiếu:.....đồng/trái phiếu.

4. Số lượng trái phiếu đăng ký chào bán: .....trái phiếu.

5. Tổng giá trị trái phiếu đăng ký chào bán (theo mệnh giá): .....đồng.

6. Tỷ lệ tổng giá trị trái phiếu tính theo mệnh giá trên tổng giá trị cổ phiếu đang lưu hành tính theo mệnh giá: ..... %.

7. Giá chào bán: .....đồng/trái phiếu.

8. Lãi suất hoặc nguyên tắc xác định lãi suất trái phiếu: ..... %/năm.

9. Kỳ hạn trái phiếu: .....

10. Kỳ trả lãi: .....

11. Điều khoản mua lại trái phiếu, mua lại trái phiếu trước hạn *(nếu có)*: .....

12. Các điều khoản về chuyển đổi trái phiếu *(trường hợp chào bán trái phiếu chuyển đổi)*:

- Thời hạn chuyển đổi: .....
- Tỷ lệ chuyển đổi và phương pháp tính tỷ lệ chuyển đổi: .....
- Phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài: .....
- Các điều khoản khác *(nếu có)*: .....

13. Các điều khoản đối với chứng quyền kèm theo trái phiếu *(trường hợp chào bán trái phiếu kèm chứng quyền)*:

- Thời hạn thực hiện quyền:.....
- Tỷ lệ thực hiện quyền: .....
- Giá cổ phiếu thực hiện chứng quyền hoặc nguyên tắc tính cổ phiếu thực hiện chứng quyền: ....
- Phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài: .....
- Các điều khoản khác (nếu có):

14. Các thông tin khác liên quan trái phiếu có bảo đảm *(trường hợp chào bán trái phiếu có bảo đảm)*:

- Hình thức bảo đảm: .....
- Giá trị trái phiếu được bảo đảm: .....
- Bảo đảm bằng bảo lãnh thanh toán *(trường hợp bảo đảm thanh toán bằng bảo lãnh)*:

+ Tên tổ chức bảo lãnh thanh toán: .....

+ Giá trị bảo lãnh: .....

- Bảo đảm bằng tài sản *(trường hợp bảo đảm thanh toán bằng tài sản)*:

+ Tài sản bảo đảm: .....

+ Giá trị tài sản bảo đảm: .....

+ Chủ sở hữu tài sản bảo đảm: .....

+ Tổ chức nhận tài sản bảo đảm: .....

15. Thứ tự ưu tiên thanh toán trái phiếu: .....

16. Thông tin về trái phiếu đã phát hành hiện đang lưu hành của tổ chức phát hành

- Tổng giá trị trái phiếu hiện đang lưu hành của tổ chức phát hành: ..... đồng, trong đó:

+ Tổng giá trị trái phiếu chào bán ra công chúng: ..... đồng.

+ Tổng giá trị trái phiếu chào bán riêng lẻ: ..... đồng.

- Tổng giá trị trái phiếu huy động trong 12 tháng gần nhất tính đến thời điểm đăng ký chào bán: ..... đồng, trong đó:

+ Tổng giá trị trái phiếu chào bán ra công chúng:..... đồng.

+ Tổng giá trị trái phiếu chào bán riêng lẻ:..... đồng.

17. Tỷ lệ tổng giá trị trái phiếu đăng ký chào bán trên tổng giá trị trái phiếu hiện đang lưu hành: ..... %.

18. Thời gian dự kiến chào bán:.....

19. Phương thức phân phối *(thông qua tổ chức bảo lãnh phát hành, đại lý phân phối...)*:.....

IV. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

(Nêu phương án sử dụng, tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán và nguồn vốn đối ứng khác (nếu có))

V. CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. Tổ chức tư vấn: .....

2. Tổ chức kiểm toán: .....

3. Đại diện người sở hữu trái phiếu: .....

4. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm *(nếu có)*: .....

5. Tổ chức bảo lãnh phát hành *(nếu có)*: .....

6. Bên liên quan khác *(nếu có)*: .....

VI. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Chúng tôi xin đảm bảo rằng những thông tin trong hồ sơ này là đầy đủ và đúng sự thật, không phải là thông tin giả hoặc thiếu có thể làm cho nhà đầu tư chịu thiệt hại.

2. Chúng tôi cam kết

- Nghiên cứu đầy đủ và thực hiện nghiêm chỉnh các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- Không có bất kỳ tuyên bố chính thức nào về việc chào bán chứng khoán trên các phương tiện thông tin đại chúng trước khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán.

- Lựa chọn ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mở tài khoản phong tỏa không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành.

- Lựa chọn đại diện người sở hữu trái phiếu theo quy định.

- Lựa chọn tổ chức xếp hạng tín nhiệm, tổ chức bảo lãnh phát hành không phải người có liên quan với tổ chức phát hành *(nếu có)*.

- Đáp ứng điều kiện về giá trị trái phiếu dự kiến phát hành từng đợt *(trường hợp chào bán trái phiếu ra công chúng cho nhiều đợt chào bán)*, nợ phải trả theo quy định.

- Không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên 01 năm *(trừ trường hợp chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền)*.

- Sử dụng vốn huy động đúng mục đích đã nêu trong Bản cáo bạch.

- Cam kết không thay đổi mục đích sử dụng vốn để cơ cấu lại khoản nợ trong trường hợp phát hành trái phiếu ra công chúng để cơ cấu lại khoản nợ.

- Chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm các cam kết nêu trên.

VII. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương;

2. Quyết định của cấp có thẩm quyền thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng; niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán;

3. Quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty thông qua hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng;

4. Bản cáo bạch;

5. Điều lệ công ty;

6. Báo cáo tài chính;

7. Văn bản cam kết đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 15 của Luật Chứng khoán;

8. Cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư;

9. Văn bản xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về việc mở tài khoản phong tỏa;

10. Hợp đồng tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán;

11. Văn bản cam kết về việc triển khai niêm yết trái phiếu;

12. .....

....., ngày .... tháng.... năm ...

TÊN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

(Người đại diện theo pháp luật)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 07A

TÊN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
———

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../.....

....., ngày ... tháng ... năm ....

GIẤY ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG TẠI VIỆT NAM CỦA TỔ CHỨC TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
Trái phiếu: ..... *(tên trái phiếu)*

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tên tổ chức phát hành *(đầy đủ)*: .....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

3. Địa chỉ tại Việt Nam: .....

4. Điện thoại: ..... Fax: ..... Website: .....

5. Vốn điều lệ:.....

II. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN: .....

III. TRÁI PHIẾU ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN

1. Tên trái phiếu: .....

2. Loại trái phiếu: .....

3. Mệnh giá trái phiếu:.....đồng/trái phiếu.

4. Số lượng trái phiếu đăng ký chào bán: .....trái phiếu.

5. Tổng giá trị trái phiếu đăng ký chào bán (theo mệnh giá): .....đồng.

6. Giá chào bán: .....đồng/trái phiếu.

7. Lãi suất hoặc nguyên tắc xác định lãi suất trái phiếu: .....

8. Kỳ hạn trái phiếu: .....

9. Kỳ trả lãi: .....

10. Điều khoản mua lại trái phiếu, mua lại trái phiếu trước hạn *(nếu có)*: .....

11. Thứ tự ưu tiên thanh toán trái phiếu: .....

12. Thời gian dự kiến chào bán:.....

13. Phương thức phân phối *(thông qua tổ chức bảo lãnh phát hành, đại lý phân phối...)*: .....

IV. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

(Nêu phương án sử dụng, tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán và nguồn vốn đối ứng khác (nếu có))

V. CÁC BÊN LIÊN QUAN

(Nêu thông tin về các bên có liên quan đến đợt chào bán – nếu có)

VI. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Chúng tôi xin đảm bảo rằng những thông tin trong hồ sơ này là đầy đủ và đúng sự thật, không phải là thông tin giả hoặc thiếu có thể làm cho nhà đầu tư chịu thiệt hại.

2. Chúng tôi cam kết

- Nghiên cứu đầy đủ và thực hiện nghiêm chỉnh các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- Không có bất kỳ tuyên bố chính thức nào về việc chào bán chứng khoán trên các phương tiện thông tin đại chúng trước khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán.

- Lựa chọn Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mở tài khoản phong tỏa không phải người có liên quan của cổ đông đăng ký chào bán.

- Sử dụng vốn huy động đúng mục đích.

- Chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm các cam kết nêu trên.

VII. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Quyết định của cấp có thẩm quyền thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

2. Bản công bố thông tin về đợt chào bán trái phiếu ra công chúng tại Việt Nam của tổ chức tài chính quốc tế.

3. Văn bản cam kết thực hiện các nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với các nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác.

4. Văn bản cam kết niêm yết trái phiếu sau khi kết thúc đợt chào bán.

5. Văn bản xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu của đợt chào bán

6....

....., ngày .... tháng.... năm ...

TÊN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

(Người đại diện có thẩm quyền)

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu nếu có)

Mẫu số 07B

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG TẠI VIỆT NAM CỦA TỔ CHỨC TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số ..... /GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ..... tháng ..... năm .....)

Bản công bố thông tin và các phụ lục sẽ được cung cấp tại: ..... từ ngày: .....

Thông tin người liên hệ của tổ chức tài chính quốc tế tại Việt Nam:

Họ tên: .....

Chức vụ: .....

Số điện thoại: .....

(trang bìa)

(trang bìa)

TỔ CHỨC TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên trái phiếu:

Loại trái phiếu:

Mệnh giá trái phiếu:

Tổng số lượng trái phiếu đăng ký chào bán:

Tổng giá trị trái phiếu đăng ký chào bán theo mệnh giá:

Lãi suất hoặc nguyên tắc xác định lãi suất trái phiếu:

Kỳ hạn trái phiếu:

THÔNG TIN CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN
(Trường hợp có các tổ chức có liên quan nêu tên, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax)

(trang bìa)

MỤC LỤC

Trang

I. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung Bản công bố thông tin

II. Các nhân tố rủi ro

III. Các khái niệm

IV. Tình hình và đặc điểm của tổ chức phát hành

V. Thông tin về đợt chào bán

VI. Mục đích chào bán

VII. Kế hoạch sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán

VIII. Các đối tác liên quan tới đợt chào bán

IX. Các thông tin quan trọng khác có thể ảnh hưởng đến quyết định của nhà đầu tư

X. Ngày, tháng, chữ ký, đóng dấu của người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung Bản công bố thông tin

XI. Phụ lục

NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tổ chức phát hành

Ông/Bà: ..... Chức vụ: .....

Ông/Bà: ..... Chức vụ: .....

Ông/Bà: ..... Chức vụ: .....

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản công bố thông tin.

2. Tổ chức khác có liên quan đến việc lập bản công bố thông tin *(nếu có)*

(Trường hợp có các tổ chức khác có liên quan đến đợt chào bán, nêu thông tin người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung bản công bố thông tin này. Trường hợp được ủy quyền, nêu thông tin về văn bản ủy quyền...)

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

2. Rủi ro về luật pháp

3. Rủi ro đặc thù

4. Rủi ro về đợt chào bán *(việc chào bán, dự án sử dụng số vốn thu được từ đợt chào bán)*

5. Rủi ro khác *(thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh...)*

III. CÁC KHÁI NIỆM

(Những từ, nhóm từ viết tắt, thuật ngữ chuyên ngành, kỹ thuật; những từ, nhóm từ khó hiểu có thể gây hiểu lầm trong bản công bố thông tin cần phải được giải thích)

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về tổ chức phát hành

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của tổ chức phát hành

3. Hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính

(Tổ chức phát hành nêu các nội dung để làm rõ về hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính căn cứ theo đặc điểm ngành hoạt động)

4. Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành tại Việt Nam trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại *(nếu có)*

5. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành đối với các trái phiếu đã phát hành tại Việt Nam trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại *(nếu có)*

V. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tên trái phiếu

2. Loại trái phiếu

3. Mệnh giá trái phiếu

4. Số lượng trái phiếu đăng ký chào bán

5. Tổng giá trị trái phiếu đăng ký chào bán *(theo mệnh giá)*

6. Kỳ hạn trái phiếu

7. Lãi suất hoặc nguyên tắc xác định lãi suất

8. Kỳ trả lãi, trả gốc

9. Giá chào bán: ... đồng/trái phiếu

10. Thứ tự ưu tiên thanh toán trái phiếu

11. Quyền của người sở hữu trái phiếu

- Quyền cơ bản của người sở hữu trái phiếu;

- Trường hợp thay đổi quyền của người sở hữu trái phiếu.

12. Đại diện người sở hữu trái phiếu *(nếu có)*

13. Việc mua lại trái phiếu trước hạn

14. Phương thức phân phối

- Trường hợp phân phối thông qua bảo lãnh phát hành: nêu tên tổ chức bảo lãnh phát hành, phương thức bảo lãnh, tên từng tổ chức bảo lãnh phát hành kèm số lượng trái phiếu bảo lãnh *(trường hợp có tổ hợp bảo lãnh phát hành)*, các điều khoản trong hợp đồng cho phép tổ chức bảo lãnh phát hành rút cam kết sau khi đợt chào bán bắt đầu *(nếu có)*, các điều khoản quan trọng khác. Trường hợp đợt chào bán không có bảo lãnh phát hành thì phải nêu rõ;

- Trường hợp phân phối thông qua đại lý phân phối: nêu tên, trách nhiệm của từng đại lý tham gia phân phối trái phiếu;

- Trường hợp chào bán cho trên 100 nhà đầu tư xác định, nêu phương thức phân phối.

15. Đăng ký mua trái phiếu

- Số lượng trái phiếu đăng ký mua tối thiểu, thời hạn, phương thức xử lý trong trường hợp số lượng trái phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu *(nếu có)*;

- Phương thức đăng ký và thanh toán tiền mua trái phiếu.

16. Lịch trình dự kiến phân phối trái phiếu

Lịch trình dự kiến, trong đó nêu thời hạn công bố thông tin về đợt chào bán *(trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán)*, thời hạn đăng ký mua cho nhà đầu tư *(tối thiểu 20 ngày)*, thời hạn nộp tiền mua trái phiếu, thời gian chuyển giao trái phiếu cho nhà đầu tư.

17. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu

- Số tài khoản *(không trùng với tài khoản thanh toán của tổ chức phát hành)*;

- Tên ngân hàng nơi mở tài khoản *(không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành, trường hợp tổ chức phát hành là ngân hàng thương mại thì phải lựa chọn một ngân hàng thương mại khác/chi nhánh ngân hàng nước ngoài).*

18. Các loại thuế có liên quan *(thuế thu nhập và các thuế khác liên quan đến trái phiếu chào bán)*

19. Thông tin về các cam kết

- Cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác;

- Cam kết niêm yết trái phiếu sau khi kết thúc đợt chào bán *(nêu kế hoạch cụ thể, đảm bảo tuân thủ quy định việc tổ chức phát hành phải hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng)*;

- Cam kết khác liên quan đến đợt chào bán *(nếu có).*

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

2. Thông tin về dự án tại Việt Nam sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán *(trường hợp huy động vốn để thực hiện các dự án tại Việt Nam)*

- Cơ sở pháp lý để triển khai dự án.

- Tình hình thu xếp vốn và triển khai dự án đến thời điểm hiện tại.

3. Thông tin về doanh nghiệp được đầu tư, tài trợ vốn *(trường hợp huy động vốn để đầu tư góp vốn, mua cổ phần, trái phiếu, cho vay lại các doanh nghiệp thành lập và hoạt động tại Việt Nam)*

Thông tin về doanh nghiệp và mối quan hệ giữa doanh nghiệp được đầu tư, tài trợ vốn với tổ chức phát hành và người có liên quan của tổ chức phát hành.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

- Tổng số tiền dự kiến thu được phân bổ theo từng mục đích sử dụng. Trường hợp số tiền thu được không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích dự kiến, nêu thứ tự mục đích ưu tiên, số tiền và nguồn tài trợ khác *(nếu có)*;

- Kế hoạch trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán *(nêu kế hoạch trả nợ gốc và lãi bao gồm thời gian, nguồn trả nợ...).*

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

- Nêu tên, địa chỉ trụ sở chính của các đối tác liên quan đến đợt chào bán *(nếu có)*:

- Ý kiến của các chuyên gia về đợt chào bán *(nếu có) (nêu kinh nghiệm của chuyên gia trong lĩnh vực liên quan).*

IX. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ *(nếu có)*

X. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

XI. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Quyết định của cấp có thẩm quyền tổ chức phát hành thông qua phương án phát hành và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

2. Phụ lục II: Văn bản cam kết thực hiện các nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác

3. Phụ lục III: Văn bản cam kết niêm yết trái phiếu sau khi kết thúc đợt chào bán

4. Các phụ lục khác *(nếu có)*.

Mẫu số 11

TÊN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../.....

..... , ngày ... tháng ... năm...

GIẤY ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI

(cho số cổ đông xác định trong công ty đại chúng khác/cho cổ đông công ty cổ phần chưa đại chúng/cho thành viên góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn)

Cổ phiếu: ..... *(tên cổ phiếu)*

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tên tổ chức phát hành *(đầy đủ)*: .....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

3. Điện thoại: ..... Fax: ..... Website: .....

4. Vốn điều lệ: .....đồng.

5. Mã cổ phiếu (nếu có): .....

6. Nơi mở tài khoản thanh toán: ..... Số hiệu tài khoản: .....

7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp....do ..... cấp lần đầu ngày ....., cấp thay đổi lần thứ.... ngày.... hoặc Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương *(nêu thông tin thay đổi lần gần nhất).*

- Ngành nghề kinh doanh chính: ..... Mã ngành: ....

- Sản phẩm/dịch vụ chính: .....

8. Giấy phép thành lập và hoạt động *(nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành)*: .....

9. Tổ chức phát hành thuộc ngành, nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về việc phát hành: .....*(có/không).*

10. Việc hoán đổi dẫn đến hoạt động tập trung kinh tế thuộc ngưỡng tập trung kinh tế phải thông báo: ..... *(có/không).*

II. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÓ CỔ PHẦN/PHẦN VỐN GÓP ĐƯỢC HOÁN ĐỔI

1. Tên tổ chức phát hành *(đầy đủ)*: .....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

3. Điện thoại: ..... Fax: ..... Website: .....

4. Vốn điều lệ: .....đồng.

5. Mã cổ phiếu (nếu có):

6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp.... do ..... cấp lần đầu ngày ....., cấp thay đổi lần thứ.... ngày.... *(nêu thông tin thay đổi lần gần nhất)* hoặc Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương.

- Ngành nghề kinh doanh chính: ..... Mã ngành: .....

- Sản phẩm/dịch vụ chính: .....

7. Giấy phép thành lập và hoạt động *(nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành)*: .....

8. Mối quan hệ với tổ chức phát hành *(nếu có)*:

III. THÔNG TIN VỀ CỔ PHIẾU CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Cổ phiếu phổ thông

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: ..... cổ phiếu.

- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: .....cổ phiếu.

- Tổng giá trị cổ phiếu đang lưu hành *(tính theo mệnh giá hoặc giá thị trường tại thời điểm báo cáo (nếu có))*: đồng.

- Đặc điểm *(nêu rõ các đặc điểm hoặc các quyền kèm theo)*: .....

- Tổng số cổ phiếu quỹ: .....cổ phiếu.

- Đợt mua lại cổ phiếu gần nhất: .....

+ Số lượng cổ phiếu mua lại: .....cổ phiếu.

+ Ngày kết thúc việc mua lại cổ phiếu: .....

2. Cổ phiếu ưu đãi

- Loại cổ phiếu ưu đãi: .....

- Tổng số cổ phiếu: .....cổ phiếu.

- Tổng giá trị cổ phiếu *(tính theo mệnh giá hoặc giá thị trường tại thời điểm báo cáo (nếu có))*: .....đồng.

- Đặc điểm *(nêu rõ các đặc điểm hoặc các quyền kèm theo)*: .....

IV. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

V. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH

1. Tên cổ phiếu: .....

2. Loại cổ phiếu: .....

3. Mệnh giá cổ phiếu:..... đồng/cổ phiếu.

4. Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành: .....cổ phiếu.

5. Tỷ lệ số cổ phiếu đăng ký phát hành trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành: .....

6. Tỷ lệ hoán đổi: .....

7. Hạn chế chuyển nhượng: .....

8. Thời gian dự kiến phát hành: .....

9. Đợt chào bán, phát hành chứng khoán riêng lẻ gần nhất *(cổ phiếu/trái phiếu chuyển đổi/trái phiếu kèm chứng quyền/cổ phiếu ưu đãi kèm chứng quyền/cổ phiếu để hoán đổi nợ/cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho số cổ đông xác định trong công ty đại chúng khác/cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho cổ đông công ty cổ phần chưa đại chúng, hoán đổi phần vốn góp cho thành viên góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn)*:

Trong đó:

- Số lượng cổ phiếu/trái phiếu đã phát hành: .....

- Ngày kết thúc đợt chào bán/phát hành: .....

VI. ĐỐI TƯỢNG PHÁT HÀNH

1. Tiêu chí lựa chọn đối tượng phát hành để hoán đổi cổ phiếu: .....

2. Danh sách dự kiến *(đính kèm)*: .....

STT	Tên nhà đầu tư	Số định danh cá nhân/Hộ chiếu hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương	Nhà đầu tư nước ngoài/Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ/Nhà đầu tư trong nước	Số lượng cổ phiếu sở hữu trước đợt phát hành	Số lượng cổ phiếu dự kiến được phân phối (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu dự kiến sau đợt phát hành (%)
1						
2						
...						

3. Quan hệ của các đối tượng phát hành với tổ chức phát hành, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và Ban Giám đốc của tổ chức phát hành *(nếu có)*: .....

VII. CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐỢT PHÁT HÀNH

1. Tổ chức tư vấn *(nếu có)*: .....

2. Tổ chức kiểm toán: .....

3. Bên liên quan khác *(nếu có)*: .....

VIII. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Chúng tôi xin đảm bảo rằng những thông tin trong hồ sơ này là đầy đủ và đúng sự thật, không phải là thông tin không chính xác hoặc thiếu có thể làm cho nhà đầu tư chịu thiệt hại.

2. Chúng tôi cam kết:

- Nghiên cứu đầy đủ và thực hiện nghiêm chỉnh các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- Việc phát hành không dẫn đến vi phạm quy định về sở hữu chéo của Luật Doanh nghiệp.

- Đã thực hiện thông báo tập trung kinh tế theo quy định của pháp luật cạnh tranh *(trong trường hợp việc hoán đổi dẫn đến hoạt động tập trung kinh tế thuộc ngưỡng tập trung kinh tế phải thông báo)*.

- Chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm các cam kết nêu trên.

IX. TÀI LIỆU KÈM THEO

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương;

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phiếu;

3. Văn bản cam kết của nhà đầu tư về cổ phần, phần vốn góp được tự do chuyển nhượng;

4. Báo cáo tài chính;

5. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;

6. Văn bản cam kết của tổ chức phát hành đảm bảo không vi phạm quy định về sở hữu chéo;

7. Tài liệu cung cấp thông tin về đợt phát hành cho nhà đầu tư *(nếu có)*;

8. Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua hồ sơ đăng ký phát hành;

9. Văn bản chấp thuận về nguyên tắc của các đối tượng được hoán đổi *(trường hợp hoán đổi cho cổ đông xác định công ty đại chúng khác)*;

10. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của công ty đại chúng có cổ phiếu được hoán đổi thông qua việc hoán đổi *(trường hợp hoán đổi cổ phiếu công ty đại chúng khác dẫn đến tỷ lệ phải chào mua công khai)*;

11.....

....., ngày .... tháng .... năm ...

TÊN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

(Người đại diện theo pháp luật)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 12

TÊN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
———

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ……/…..

…., ngày ... tháng ... năm ……

GIẤY ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU
ĐỂ CHÀO MUA CÔNG KHAI
Cổ phiếu: …… *(tên cổ phiếu)*

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tên tổ chức phát hành *(đầy đủ)*: ……

2. Địa chỉ trụ sở chính: ……

3. Điện thoại: ..... Fax: ..... Website: ……

4. Vốn điều lệ: ……đồng.

5. Mã cổ phiếu *(nếu có)*: ……

6. Nơi mở tài khoản thanh toán: ……Số hiệu tài khoản: ……

7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp....do ..... cấp lần đầu ngày ….., cấp thay đổi lần thứ.... ngày.... hoặc Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương *(nêu thông tin thay đổi lần gần nhất).*

- Ngành nghề kinh doanh chính: …… Mã ngành: ……..

- Sản phẩm/dịch vụ chính: ……..

8. Giấy phép thành lập và hoạt động *(nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành)*: …..

9. Tổ chức phát hành thuộc ngành, nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về việc phát hành: …….. *(có/không).*

10. Việc hoán đổi dẫn đến hoạt động tập trung kinh tế thuộc ngưỡng tập trung kinh tế phải thông báo: ……*(có/không).*

11. Tổ chức phát hành thuộc trường hợp cơ cấu lại *(trường hợp hợp nhất)* trong giai đoạn từ thời điểm bắt đầu kỳ kế toán của năm thứ hai liền trước năm đăng ký chào bán đến thời điểm đăng ký chào bán: …… *(có/không).*

12. Tổ chức phát hành thuộc trường hợp cơ cấu lại *(sáp nhập, mua lại doanh nghiệp, bán tài sản)*, trường hợp tách công ty *(với tổng giá trị tài sản các công ty được tách từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên của công ty trước khi tách)* trong giai đoạn từ thời điểm bắt đầu kỳ kế toán của năm liền trước năm đăng ký chào bán đến thời điểm đăng ký chào bán: …… *(có/không).*

II. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC HOÁN ĐỔI

1. Tên tổ chức phát hành *(đầy đủ)*: ……

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

3. Điện thoại: ..... Fax: ..... Website: .....

4. Vốn điều lệ: .....đồng.

5. Mã cổ phiếu *(nếu có)*: .....

6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp....do ..... cấp lần đầu ngày ....., cấp thay đổi lần thứ.... ngày.... hoặc Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương *(nêu thông tin thay đổi lần gần nhất).*

- Ngành nghề kinh doanh chính: ..... Mã ngành: ....

- Sản phẩm/dịch vụ chính: .....

7. Giấy phép thành lập và hoạt động *(nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành)*: .....

8. Mối quan hệ với tổ chức phát hành (nếu có): .....

III. THÔNG TIN VỀ CỔ PHIẾU CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Cổ phiếu phổ thông

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: .....cổ phiếu.

- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: .....cổ phiếu.

- Tổng giá trị cổ phiếu đang lưu hành (tính theo mệnh giá hoặc giá thị trường tại thời điểm báo cáo (nếu có): .....đồng.

- Đặc điểm (nêu rõ các đặc điểm hoặc các quyền kèm theo): .....

- Tổng số cổ phiếu quỹ: .....cổ phiếu.

- Đợt mua lại cổ phiếu gần nhất: .....

+ Số lượng cổ phiếu mua lại: .....cổ phiếu.

+ Ngày kết thúc việc mua lại cổ phiếu: .....

2. Cổ phiếu ưu đãi

- Loại cổ phiếu ưu đãi: .....

- Tổng số cổ phiếu: .....cổ phiếu.

- Tổng giá trị cổ phiếu (tính theo mệnh giá hoặc giá thị trường tại thời điểm báo cáo (nếu có): .....đồng.

- Đặc điểm (nêu rõ các đặc điểm hoặc các quyền kèm theo): .....

IV. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH: .....

V. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH

1. Tên cổ phiếu: .....

2. Loại cổ phiếu: .....

3. Mệnh giá cổ phiếu: .....đồng/cổ phiếu.

4. Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành: .....cổ phiếu.

5. Tỷ lệ số cổ phiếu đăng ký phát hành trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành: .....

6. Tỷ lệ hoán đổi: .....

7. Hạn chế chuyển nhượng: .....

8. Thời gian dự kiến phát hành: .....

VI. CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH

1. Tổ chức tư vấn: .....

2. Tổ chức kiểm toán: .....

3. Đại lý phân phối *(nếu có)*:.....

4. Bên liên quan khác *(nếu có)*: .....

VII. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Chúng tôi xin đảm bảo rằng những thông tin trong hồ sơ này là đầy đủ và đúng sự thật, không phải là thông tin không chính xác hoặc thiếu có thể làm cho nhà đầu tư chịu thiệt hại.

2. Chúng tôi cam kết:

- Nghiên cứu đầy đủ và thực hiện nghiêm chỉnh các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- Không có bất kỳ tuyên bố chính thức nào về việc phát hành cổ phiếu để hoán đổi trên các phương tiện thông tin đại chúng trước khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký phát hành.

- Việc phát hành không dẫn đến vi phạm quy định về sở hữu chéo của Luật Doanh nghiệp.

- Đã thực hiện thông báo tập trung kinh tế theo quy định của pháp luật cạnh tranh *(trong trường hợp việc phát hành cổ phiếu dẫn đến hoạt động tập trung kinh tế phải thông báo)*.

- Chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm các cam kết nêu trên.

VIII. TÀI LIỆU KÈM THEO

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương;

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông của tổ chức phát hành thông qua phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi, thông qua việc đăng ký niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán;

3. Bản cáo bạch;

4. Văn bản cam kết triển khai niêm yết/đăng ký giao dịch;

5. Điều lệ của tổ chức phát hành;

6. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị thông qua phương án đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài *(nếu có)*;

7. Báo cáo tài chính của tổ chức phát hành, của công ty có cổ phần được hoán đổi;

8. Văn bản cam kết của tổ chức phát hành *(nếu có)*;

9. Hợp đồng tư vấn hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu;

10. Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua hồ sơ đăng ký phát hành;

11. .....

....., ngày .... tháng .... năm...

TÊN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

(Người đại diện theo pháp luật)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 13

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI THEO HỢP ĐỒNG HỢP NHẤT

Cổ phiếu: ..... *(tên cổ phiếu của công ty hợp nhất)*

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

I. GIỚI THIỆU VỀ CÁC TỔ CHỨC THAM GIA HỢP NHẤT

Tổ chức tham gia hợp nhất 1:

1. Tên tổ chức tham gia hợp nhất 1 *(đầy đủ)*: .....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

3. Điện thoại: ..... Fax: ..... Website: .....

4. Vốn điều lệ: .....đồng.

5. Mã cổ phiếu *(nếu có)*: .....

6. Nơi mở tài khoản thanh toán: ..... Số hiệu tài khoản: .....

7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp....do ..... cấp lần đầu ngày ....., cấp thay đổi lần thứ.... ngày .... hoặc Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương *(nêu thông tin thay đổi lần gần nhất).*

- Ngành nghề kinh doanh chính: ..... Mã ngành: ....

- Sản phẩm/dịch vụ chính: .....

8. Giấy phép thành lập và hoạt động *(nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành)*: .....

9. Tổ chức phát hành thuộc ngành, nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về việc phát hành: .....*(có/không).*

10. Việc hoán đổi dẫn đến hoạt động tập trung kinh tế thuộc ngưỡng tập trung kinh tế phải thông báo: .....*(có/không).*

Tổ chức tham gia hợp nhất 2:

1. Tên tổ chức tham gia hợp nhất 2 *(đầy đủ)*: .....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

3. Điện thoại: ..... Fax: ..... Website: .....

4. Vốn điều lệ: .....đồng

5. Mã cổ phiếu *(nếu có)*: .....

6. Nơi mở tài khoản thanh toán: ..... Số hiệu tài khoản: .....

7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp....do ..... cấp lần đầu ngày ....., cấp thay đổi lần thứ.... ngày.... hoặc Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương *(nêu thông tin thay đổi lần gần nhất)*.

- Ngành nghề kinh doanh chính: ..... Mã ngành: ....

- Sản phẩm/dịch vụ chính: .....

8. Giấy phép thành lập và hoạt động *(nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành)*: .....

Tổ chức tham gia hợp nhất ..... *(nếu có)*

II. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:

III. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH

1. Tên cổ phiếu *(tên cổ phiếu công ty hợp nhất)*: .....

2. Loại cổ phiếu: .....

3. Mệnh giá cổ phiếu: .....đồng/cổ phiếu

4. Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành: .....cổ phiếu

5. Tỷ lệ hoán đổi: .....

6. Đối tượng phát hành để hoán đổi: .....

7. Thời gian dự kiến phát hành: .....

IV. CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH

1. Tổ chức tư vấn: .....

2. Tổ chức kiểm toán: .....

3. Bên liên quan khác *(nếu có)*: .....

V. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Chúng tôi xin đảm bảo rằng những thông tin trong hồ sơ này là đầy đủ và đúng sự thật, không phải là thông tin không chính xác hoặc thiếu có thể làm cho nhà đầu tư chịu thiệt hại.

2. Chúng tôi cam kết:

- Nghiên cứu đầy đủ và thực hiện nghiêm chỉnh các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- Không có bất kỳ tuyên bố chính thức nào về việc phát hành cổ phiếu để hoán đổi trên các phương tiện thông tin đại chúng trước khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký phát hành.

- Đã thực hiện thông báo tập trung kinh tế theo quy định của pháp luật cạnh tranh *(trong trường hợp việc hoán đổi dẫn đến hoạt động tập trung kinh tế thuộc ngưỡng tập trung kinh tế phải thông báo)*.

- Chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm các cam kết nêu trên.

VI. TÀI LIỆU KÈM THEO

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương;

2. Bản cáo bạch;

3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng thành viên/chủ sở hữu công ty thông qua phương án hợp nhất; phương án phát hành để hoán đổi và phương án hoạt động kinh doanh sau hợp nhất; niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán;

4. Hợp đồng hợp nhất;

5. Dự thảo Điều lệ công ty hợp nhất;

6. Báo cáo tài chính của các công ty tham gia hợp nhất;

7. Quyết định của cấp có thẩm quyền thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;

8. Văn bản cam kết của các bên tham gia hợp nhất về việc đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán;

9. Hợp đồng tư vấn hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu;

10. Quyết định của cấp có thẩm quyền thông qua hồ sơ đăng ký phát hành;

11. Văn bản cam kết triển khai niêm yết/đăng ký giao dịch cổ phiếu;

12. .....

....., ngày .... tháng .... năm ...
TÊN TỔ CHỨC THAM GIA HỢP NHẤT 1
(Người đại diện theo pháp luật)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày .... tháng .... năm ...
TÊN TỔ CHỨC THAM GIA HỢP NHẤT 2
(Người đại diện theo pháp luật)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày .... tháng .... năm ...
TÊN TỔ CHỨC THAM GIA HỢP NHẤT ...
(Người đại diện theo pháp luật)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 14

TÊN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
———	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../.....	*...., ngày ... tháng ... năm ....*

GIẤY ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI THEO HỢP ĐỒNG SÁP NHẬP

Cổ phiếu: ..... *(tên cổ phiếu)*

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tên tổ chức phát hành *(đầy đủ)*: .....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

3. Điện thoại: ..... Fax: ..... Website: .....

4. Vốn điều lệ: .....đồng.

5. Mã cổ phiếu *(nếu có)*: .....

6. Nơi mở tài khoản thanh toán: ..... Số hiệu tài khoản: .....

7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp....do ..... cấp lần đầu ngày ....., cấp thay đổi lần thứ.... ngày.... hoặc Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương *(nêu thông tin thay đổi lần gần nhất)*

- Ngành nghề kinh doanh chính: ..... Mã ngành: ....

- Sản phẩm/dịch vụ chính: .....

8. Giấy phép thành lập và hoạt động *(nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành)*: .....

9. Tổ chức phát hành thuộc ngành, nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về việc phát hành: .....*(có/không)*.

10. Việc hoán đổi dẫn đến hoạt động tập trung kinh tế thuộc ngưỡng tập trung kinh tế phải thông báo: .....*(có/không)*.

II. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÓ CỔ PHẦN/PHẦN VỐN GÓP ĐƯỢC HOÁN ĐỔI

Tổ chức có cổ phần/phần vốn góp được hoán đổi 1:

1. Tên tổ chức có cổ phần/phần vốn góp được hoán đổi 1 *(đầy đủ)*: .....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

3. Điện thoại: ..... Fax: ..... Website: .....

4. Vốn điều lệ: .....đồng.

5. Mã cổ phiếu *(nếu có)*: .....

6. Nơi mở tài khoản thanh toán: ..... Số hiệu tài khoản: .....

7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp....do ..... cấp lần đầu ngày ....., cấp thay đổi lần thứ.... ngày.... hoặc Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương *(nêu thông tin thay đổi lần gần nhất).*

- Ngành nghề kinh doanh chính: ..... Mã ngành: ....

- Sản phẩm/dịch vụ chính: .....

8. Giấy phép thành lập và hoạt động *(nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành)*: .....

9. Mối quan hệ với tổ chức phát hành *(nếu có)*: .....

Tổ chức có cổ phần/phần vốn góp được hoán đổi 2:

1. Tên tổ chức có cổ phần/phần vốn góp được hoán đổi 2 *(đầy đủ)*: .....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

3. Điện thoại: ..... Fax: ..... Website: .....

4. Vốn điều lệ: .....đồng.

5. Mã chứng khoán *(nếu có)*: .....

6. Nơi mở tài khoản thanh toán: ..... Số hiệu tài khoản: .....

7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp....do ..... cấp lần đầu ngày ....., cấp thay đổi lần thứ.... ngày.... hoặc Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương *(nêu thông tin thay đổi lần gần nhất).*

- Ngành nghề kinh doanh chính: ..... Mã ngành: ....

- Sản phẩm/dịch vụ chính: .....

8. Giấy phép thành lập và hoạt động *(nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành)*: .....

9. Mối quan hệ với tổ chức phát hành *(nếu có)*: .....

Tổ chức có cổ phần/phần vốn góp được hoán đổi 3 *(kê khai theo các nội dung tương tự như trên)*: .....

III. THÔNG TIN VỀ CỔ PHIẾU CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Cổ phiếu phổ thông

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: .....cổ phiếu.

- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: .....cổ phiếu.

- Tổng giá trị cổ phiếu đang lưu hành *(tính theo mệnh giá hoặc giá thị trường tại thời điểm báo cáo (nếu có))*: ..... đồng.

- Đặc điểm *(nêu rõ các đặc điểm hoặc các quyền kèm theo)*: .....

- Tổng số cổ phiếu quỹ: ..... cổ phiếu.

- Đợt mua lại cổ phiếu gần nhất: .....

+ Số lượng cổ phiếu mua lại: .....cổ phiếu.

+ Ngày kết thúc việc mua lại cổ phiếu: .....

2. Cổ phiếu ưu đãi

- Loại cổ phiếu ưu đãi: .....

- Tổng số cổ phiếu: .....cổ phiếu.

- Tổng giá trị cổ phiếu *(tính theo mệnh giá hoặc giá thị trường tại thời điểm báo cáo (nếu có))*: .....đồng.

- Đặc điểm *(nêu rõ các đặc điểm hoặc các quyền kèm theo)*: .....

IV. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH: .....

V. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH

1. Tên cổ phiếu: .....

2. Loại cổ phiếu: .....

3. Mệnh giá cổ phiếu:..... đồng/cổ phiếu.

4. Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:..... cổ phiếu.

5. Tỷ lệ hoán đổi: .....

6. Đối tượng phát hành để hoán đổi:.....

7. Tỷ lệ số cổ phiếu đăng ký phát hành trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành: .....

8. Thời gian dự kiến phát hành: .....

VI. CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. Tổ chức tư vấn: .....

2. Tổ chức kiểm toán: .....

3. Bên liên quan khác *(nếu có)*: .....

VII. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Chúng tôi xin đảm bảo rằng những thông tin trong hồ sơ này là đầy đủ và đúng sự thật, không phải là thông tin không chính xác hoặc thiếu có thể làm cho nhà đầu tư chịu thiệt hại.

2. Chúng tôi cam kết:

- Nghiên cứu đầy đủ và thực hiện nghiêm chỉnh các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- Không có bất kỳ tuyên bố chính thức nào về việc phát hành cổ phiếu để hoán đổi trên các phương tiện thông tin đại chúng trước khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký phát hành.

- Đã thực hiện thông báo tập trung kinh tế theo quy định của pháp luật cạnh tranh *(trong trường hợp việc hoán đổi dẫn đến hoạt động tập trung kinh tế thuộc ngưỡng tập trung kinh tế phải thông báo)*

- Chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm các cam kết nêu trên.

VIII. TÀI LIỆU KÈM THEO

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương;

2. Bản cáo bạch;

3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng thành viên/chủ sở hữu công ty thông qua phương án sáp nhập; phương án phát hành để hoán đổi và phương án hoạt động kinh doanh sau sáp nhập; niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán;

4. Hợp đồng sáp nhập;

5. Dự thảo Điều lệ công ty nhận sáp nhập;

6. Báo cáo tài chính của các công ty tham gia sáp nhập;

7. Quyết định của cấp có thẩm quyền thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;

8. Văn bản cam kết của các bên tham gia sáp nhập về việc đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán;

9. Hợp đồng tư vấn hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu;

10. Quyết định của cấp có thẩm quyền thông qua hồ sơ đăng ký phát hành;

11. Văn bản cam kết triển khai niêm yết hoặc đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán;

12. .....

....., ngày .... tháng .... năm ...

TÊN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

(Người đại diện theo pháp luật)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 15

TÊN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
———

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../.....

...., ngày ... tháng ... năm ....

GIẤY ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ ĐỂ HOÁN ĐỔI NỢ

Cổ phiếu: ..... *(tên cổ phiếu)*

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tên tổ chức phát hành *(đầy đủ)*: .....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

3. Điện thoại: ..... Fax: ..... Website: .....

4. Vốn điều lệ: .....đồng.

5. Mã cổ phiếu *(nếu có)*: .....

6. Nơi mở tài khoản thanh toán: ..... Số hiệu tài khoản: .....

7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp....do ..... cấp lần đầu ngày ....., cấp thay đổi lần thứ.... ngày.... hoặc Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương *(nêu thông tin thay đổi lần gần nhất)*.

- Ngành nghề kinh doanh chính: ..... Mã ngành:.....

- Sản phẩm/dịch vụ chính: .....

8. Giấy phép thành lập và hoạt động *(nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành)*: .....

9. Tổ chức phát hành thuộc ngành, nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về việc phát hành: .....*(có/không)*.

10. Việc hoán đổi dẫn đến hoạt động tập trung kinh tế thuộc ngưỡng tập trung kinh tế phải thông báo: .....*(có/không)*.

II. THÔNG TIN VỀ CỔ PHIẾU CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Cổ phiếu phổ thông

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: .....cổ phiếu.

- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: .....cổ phiếu.

- Tổng giá trị cổ phiếu đang lưu hành *(tính theo mệnh giá hoặc giá thị trường tại thời điểm báo cáo (nếu có))*: .....đồng.

- Đặc điểm *(nêu rõ các đặc điểm hoặc các quyền kèm theo)*: .....

- Tổng số cổ phiếu quỹ: .....cổ phiếu.

- Đợt mua lại cổ phiếu gần nhất: .....

+ Số lượng cổ phiếu mua lại: .....cổ phiếu.

+ Ngày kết thúc việc mua lại cổ phiếu: .....

2. Cổ phiếu ưu đãi

- Loại cổ phiếu ưu đãi: .....

- Tổng số cổ phiếu: .....cổ phiếu.

- Tổng giá trị cổ phiếu *(tính theo mệnh giá hoặc giá thị trường tại thời điểm báo cáo (nếu có))*: .....đồng.

- Đặc điểm *(nêu rõ các đặc điểm hoặc các quyền kèm theo)*: .....

III. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH: .....

IV. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH

1. Tên cổ phiếu: .....

2. Loại cổ phiếu: .....

3. Mệnh giá cổ phiếu:.....đồng/cổ phiếu.

4. Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành: .....cổ phiếu.

5. Tỷ lệ số cổ phiếu đăng ký phát hành trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành: .....

6. Thời gian hạn chế chuyển nhượng: .....

7. Thời gian thực hiện hoán đổi nợ: .....

8. Đợt chào bán, phát hành chứng khoán riêng lẻ gần nhất *(cổ phiếu/trái phiếu chuyển đổi/trái phiếu kèm chứng quyền/cổ phiếu ưu đãi kèm chứng quyền/cổ phiếu để hoán đổi nợ/cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho số cổ đông xác định trong công ty đại chúng khác/cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho cổ đông công ty cổ phần chưa đại chúng, hoán đổi phần vốn góp cho thành viên góp vốn xác định của công ty trách nhiệm hữu hạn)*: .....

Trong đó:

- Số lượng cổ phiếu/trái phiếu đã phát hành: .....

- Ngày kết thúc đợt chào bán/phát hành: .....

V. ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC PHÁT HÀNH

1. Tiêu chí lựa chọn đối tượng được hoán đổi: .....

2. Danh sách chủ nợ: .....

STT	Tên chủ nợ	Số định danh cá nhân/Hộ chiếu hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương	Số lượng cổ phiếu sở hữu trước đợt phát hành	Chủ nợ là: Nhà đầu tư nước ngoài/Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ/Nhà đầu tư trong nước	Số lượng cổ phiếu dự kiến được phân phối (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu dự kiến sau đợt phát hành (%)
1						
2						
...						

3. Quan hệ của các chủ nợ với tổ chức phát hành, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và Ban Giám đốc *(nếu có)*: .....

VI. CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH

1. Tổ chức tư vấn *(nếu có)*: .....

2. Tổ chức kiểm toán: .....

3. Bên liên quan khác *(nếu có)*: .....

VII. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Chúng tôi xin đảm bảo rằng những thông tin trong hồ sơ này là đầy đủ và đúng sự thật, không phải là thông tin không chính xác hoặc thiếu có thể làm cho nhà đầu tư chịu thiệt hại.

2. Chúng tôi cam kết:

- Nghiên cứu đầy đủ và thực hiện nghiêm chỉnh các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- Việc phát hành không dẫn đến vi phạm quy định về sở hữu chéo của Luật Doanh nghiệp.

- Đã thực hiện thông báo tập trung kinh tế theo quy định của pháp luật cạnh tranh *(trong trường hợp việc hoán đổi dẫn đến hoạt động tập trung kinh tế thuộc ngưỡng tập trung kinh tế phải thông báo)*.

- Chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm các cam kết nêu trên.

VIII. TÀI LIỆU KÈM THEO

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương;

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành;

3. Báo cáo tài chính;

4. Cam kết của tổ chức phát hành về việc không vi phạm quy định về sở hữu chéo;

5. Tài liệu cung cấp thông tin về đợt phát hành *(nếu có)*;

6. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua phương án đảm bảo việc phát hành đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài *(nếu có)*;

7. Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua hồ sơ đăng ký phát hành;

8. .....

....., ngày .... tháng .... năm ...

TÊN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

(Người đại diện theo pháp luật)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 17

TÊN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
———	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../.....	...., *ngày ... tháng ... năm .....*

BÁO CÁO PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tên tổ chức phát hành *(đầy đủ)*: .....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

3. Điện thoại: ..... Fax: ..... Website: .....

4. Vốn điều lệ:..... đồng.

5. Mã cổ phiếu *(nếu có)*: .....

6. Nơi mở tài khoản thanh toán: ..... Số hiệu tài khoản:.....
.....

7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp....do ..... cấp lần đầu ngày ....., cấp thay đổi lần thứ.... ngày.... hoặc Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương *(nêu thông tin thay đổi lần gần nhất).*

- Ngành nghề kinh doanh chính: ..... Mã ngành: .....

- Sản phẩm/dịch vụ chính: .....

8. Giấy phép thành lập và hoạt động *(nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành)*: .....

9. Tổ chức phát hành thuộc ngành, nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về việc phát hành: .....*(có/không).*

II. THÔNG TIN VỀ CỔ PHIẾU CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Cổ phiếu phổ thông

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: ..... cổ phiếu.

- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: ..... cổ phiếu.

- Tổng giá trị cổ phiếu đang lưu hành *(tính theo mệnh giá hoặc giá thị trường tại thời điểm báo cáo (nếu có))*: ..... đồng.

- Đặc điểm *(nêu rõ các đặc điểm hoặc các quyền kèm theo)*: .....

- Tổng số cổ phiếu quỹ: ..... cổ phiếu.

- Đợt mua lại cổ phiếu gần nhất: .....

+ Số lượng cổ phiếu mua lại: ..... cổ phiếu.

+ Ngày kết thúc việc mua lại cổ phiếu: .....

2. Cổ phiếu ưu đãi

- Loại cổ phiếu ưu đãi: .....

- Tổng số cổ phiếu: ..... cổ phiếu.

- Tổng giá trị cổ phiếu *(tính theo mệnh giá hoặc giá thị trường tại thời điểm báo cáo (nếu có))*: ..... đồng.

- Đặc điểm *(nêu rõ các đặc điểm hoặc các quyền kèm theo)*: .....

III. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH: .....

IV. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH

1. Tên cổ phiếu: .....

2. Loại cổ phiếu: .....

3. Mệnh giá cổ phiếu: .....đồng/cổ phiếu.

4. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: ..... cổ phiếu.

5. Giá phát hành: ..... đồng/cổ phiếu.

6. Tổng giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá: ..... đồng.

7. Tỷ lệ phát hành *(số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành)*:.....%

8. Nguồn vốn *(trong trường hợp phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động)*: .....

9. Hạn chế chuyển nhượng: .....

10. Thời gian dự kiến phát hành: .....

11. Đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong 12 tháng gần nhất *(nếu có)*:

- Số lượng cổ phiếu phát hành: ..... cổ phiếu.

- Ngày kết thúc đợt phát hành: .....

V. CAM KẾT THỰC HIỆN ĐÚNG PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH VÀ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

1. Chúng tôi xin đảm bảo rằng những thông tin trong tài liệu báo cáo này là đầy đủ và đúng sự thật, không phải là thông tin không chính xác hoặc thiếu có thể làm cho nhà đầu tư chịu thiệt hại.

2. Chúng tôi cam kết:

- Nghiên cứu đầy đủ và thực hiện nghiêm chỉnh các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- Lựa chọn ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mở tài khoản phong tỏa *(nếu có)* không phải người có liên quan của tổ chức phát hành.

- Chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm các cam kết nêu trên.

VI. CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. Tổ chức tư vấn *(nếu có)*:.....

2. Tổ chức kiểm toán: .....

3. Bên liên quan khác *(nếu có)*: .....

VII. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành;

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua danh sách người lao động được tham gia chương trình, số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và thời gian thực hiện, trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động, phương án bán ra số cổ phiếu được công ty mua lại;

3. Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua việc triển khai phương án phát hành;

4. Báo cáo tài chính *(nếu có)*;

5. Văn bản xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về việc mở tài khoản phong tỏa *(nếu có)*;

6. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị thông qua phương án đảm bảo việc phát hành đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài *(nếu có)*;

7. .....

....., ngày .... tháng .... năm .....

TÊN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

(Người đại diện theo pháp luật)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 23

TÊN CÔNG TY *(trường hợp là tổ chức)*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:	*..., ngày ..... tháng ..... năm ...*

GIẤY ĐĂNG KÝ CHÀO MUA CÔNG KHAI

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Đồng kính gửi: Công ty.... *(tên công ty mục tiêu/công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán quản lý quỹ đầu tư mục tiêu)*

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHÀO MUA CÔNG KHAI

Đối với tổ chức đăng ký chào mua công khai

1. Tên tổ chức đăng ký chào mua công khai *(đầy đủ)*: .....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

3. Điện thoại: ..... Fax: ..... Website: .....

4. Vốn điều lệ: ..... đồng.

5. Mã cổ phiếu (nếu có): .....

6. Nơi mở tài khoản thanh toán: ..... Số hiệu tài khoản: .....

7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp....do ..... cấp lần đầu ngày....., cấp thay đổi lần thứ.... ngày.... hoặc Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương *(nêu thông tin thay đổi lần gần nhất)*.

- Ngành nghề kinh doanh chính:..... Mã ngành: .....

- Sản phẩm/dịch vụ chính:.....

8. Giấy phép thành lập và hoạt động *(nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành)*: .....

9. Việc chào mua công khai dẫn đến hoạt động tập trung kinh tế thuộc ngưỡng tập trung kinh tế phải thông báo: ..... *(có/không)*.

Đối với cá nhân chào mua công khai

1. Tên cá nhân đăng ký chào mua công khai *(đầy đủ)*: .....

2. Ngày tháng năm sinh: .....

3. Số định danh cá nhân/Hộ chiếu .....ngày cấp ..... nơi cấp.....

4. Địa chỉ liên hệ: .....

5. Điện thoại: .....

II. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY MỤC TIÊU/QUỸ ĐẦU TƯ MỤC TIÊU

1. Tên công ty mục tiêu/quỹ đầu tư mục tiêu *(đầy đủ)*: .....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

3. Website: .....

4. Vốn điều lệ: .....

5. Mã chứng khoán *(nếu có)*: .....

6. Mệnh giá cổ phần: .....

7. Thông tin về việc niêm yết/đăng ký giao dịch của công ty mục tiêu: .....

8. Loại cổ phiếu đăng ký chào mua: .....

III. MỐI QUAN HỆ GIỮA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN CHÀO MUA CÔNG KHAI VỚI CÔNG TY MỤC TIÊU/QUỸ ĐẦU TƯ MỤC TIÊU

.....

IV. SỐ LƯỢNG, TỶ LỆ NẮM GIỮ CỔ PHIẾU CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN CHÀO MUA VÀ CỦA NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (NẾU CÓ) ĐỐI VỚI CÔNG TY MỤC TIÊU/QUỸ ĐẦU TƯ MỤC TIÊU TRƯỚC KHI CHÀO MUA: ..

V. SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI, CHỨNG QUYỀN, QUYỀN MUA, CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG CỦA CÔNG TY MỤC TIÊU, QUỸ ĐẦU TƯ MỤC TIÊU MÀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHÀO MUA VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN SỞ HỮU HOẶC GIÁN TIẾP SỞ HỮU THÔNG QUA BÊN THỨ BA TÍNH ĐẾN THỜI ĐIỂM GỬI HỒ SƠ CHÀO MUA CÔNG KHAI CHO ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC: .....

VI. SỐ LƯỢNG, TỶ LỆ CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG DỰ KIẾN THỰC HIỆN CHÀO MUA: .....

VII. GIÁ CHÀO MUA: .....

VIII. GIÁ CHÀO MUA CAO NHẤT CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN KHÁC ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY MỤC TIÊU/CHỨNG CHỈ QUỸ CỦA QUỸ ĐẦU TƯ MỤC TIÊU ĐƯỢC CÔNG BỐ TRONG THỜI GIAN NÀY (NẾU CÓ)

.....

IX. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHÀO MUA

.....

X. MỤC ĐÍCH CHÀO MUA VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG, KINH DOANH SAU KHI THỰC HIỆN CHÀO MUA

.....

XI. THỜI ĐIỂM ĐĂNG KÝ CHÀO MUA CÔNG KHAI VÀ THỜI HẠN DỰ KIẾN HOÀN TẤT VIỆC CHÀO MUA

.....

XII. ĐIỀU KIỆN HỦY BỎ ĐỢT CHÀO MUA CÔNG KHAI (NẾU CÓ)

.....

XIII. THỜI HẠN VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

.....

XIV. TÊN CÔNG TY CHỨNG KHOÁN LÀM ĐẠI LÝ THỰC HIỆN VIỆC CHÀO MUA

.....

XV. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TRONG TRƯỜNG HỢP SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG ĐƯỢC CHÀO MUA NHỎ HƠN SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG ĐĂNG KÝ BÁN

.....

XVI. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHÀO MUA CÔNG KHAI

1. Chúng tôi/Tôi xin đảm bảo rằng những thông tin trong hồ sơ này là đầy đủ và đúng sự thật, không phải là thông tin không chính xác hoặc thiếu có thể làm cho nhà đầu tư chịu thiệt hại.

2. Chúng tôi/Tôi cam kết:

- Nghiên cứu đầy đủ và thực hiện nghiêm chỉnh các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- Đã thực hiện thông báo tập trung kinh tế theo quy định của pháp luật cạnh tranh *(trong trường hợp việc chào mua công khai dẫn đến hoạt động tập trung kinh tế thuộc ngưỡng tập trung kinh tế phải thông báo).*

- Chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm các cam kết nêu trên.

XVII. TÀI LIỆU KÈM THEO

1. .....

2. .....

....., ngày.... tháng.... năm .....

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHÀO MUA CÔNG KHAI

(Người đại diện theo pháp luật - đối với tổ chức)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Mẫu số 25A

TÊN CÔNG TY	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: .../.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	...., ngày ... tháng ... năm ....

GIẤY ĐĂNG KÝ LÀM THÀNH VIÊN TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG CHỨNG CHỈ QUỸ HOÁN ĐỔI DANH MỤC

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.

Chúng tôi là:

- Công ty chứng khoán *(tên giao dịch bằng tiếng Việt, tên giao dịch bằng tiếng Anh, tên viết tắt ghi bằng chữ in hoa)*

- Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số ... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ... tháng ... năm ....

- Địa chỉ trụ sở chính: .....

- Điện thoại: ..... Fax: ..... Website: .....

- Vốn điều lệ: .....

- Vốn chủ sở hữu: .....

- Nghiệp vụ kinh doanh được cấp phép:.....

Là thành viên giao dịch chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam theo Quyết định số ...../QĐ-SGDVN ngày .../.../....

Sau khi tìm hiểu và nắm rõ nội dung liên quan đến thành viên tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục tại Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Quy chế hoạt động của thành viên tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục được ban hành kèm Quyết định số ... ngày .../.../... của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, chúng tôi xin đăng ký làm thành viên tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục với các nội dung như sau:

Thời hạn tham gia hoạt động tạo lập thị trường:

Không thời hạn ☐

Có thời hạn : *....tháng kể từ ngày được chấp thuận* ☐

Nhân sự:

Danh sách các nhân viên thực hiện hoạt động tạo lập thị trường như sau:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Số định danh cá nhân (công dân Việt Nam)/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (người nước ngoài)	Số Chứng chỉ hành nghề (CCHN)	Loại CCHN

1					
...					

Chúng tôi xin đảm bảo các thông tin trên đây và thông tin trong hồ sơ kèm theo là hoàn toàn chính xác. Nếu được chấp thuận làm thành viên tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục, chúng tôi cam kết:

- Tuân thủ các quy định liên quan đến hoạt động tạo lập thị trường tại Quy chế hoạt động của thành viên tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục do Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam ban hành và các quy định pháp luật khác có liên quan;

- Thực hiện hoạt động tạo lập thị trường xứng đáng với tư cách là thành viên tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và không làm ảnh hưởng đến uy tín của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con;

- Chịu mọi hình thức xử lý của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam khi không thực hiện đúng cam kết nêu trên.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 27A

TÊN CÔNG TY	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ...../.....	*....., ngày ... tháng ... năm .....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ HỦY BỎ TƯ CÁCH THÀNH VIÊN TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG CHỨNG CHỈ QUỸ HOÁN ĐỔI DANH MỤC

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.

Chúng tôi là:

Công ty chứng khoán *(tên giao dịch bằng tiếng Việt, tên giao dịch bằng tiếng Anh, tên viết tắt ghi bằng chữ in hoa)*: .....

là thành viên tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam theo Quyết định số.....ngày .....

Nay, chúng tôi đề nghị được hủy bỏ tư cách thành viên tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục kể từ ngày .../.../....

Lý do: .....

Chúng tôi cam kết thực hiện công bố thông tin về việc hủy bỏ tư cách thành viên tạo lập thị trường theo quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, đồng thời thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của thành viên tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con cho các giao dịch diễn ra trước thời điểm hủy bỏ tư cách thành viên tạo lập thị trường.

Chúng tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật. Nếu sai chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Đề nghị Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam xem xét, chấp thuận cho chúng tôi hủy bỏ tư cách thành viên tạo lập thị trường chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 28

TÊN CÔNG TY	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
———	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……/…….	……, *ngày ... tháng ... năm ……*

GIẤY ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN

Cổ phiếu/Trái phiếu/Chứng chỉ quỹ:.... *(tên)*

Mã Cổ phiếu/Trái phiếu/Chứng chỉ quỹ (nếu có)

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán ...

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tên tổ chức đăng ký niêm yết *(đầy đủ)*:.....

2. Tên tiếng Anh *(nếu có)*:.....

3. Tên viết tắt *(nếu có)*:.....

4. Vốn điều lệ đăng ký:.....

5. Vốn điều lệ thực góp: .....

6. Địa chỉ trụ sở chính: .....

7. Điện thoại: ..... Fax: ..... Website: .....

8. Nơi mở tài khoản: ..... Số hiệu tài khoản:.....

9. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp....do ..... cấp lần đầu ngày ....., cấp thay đổi lần thứ.... ngày.... hoặc Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương *(nêu thông tin thay đổi lần gần nhất).*

- Ngành nghề kinh doanh chính: ..... Mã ngành: .....

- Sản phẩm/dịch vụ chính: .....

10. Giấy phép thành lập và hoạt động *(nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành)*: .....

II. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tên Cổ phiếu/Trái phiếu/Chứng chỉ quỹ:.....

2. Loại Cổ phiếu/Trái phiếu/Chứng chỉ quỹ:.....

3. Mệnh giá Cổ phiếu/Trái phiếu/Chứng chỉ quỹ:..... đồng

4. Giá niêm yết dự kiến: ..... đồng

5. Số lượng Cổ phiếu/Trái phiếu/Chứng chỉ quỹ đăng ký niêm yết: .....

6. Kỳ hạn trái phiếu *(đối với trái phiếu)*:.....

7. Thời gian dự kiến niêm yết: .....

8. Tỷ lệ số cổ phần đăng ký niêm yết trên tổng số cổ phần đã phát hành *(đối với cổ phiếu)*:.....

9. Tỷ lệ số trái phiếu đăng ký niêm yết trên tổng số trái phiếu đã phát hành *(đối với trái phiếu)*:.....

10. Tỷ lệ số chứng chỉ quỹ đăng ký niêm yết trên tổng số chứng chỉ quỹ đã phát hành *(đối với chứng chỉ quỹ)*:.....

III. CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. Tổ chức tư vấn niêm yết:.....

2. Tổ chức kiểm toán:.....

3. Bên liên quan khác *(nếu có)*: .....

IV. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Chúng tôi cam kết tuân thủ quy định về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài theo quy định của pháp luật đối với lĩnh vực kinh doanh đặc thù (nếu có).

2. Chúng tôi cam kết công ty, người đại diện theo pháp luật của công ty không bị xử lý vi phạm do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán trong vòng 02 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết (đối với cổ phiếu).

3. Chúng tôi xin đảm bảo rằng những số liệu trong hồ sơ này là đầy đủ và đúng sự thật, không phải là số liệu giả hoặc thiếu thông tin có thể làm cho người mua cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ chịu thiệt hại.

4. Chúng tôi cam kết nghiên cứu đầy đủ và thực hiện nghiêm chỉnh các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, Quy chế của Sở Giao dịch Chứng khoán và chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm cam kết nêu trên.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

(Liệt kê các tài liệu kèm theo)

....., ngày...tháng....năm...

TÊN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

(Người đại diện theo pháp luật)

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 28A

TÊN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ……/…….

……, ngày ... tháng ... năm ……

GIẤY ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU CỦA TỔ CHỨC TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

Trái phiếu *(tên)*:....

Mã Trái phiếu *(nếu có)*:……

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán .....

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

1. Tên tổ chức đăng ký niêm yết *(đầy đủ)*: .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
3. Địa chỉ tại Việt Nam: .....
4. Điện thoại: ..... Fax: ..... Website: .....
5. Vốn điều lệ: .....

II. TRÁI PHIẾU ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tên Trái phiếu: .....
2. Loại Trái phiếu: .....
3. Mệnh giá trái phiếu:.....đồng/trái phiếu.
4. Giá niêm yết dự kiến: .....đồng/trái phiếu.
5. Số lượng Trái phiếu đăng ký niêm yết: .....
6. Lãi suất trái phiếu: .....
7. Kỳ hạn trái phiếu: .....
8. Thời gian dự kiến niêm yết: .....

III. CÁC BÊN LIÊN QUAN

(Nêu thông tin về các bên có liên quan đến đợt chào bán – nếu có)

IV. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Chúng tôi xin đảm bảo rằng những số liệu trong hồ sơ này là đầy đủ và đúng sự thật, không phải là số liệu giả hoặc thiếu thông tin có thể làm cho người mua trái phiếu chịu thiệt hại.

2. Chúng tôi cam kết nghiên cứu đầy đủ và thực hiện nghiêm chỉnh các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán và chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm cam kết nêu trên.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

(Liệt kê các tài liệu kèm theo)

……, ngày...tháng....năm...

TÊN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

(Người đại diện có thẩm quyền)

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Mẫu số 28B

TÊN CÔNG TY	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ...../.....	*....., ngày ... tháng ... năm .....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ TIẾP TỤC XEM XÉT VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CỔ PHIẾU .....

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán ...

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tên tổ chức đăng ký niêm yết *(đầy đủ)*: .....
2. Tên Tiếng Anh: .....
3. Tên viết tắt: .....
4. Địa chỉ trụ sở chính: .....
5. Số điện thoại: .....Số fax: .....Website: .....
6. Vốn điều lệ đăng ký: ..... đồng.
7. Vốn điều lệ thực góp: ..... đồng.
8. Mã cổ phiếu (nếu có): .....
9. Nơi mở tài khoản thanh toán: ..... Số hiệu tài khoản: .....
10. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp… do ..... … cấp lần đầu ngày…, cấp thay đổi lần thứ… ngày.... hoặc Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương *(nêu thông tin thay đổi lần gần nhất)*.

Ngành nghề kinh doanh chính: .....Mã ngành: .....

Sản phẩm/dịch vụ chính: .....

11. Giấy phép thành lập và hoạt động *(nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành)*: .....

II. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tên cổ phiếu: .....
2. Loại cổ phiếu: .....
3. Mệnh giá cổ phiếu: ..... đồng.
4. Giá niêm yết dự kiến: ..... đồng.
5. Số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết: .....
6. Thời gian dự kiến niêm yết: .....
7. Tỷ lệ số cổ phần đăng ký niêm yết trên tổng số cổ phần đã phát hành: .....

III. VỀ VIỆC ĐÁP ỨNG ĐIỀU KIỆN NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

.....

.....

.....

IV. CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. Tổ chức tư vấn niêm yết: .....

2. Tổ chức kiểm toán: .....

3. Bên liên quan khác *(nếu có)*: .....

V. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Chúng tôi cam kết tuân thủ quy định về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài theo quy định của pháp luật đối với lĩnh vực kinh doanh đặc thù (nếu có).

2. Chúng tôi cam kết công ty, người đại diện theo pháp luật của công ty không bị xử lý vi phạm do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán trong vòng 02 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết.

3. Chúng tôi xin đảm bảo rằng những số liệu trong hồ sơ này là đầy đủ và đúng sự thật, không phải là số liệu giả hoặc thiếu thông tin có thể làm cho người mua cổ phiếu chịu thiệt hại.

4. Chúng tôi cam kết nghiên cứu đầy đủ và thực hiện nghiêm chỉnh các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, Quy chế của Sở Giao dịch Chứng khoán và chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm cam kết nêu trên.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch đăng ký niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán;

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương;

3. Sổ đăng ký cổ đông của tổ chức đăng ký niêm yết được lập trong thời hạn một tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết; kèm theo danh sách cổ đông lớn, cổ đông chiến lược, người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (số lượng, tỷ lệ nắm giữ, thời gian bị hạn chế chuyển nhượng (nếu có);

4. Cam kết của cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên), Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm và cam kết của cổ đông lớn là người có liên quan của các đối tượng trên về việc nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo;

5. Các tài liệu khác *(nếu có)*.

....., ngày...tháng....năm...

TÊN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

(Người đại diện theo pháp luật)

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 28C

TÊN CÔNG TY	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
———	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……/…….	*……, ngày ... tháng ... năm ……*

GIẤY ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM
Chứng quyền:..... *(Tên chứng quyền)*

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán .....

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tên tổ chức đăng ký niêm yết (đầy đủ): .....

2. Tên giao dịch: .....

3. Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số: ..... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ... tháng ... năm ....

4. Vốn điều lệ: .....(bằng chữ):.....

5. Địa chỉ trụ sở chính: .....

6. Điện thoại: ..... Fax .....

II. CHỨNG QUYỀN ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tên chứng quyền: .....

2. Được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số: ..... ngày ...../…./….

3. Tên (mã) chứng khoán cơ sở: .....

4. Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: .....

5. Loại chứng quyền (mua/bán): .....

6. Kiểu chứng quyền (châu Âu): .....

7. Phương thức thanh toán thực hiện quyền:.....

8. Thời hạn: ..... tháng: .....

9. Ngày đáo hạn: ..... (ngày/tháng/năm)

10. Tỷ lệ chuyển đổi:

Tại Thông báo phát hành: .....

Tại thời điểm đăng ký niêm yết: .....

11. Giá thực hiện:

Tại Thông báo phát hành: ..... đồng

Tại thời điểm đăng ký niêm yết:..... đồng

12. Giá chào bán: ..... đồng/chứng quyền

13. Tài sản bảo đảm thanh toán: .....

14. Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán: .....

15. Ngày bắt đầu chào bán: .....

16. Ngày hoàn thành đợt chào bán: .....

17. Kết quả chào bán chứng quyền:

Đối tượng mua chứng quyền	Giá chào bán (đồng/ chứng quyền	Số lượng chứng quyền chào bán	Số lượng chứng quyền đăng ký mua	Số lượng chứng quyền được phân phối	Số người đăng ký mua	Số người được phân phối	Số chứng quyền chưa phân phối	Tỷ lệ chứng quyền phân phối
1. Nhà đầu tư cá nhân, trong đó: - Nhà đầu tư trong nước - Nhà đầu tư nước ngoài								
2. Nhà đầu tư có tổ chức, trong đó: - Nhà đầu tư trong nước - Nhà đầu tư nước ngoài								
Tổng số								

18. Số lượng chứng quyền đăng ký niêm yết: chứng quyền .....

III. CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. Ngân hàng nhận ký quỹ tài sản bảo đảm thanh toán/bảo lãnh thanh toán: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Website: .....

2. Các bên có liên quan khác *(nếu có)*:.....

IV. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Chúng tôi đảm bảo các thông tin và số liệu trình bày trong hồ sơ đăng ký niêm yết của chúng tôi là đầy đủ, chính xác và trung thực. Chúng tôi cam kết thực hiện nghiêm chỉnh mọi nghĩa vụ của tổ chức phát hành cũng như các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm cam kết nêu trên.

Hồ sơ gửi kèm:
(Liệt kê đầy đủ)

....., ngày..... tháng..... năm .....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 29

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
(Áp dụng đối với các trường hợp đăng ký niêm yết cổ phiếu trừ trường hợp đăng ký niêm yết cổ phiếu đồng thời với chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của công ty cổ phần)

(trang bìa)

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY ABC
(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.... do.... cấp ngày... tháng...năm..., Giấy phép thành lập và hoạt động số:..... do ..... cấp ngày..... hoặc Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương)
(nêu thông tin cấp lần đầu và thay đổi lần gần nhất)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN...
(Quyết định đăng ký niêm yết số:.../SGD...-QĐ do....cấp ngày... tháng...năm...)

Bản cáo bạch này và các phụ lục của Bản cáo bạch sẽ được cung cấp tại: ..... từ ngày: .....

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: .....

Chức vụ: .....

Số điện thoại: .....

(trang bìa)

CÔNG TY ABC

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.... do.... cấp ngày... tháng...năm..., Giấy phép thành lập và hoạt động số:..... do ..... cấp ngày..... hoặc Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương)

(nêu thông tin cấp lần đầu và thay đổi lần gần nhất)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN...

Tên cổ phiếu:

Loại cổ phiếu:

Mã cổ phiếu *(nếu có):*

Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết:

Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký niêm yết theo mệnh giá:

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY:..... *(ghi rõ địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch)*

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY:..... *(ghi rõ địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch)*

(trang bìa)

MỤC LỤC

Trang

I. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung Bản cáo bạch

II. Các nhân tố rủi ro ảnh hưởng đến giá cổ phiếu đăng ký niêm yết

III. Các khái niệm

IV. Tình hình và đặc điểm của tổ chức đăng ký niêm yết

V. Kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và dự kiến kế hoạch

VI. Thông tin về cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng

VII. Cổ phiếu đăng ký niêm yết

VIII. Các đối tác liên quan tới việc đăng ký niêm yết

IX. Phụ lục

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức đăng ký niêm yết

Ông/Bà: ..... Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông/Bà: .....Chức vụ: Tổng giám đốc (Giám đốc).

Ông/Bà: .....Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) có liên quan đến việc đăng ký niêm yết.

Ông/Bà: .....Chức vụ: Kế toán trưởng (Giám đốc Tài chính).

Ông/Bà: .....Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát hoặc Trưởng ban Kiểm toán nội bộ.

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện theo pháp luật (hoặc đại diện được ủy quyền): Ông/Bà: ..... Chức vụ: .....

Theo Giấy ủy quyền số ... ngày ... tháng ... năm ... của người đại diện theo pháp luật *(trường hợp đại diện được ủy quyền)*.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu do .....*[tên Tổ chức tư vấn]* tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số ... ngày ... tháng ... năm ... (Hợp đồng tư vấn) với ..... *(tên tổ chức đăng ký niêm yết)*. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do ..... *(tên tổ chức đăng ký niêm yết)* cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

(Việc phân tích các nhân tố rủi ro cần nêu ảnh hưởng đến lĩnh vực hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của tổ chức đăng ký niêm yết, giá cổ phiếu đăng ký niêm yết. Các nhân tố rủi ro cần được phân loại và đặt tiêu đề phù hợp theo nhóm, sắp xếp theo thứ tự các nhân tố rủi ro có khả năng ảnh hưởng tiêu cực theo mức độ từ cao đến thấp.)

1. Đối với tổ chức đăng ký niêm yết không phải là tổ chức tín dụng

1.1. Rủi ro về kinh tế:

1.2. Rủi ro về luật pháp:

1.3. Rủi ro đặc thù: *(ngành, lĩnh vực hoạt động...)*

1.4. Rủi ro quản trị công ty

1.5. Rủi ro khác *(thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh...):*

2. Đối với với tổ chức đăng ký niêm yết là tổ chức tín dụng

2.1. Rủi ro về kinh tế:

2.2. Rủi ro về luật pháp:

2.3. Rủi ro đặc thù

a) Rủi ro tín dụng *(phân tích rủi ro có thể xảy ra do có một số khách hàng, đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ, thanh toán theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với tổ chức đăng ký niêm yết)*

b) Rủi ro thị trường *(phân tích rủi ro có thể xảy ra do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá chứng khoán, giá hàng hóa trên thị trường)*

c) Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng *(phân tích rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả, giá trị cam kết ngoại bảng của tổ chức đăng ký niêm yết)*

d) Rủi ro hoạt động *(phân tích rủi ro có thể xảy ra do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với tổ chức đăng ký niêm yết)*

đ) Rủi ro thanh khoản *(phân tích rủi ro có thể xảy ra do tổ chức đăng ký niêm yết không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn hoặc tổ chức đăng ký niêm yết có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường)*

e) Rủi ro tập trung *(phân tích rủi ro có thể xảy ra do tổ chức đăng ký niêm yết có hoạt động kinh doanh tập trung vào một khách hàng (bao gồm người có liên quan), đối tác, sản phẩm, giao dịch, ngành, lĩnh vực kinh tế, loại tiền tệ ở mức độ có tác động đáng kể đến thu nhập, trạng thái rủi ro của tổ chức đăng ký niêm yết)*

g) Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng *(phân tích các giao dịch kỳ hạn, các khoản cam kết cho vay, các khoản bảo lãnh L/C có khả năng ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Tổ chức đăng ký niêm yết)*

h) Rủi ro đặc thù khác

2.4. Rủi ro quản trị công ty:

2.5. Rủi ro khác *(thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh...)*:

III. CÁC KHÁI NIỆM

(Những từ, nhóm từ viết tắt, thuật ngữ chuyên ngành, kỹ thuật; những từ, nhóm từ khó hiểu, có thể gây hiểu lầm trong Bản cáo bạch cần phải được giải thích)

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Thông tin chung về tổ chức đăng ký niêm yết *(tên đầy đủ, tên viết tắt, tên viết bằng tiếng nước ngoài, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax, vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh chính, người đại diện theo pháp luật)*

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của tổ chức đăng ký niêm yết *(nêu những sự kiện quan trọng trong lịch sử hình thành, phát triển và trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh của tổ chức đăng ký niêm yết)*

3. Cơ cấu tổ chức của tổ chức đăng ký niêm yết (và cơ cấu của nhóm công ty, nếu có) *(thể hiện bằng sơ đồ kèm theo diễn giải)*

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của tổ chức đăng ký niêm yết *(thể hiện bằng sơ đồ kèm theo diễn giải)*

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối *(danh sách các công ty trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại, kèm theo thông tin cụ thể tính đến thời điểm nắm giữ gần nhất bao gồm: tên, địa chỉ, ngày thành lập, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương, hoạt động kinh doanh chính, tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của các công ty này tại tổ chức đăng ký niêm yết, tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của tổ chức đăng ký niêm yết tại các công ty này)*

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của tổ chức đăng ký niêm yết *(thông tin về các đợt tăng, giảm vốn kể từ thời điểm hoạt động theo hình thức công ty cổ phần bao gồm thời điểm tăng/giảm vốn, giá trị vốn tăng/giảm, hình thức tăng/giảm vốn, đơn vị cấp, ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có))*

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của tổ chức đăng ký niêm yết tại các doanh nghiệp khác *(nêu giá trị và phương thức thực hiện của các khoản góp vốn, thoái vốn trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của tổ chức đăng ký niêm yết tại thời điểm thực hiện)*

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông *(nêu số lượng, tỷ lệ sở hữu của tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài, tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ)*

8.2. Cổ phiếu ưu đãi *(nêu số lượng, loại cổ phiếu, tỷ lệ sở hữu, tỷ lệ biểu quyết của tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài, tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, các đặc điểm khác)*

8.3. Các loại chứng khoán khác *(nêu số lượng, đặc điểm của từng loại)*

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại tổ chức đăng ký niêm yết theo quy định pháp luật.

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại tổ chức đăng ký niêm yết theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ Công ty *(nếu có)*.

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại tổ chức đăng ký niêm yết hiện tại.

10. Hoạt động kinh doanh

(Tổ chức đăng ký niêm yết nêu các nội dung để làm rõ về hoạt động kinh doanh căn cứ theo đặc điểm ngành hoạt động)

10.1. Đối với tổ chức đăng ký niêm yết không phải là tổ chức tín dụng

10.1.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

- Mô tả các sản phẩm, dịch vụ chính, quy trình sản xuất kinh doanh, công nghệ áp dụng...;

- Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ *(tỷ lệ từng loại sản phẩm, dịch vụ trong doanh thu, lợi nhuận trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại).*

10.1.2. Tài sản *(nêu tên, nguyên giá, giá trị còn lại của từng tài sản lớn thuộc sở hữu của tổ chức đăng ký niêm yết)*

10.1.3. Thị trường hoạt động *(doanh thu, lợi nhuận theo từng thị trường)*

10.1.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

10.1.5. Các hợp đồng lớn *(nêu thông tin các hợp đồng lớn đã được thực hiện, đã được ký kết và chưa thực hiện trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại bao gồm các nội dung về tên; giá trị; thời điểm ký kết; thời gian thực hiện; sản phẩm, dịch vụ đầu vào, đầu ra; các đối tác tham gia và mối quan hệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), cổ đông lớn của tổ chức đăng ký niêm yết; các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng)*

10.1.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn *(nêu thông tin về các khách hàng, nhà cung cấp lớn của tổ chức đăng ký niêm yết trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại bao gồm các nội dung về tên; giá trị giao dịch trên doanh thu/doanh số mua hàng; thời gian giao dịch; sản phẩm, dịch vụ; mối quan hệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), cổ đông lớn của tổ chức đăng ký niêm yết)*

10.1.7. Vị thế của tổ chức đăng ký niêm yết trong ngành *(nêu thông tin một cách cẩn trọng và hợp lý, nêu nguồn cung cấp thông tin và số liệu công bố)*

- Vị thế của tổ chức đăng ký niêm yết so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành *(phân tích theo ngành hoạt động của tổ chức đăng ký niêm yết, các bên tham gia và mức độ cạnh tranh, vị thế và thị phần của tổ chức đăng ký niêm yết trong ngành; trường hợp không có thông tin cần nêu rõ)*;

- Triển vọng phát triển của ngành;

- Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của tổ chức đăng ký niêm yết so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới.

10.1.8. Hoạt động Marketing

10.1.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

10.1.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển *(nêu thông tin về các chính sách trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại, đánh giá ảnh hưởng tới tình hình hoạt động kinh doanh của tổ chức đăng ký niêm yết)*

10.1.11. Chiến lược kinh doanh *(tổng quan về các chiến lược, thời gian dự kiến thực hiện, nguồn vốn và nguồn lực dự kiến...)*

10.1.12. Trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nêu thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan

10.2. Đối với tổ chức đăng ký niêm yết là tổ chức tín dụng

10.2.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

- Loại sản phẩm, dịch vụ *(tỷ lệ từng loại sản phẩm, dịch vụ trong doanh thu, lợi nhuận trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại)*;

- Huy động vốn *(cơ cấu, tỷ trọng nguồn vốn huy động trong nước, ngoài nước trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại)*;

- Hoạt động tín dụng *(tổng dư nợ cho vay, tỷ lệ an toàn vốn, tỷ lệ nợ khó đòi, rủi ro lãi suất, phân loại... trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại)*;

- Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán *(tình hình hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán, các dịch vụ thanh toán trong nước và thanh toán quốc tế trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại)*;

- Hoạt động ngân hàng đại lý *(nếu có)*;

- Hoạt động kinh doanh khác *(nếu có)*.

10.2.2. Tài sản *(nêu tên, nguyên giá, giá trị còn lại của từng tài sản lớn thuộc sở hữu của Tổ chức đăng ký niêm yết)*

10.2.3. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

- Các chính sách quản lý rủi ro đang áp dụng *(rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường...)*;

- Đánh giá tình hình thực hiện, giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế *(nếu có)*.

10.2.4. Thị trường hoạt động

- Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện;

- Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng;

- Vị thế của tổ chức đăng ký niêm yết trong ngành *(nêu thông tin về vị thế và thị phần của tổ chức đăng ký niêm yết so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành. Thông tin phải được nêu một cách cẩn trọng và hợp lý, nêu nguồn cung cấp thông tin và số liệu công bố)*.

10.2.5. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh *(nêu thông tin về các dự án lớn trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại, đánh giá ảnh hưởng tới tình hình hoạt động kinh doanh của tổ chức đăng ký niêm yết)*

10.2.6. Chiến lược kinh doanh *(tổng quan về các chiến lược, thời gian dự kiến thực hiện, nguồn vốn và nguồn lực dự kiến...)*

11. Chính sách đối với người lao động

- Số lượng người lao động tính đến thời điểm hiện tại, số lượng người lao động bình quân trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết *(phân loại theo trình độ người lao động, lao động thường xuyên hoặc thời vụ)*;

- Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp...;

- Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động *(nếu có)*.

12. Chính sách cổ tức *(nêu các chính sách liên quan đến việc trả cổ tức, tỷ lệ cổ tức trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết)*

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết *(nêu thông tin về các cam kết có thể ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết như thông tin về các hợp đồng thuê sử dụng đất, trái phiếu chưa đáo hạn, các quyền chưa thực hiện của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi...)*

14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới tổ chức đăng ký niêm yết có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết và việc niêm yết cổ phiếu

15. Thông tin về cam kết của tổ chức đăng ký niêm yết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

16. Thông tin về việc tổ chức đăng ký niêm yết, người đại diện theo pháp luật của tổ chức đăng ký niêm yết không bị xử lý vi phạm trong thời hạn 02 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định tại Điều 12 Luật Chứng khoán năm 2019 và khoản 5 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của tổ chức đăng ký niêm yết trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất *(nêu các chỉ tiêu trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết theo Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán, 06 tháng đầu năm đăng ký niêm yết theo Báo cáo tài chính bán niên đã kiểm toán/soát xét (nếu có) và lũy kế đến quý gần nhất. Trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết là công ty mẹ, kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm kết quả kinh doanh hợp nhất và của công ty mẹ. Trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, kết quả hoạt động kinh doanh căn cứ trên báo cáo tài chính tổng hợp)*

Chỉ tiêu	Năm X-2	Năm X-1	% tăng/ giảm	Lũy kế đến quý gần nhất
** Đối với tổ chức đăng ký niêm yết không phải là tổ chức tín dụng:* - Tổng giá trị tài sản - Doanh thu thuần - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh				

- Lợi nhuận khác - Lợi nhuận trước thuế - Lợi nhuận sau thuế - Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức - Tỷ lệ cổ tức ** Đối với tổ chức đăng ký niêm yết là tổ chức tín dụng:* - Tổng giá trị tài sản - Doanh thu thuần hoặc thu nhập lãi thuần - Tổng thu nhập hoạt động - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng - Lợi nhuận trước thuế - Lợi nhuận sau thuế - Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức - Tỷ lệ cổ tức				

- Các chỉ tiêu khác *(Tổ chức đăng ký niêm yết nêu các chỉ tiêu để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh căn cứ theo đặc điểm ngành hoạt động)*;

- Ý kiến của tổ chức kiểm toán *(nếu có).*

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của tổ chức đăng ký niêm yết

- Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của tổ chức đăng ký niêm yết trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết *(nêu những sự kiện bất thường (nếu có); trường hợp tình hình hoạt động kinh doanh biến động lớn, phân tích nguyên nhân)*;

- Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của tổ chức đăng ký niêm yết kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất, trường hợp không có cần nêu rõ.

2. Tình hình tài chính

(Tổ chức đăng ký niêm yết nêu các chỉ tiêu để làm rõ về tình hình tài chính căn cứ theo đặc điểm ngành hoạt động)

2.1. Đối với tổ chức đăng ký niêm yết không phải là tổ chức tín dụng

2.1.1. Các chỉ tiêu cơ bản *(nêu các chỉ tiêu trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại)*

- Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh;

- Trích khấu hao tài sản cố định *(nêu phương pháp trích khấu hao, những thay đổi trong chính sách khấu hao, việc tuân thủ theo chế độ quy định)*;

- Mức lương bình quân *(so sánh với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành trong cùng địa bàn, nêu nguồn cung cấp thông tin và số liệu công bố)*;

- Tình hình công nợ *(tổng số nợ phải thu, tổng số nợ phải trả)*;

- Các khoản phải thu; trường hợp có các khoản phải thu quá hạn, nêu giá trị, thời gian quá hạn, nguyên nhân, đánh giá khả năng thu hồi;

- Các khoản phải trả:

+ Nợ ngắn hạn, nợ dài hạn;

+ Tình hình thanh toán các khoản nợ:

• Có thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi và gốc không;

• Trường hợp quá hạn, nêu giá trị, thời gian quá hạn, nguyên nhân, đánh giá khả năng thanh toán;

• Trường hợp vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng/cam kết, nêu thông tin cụ thể, nguyên nhân và giải pháp khắc phục *(bao gồm các vi phạm của tổ chức đăng ký niêm yết và công ty con, nếu có)*.

- Các khoản phải nộp theo luật định *(nêu giá trị, việc tuân thủ theo quy định pháp luật)*;

- Trích lập các quỹ *(nêu giá trị, việc tuân thủ theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty)*;

- Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất, trường hợp không có cần nêu rõ.

2.1.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu *(Trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết là công ty mẹ, nêu các chỉ tiêu tài chính của công ty mẹ và hợp nhất. Trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, các chỉ tiêu tài chính căn cứ trên báo cáo tài chính tổng hợp)*

Chỉ tiêu	Năm X-2	Năm X-1	Ghi chú
1. Khả năng thanh toán - Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn - Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn			
2. Cơ cấu vốn - Hệ số Nợ/Tổng tài sản - Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu			
3. Năng lực hoạt động - Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân - Vòng quay vốn lưu động: Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân - Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
4. Khả năng sinh lời - Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần			

- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân - Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân - Thu nhập trên cổ phần (EPS)			

- Các chỉ tiêu khác *(tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ tình hình tài chính trong hai năm gần nhất)*

- Ý kiến của tổ chức kiểm toán *(nếu có)*.

2.2. Đối với tổ chức đăng ký niêm yết là tổ chức tín dụng

2.2.1. Các chỉ tiêu cơ bản *(nêu các chỉ tiêu trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại)*

- Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh;

- Trích khấu hao tài sản cố định *(nêu phương pháp trích khấu hao, những thay đổi trong chính sách khấu hao, việc tuân thủ theo chế độ quy định)*;

- Mức lương bình quân *(so sánh với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành trong cùng địa bàn, nêu nguồn cung cấp thông tin và số liệu công bố)*;

- Tình hình công nợ;

- Các khoản phải nộp theo luật định *(nêu giá trị, việc tuân thủ theo quy định pháp luật)*;

- Trích lập, sử dụng các quỹ *(nêu giá trị, việc tuân thủ theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty)*;

- Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất, trường hợp không có cần nêu rõ.

2.2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu *(Trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết là công ty mẹ, nêu các chỉ tiêu tài chính của công ty mẹ và hợp nhất. Trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, các chỉ tiêu tài chính căn cứ trên báo cáo tài chính tổng hợp)*

Chỉ tiêu	Năm X-2	Năm X-1	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về vốn - Vốn điều lệ - Vốn tự có - Tỷ lệ an toàn vốn			
2. Chất lượng tài sản - Tỷ lệ nợ quá hạn - Tỷ lệ nợ xấu - (Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản - Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng			

3. Khả năng thanh khoản - Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân - Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn - Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi			
4. Kết quả hoạt động kinh doanh - Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân - Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân - Thu nhập lãi cận biên (NIM) - Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân - Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân - Thu nhập trên cổ phần (EPS) - Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập - Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế			

(Tổ chức tín dụng xác định các chỉ tiêu nêu trên áp dụng theo các quy định, hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

- Các chỉ tiêu khác *(tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ tình hình tài chính trong hai năm gần nhất)*

- Ý kiến của tổ chức kiểm toán *(nếu có).*

3. Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết

- Ý kiến của tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của tổ chức đăng ký niêm yết *(trường hợp ý kiến kiểm toán là ý kiến ngoại trừ, tổ chức đăng ký niêm yết nêu nội dung giải trình về ảnh hưởng của việc ngoại trừ đã được tổ chức kiểm toán xác nhận)*;

- Ý kiến của tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán/soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm đăng ký niêm yết của tổ chức đăng ký niêm yết *(nếu có) (trường hợp ý kiến kiểm toán/soát xét là ý kiến ngoại trừ, tổ chức đăng ký niêm yết nêu nội dung giải trình về ảnh hưởng của việc ngoại trừ đã được tổ chức kiểm toán xác nhận).*

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Chỉ tiêu	**Năm X...**	
	Kế hoạch	**% tăng/giảm so với năm trước**
Doanh thu thuần hoặc thu nhập lãi thuần		
Lợi nhuận sau thuế		
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần hoặc thu nhập lãi thuần		
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân		
Tỷ lệ cổ tức		

- Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch nêu trên *(Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị...)*;

- Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên *(nêu thông tin một cách cẩn trọng và hợp lý trên cơ sở các hợp đồng, hoạt động kinh doanh, đầu tư đang thực hiện và dự kiến triển khai... phù hợp với các quy định và chính sách kế toán mà tổ chức đăng ký niêm yết đang áp dụng)*;

- Đánh giá của tổ chức tư vấn (và tổ chức kiểm toán, nếu có) về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC), PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC (PHÓ GIÁM ĐỐC), KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập *(trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết có cổ đông sáng lập đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng)*

- *Đối với cổ đông là cá nhân:* Tên, năm sinh, quốc tịch;

- *Đối với cổ đông là tổ chức:* Tên, năm thành lập, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương, quốc tịch, địa chỉ trụ sở chính, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật *(tên, chức vụ)*, người đại diện theo ủy quyền tại tổ chức đăng ký niêm yết *(tên, chức vụ)*;

- Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ theo từng loại *(trong đó nêu số lượng và tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết, cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng, cổ phần ưu đãi khác)* của cổ đông sáng lập tại thời điểm thành lập doanh nghiệp, hiện tại;

- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết *(nếu có)*.

2. Thông tin về cổ đông lớn

(Thông tin về cổ đông lớn được xác định trong thời hạn 01 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết)

- *Đối với cổ đông là cá nhân:* Tên, năm sinh, quốc tịch;

- *Đối với cổ đông là tổ chức:* Tên, năm thành lập, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương, quốc tịch, địa chỉ trụ sở chính, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật *(tên, chức vụ)*, người đại diện theo ủy quyền tại tổ chức đăng ký niêm yết *(tên, chức vụ)*;

- Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và những người có liên quan của họ hiện tại;

- Đối với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của tổ chức đăng ký niêm yết và những người có liên quan của họ: nêu thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa tổ chức đăng ký niêm yết với các đối tượng này *(loại giao dịch, giá trị giao dịch, các điều khoản quan trọng khác; cấp có thẩm quyền chấp thuận)*;

- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết *(nếu có)*;

- Trường hợp cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức đăng ký niêm yết hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức đăng ký niêm yết, nêu các thông tin sau:

+ Tên của doanh nghiệp;

+ Hoạt động chính của doanh nghiệp *(đối với những hoạt động kinh doanh mang tính cạnh tranh với tổ chức đăng ký niêm yết, phân tích về phân khúc khách hàng mục tiêu, địa bàn hoạt động, sản phẩm, dịch vụ)*;

+ Mối quan hệ của cổ đông lớn của tổ chức đăng ký niêm yết và những người có liên quan của họ với doanh nghiệp *(số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần/phần vốn góp, chức vụ đang nắm giữ tại doanh nghiệp...)*;

+ Phương án kiểm soát xung đột lợi ích.

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng

(Thông tin tại thời điểm gần nhất trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết và cập nhật các thay đổi (nếu có))

- Tên, năm sinh, quốc tịch;

- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn, kinh nghiệm công tác;

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết *(nêu thông tin về thời gian, chức vụ nắm giữ)*;

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác *(nêu thông tin về thời gian, chức vụ nắm giữ)*;

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức đăng ký niêm yết của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ;

- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức đăng ký niêm yết;

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký niêm yết:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa tổ chức đăng ký niêm yết với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ *(loại giao dịch, giá trị giao dịch, các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng; cấp có thẩm quyền chấp thuận)*;

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác *(tiền thưởng, cổ phiếu thưởng...)* trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại.

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết *(nếu có)*;

- Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức đăng ký niêm yết hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức đăng ký niêm yết, nêu các thông tin sau:

+ Tên của doanh nghiệp;

+ Hoạt động chính của doanh nghiệp *(đối với những hoạt động kinh doanh mang tính cạnh tranh với tổ chức đăng ký niêm yết, phân tích về phân khúc khách hàng mục tiêu, địa bàn hoạt động, sản phẩm, dịch vụ)*;

+ Mối quan hệ của các đối tượng này và những người có liên quan của họ với doanh nghiệp *(số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần/phần vốn góp, chức vụ đang nắm giữ tại doanh nghiệp...)*;

+ Phương án kiểm soát xung đột lợi ích.

VII. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Loại cổ phiếu:

2. Mệnh giá:

3. Mã cổ phiếu *(nếu có)*:

4. Tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết: *Nêu rõ số lượng cổ phiếu đã phát hành nhưng chưa được niêm yết và lý do chưa niêm yết (nếu có)*

5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký niêm yết

6. Phương pháp tính giá

7. Các loại thuế có liên quan *(thuế thu nhập và các thuế khác liên quan đến chứng khoán niêm yết)*

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

- Nêu tên, địa chỉ trụ sở chính của các đối tác liên quan đến việc đăng ký niêm yết: Tổ chức kiểm toán, tổ chức tư vấn...;

- Tổ chức tư vấn nêu ý kiến về việc đăng ký niêm yết;

- Ý kiến của các chuyên gia về việc đăng ký niêm yết *(nếu có) (nêu kinh nghiệm của chuyên gia trong lĩnh vực liên quan).*

IX. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ *(nếu có)*

X. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT (CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC hoặc GIÁM ĐỐC, GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH hoặc KẾ TOÁN TRƯỞNG), TỔ CHỨC TƯ VẤN

XI. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương

2. Phụ lục II: Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết

3. Phụ lục III: Biên bản xác định giá trị tài sản (*nếu có*)

4. Phụ lục IV: Bản định giá trang thiết bị, nhà xưởng… (*nếu có*)

5. Phụ lục V: Báo cáo tài chính, báo cáo tổng hợp thông tin tài chính quy ước của tổ chức đăng ký niêm yết theo quy định pháp luật

6. Phụ lục VI: Các phụ lục khác *(nếu có)*

Mẫu số 29A

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

(áp dụng đối với trường hợp đăng ký niêm yết cổ phiếu đồng thời với chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của công ty cổ phần)

(trang bìa)

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY ABC

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.... do.... cấp ngày... tháng...năm..., Giấy phép thành lập và hoạt động số:..... do ..... cấp ngày..... hoặc Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương)
(nêu thông tin cấp lần đầu và thay đổi lần gần nhất)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN...

(Công văn số ..... ngày ..... tháng ..... năm .....của Sở Giao dịch Chứng khoán .....)

Bản cáo bạch này và các phụ lục của Bản cáo bạch sẽ được cung cấp tại: ..... từ ngày: .....

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: .....

Chức vụ: .....

Số điện thoại: .....

(trang bìa)

CÔNG TY ABC

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.... do.... cấp ngày... tháng...năm..., Giấy phép thành lập và hoạt động số:..... do ..... cấp ngày..... hoặc Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương)

(nêu thông tin cấp lần đầu và thay đổi lần gần nhất)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN...

Tên cổ phiếu:

Loại cổ phiếu:

Mã cổ phiếu *(nếu có):*

Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết:

Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký niêm yết theo mệnh giá:

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:
CÔNG TY:..... *(ghi rõ địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch)*

TỔ CHỨC TƯ VẤN:
CÔNG TY:..... *(ghi rõ địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch)*

MỤC LỤC

Trang

I. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung Bản cáo bạch

II. Các nhân tố rủi ro

III. Các khái niệm

IV. Thông tin về các doanh nghiệp bị hợp nhất trước thời điểm hợp nhất

V. Tình hình và đặc điểm của tổ chức đăng ký niêm yết

VI. Kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và dự kiến kế hoạch

VII. Thông tin về cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng

VIII. Thông tin về đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng

IX. Mục đích chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng

X. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng

XI. Cổ phiếu đăng ký niêm yết

XII. Các đối tác liên quan tới việc đăng ký niêm yết

XIII. Các thông tin quan trọng khác có thể ảnh hưởng đến quyết định của nhà đầu tư

XIV. Ngày tháng, chữ ký, đóng dấu của đại diện tổ chức đăng ký niêm yết

XV. Phụ lục

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức đăng ký niêm yết

Ông/Bà: ..... Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông/Bà: .....Chức vụ: Giám đốc (Tổng giám đốc).

Ông/Bà: .....Chức vụ: Phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc) có liên quan đến việc đăng ký niêm yết.

Ông/Bà: .....Chức vụ: Kế toán trưởng (Giám đốc Tài chính).

Ông/Bà: .....Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát hoặc Trưởng ban Kiểm toán nội bộ.

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện theo pháp luật (hoặc đại diện được ủy quyền): Ông/Bà: ..... Chức vụ: .....

Theo Giấy ủy quyền số ... ngày ... tháng ... năm ... của Người đại diện theo pháp luật *(trường hợp đại diện được ủy quyền)*.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu do *[tên tổ chức tư vấn]* tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số ... ngày ... tháng ... năm ... (Hợp đồng tư vấn) với ..... *(tên tổ chức đăng ký niêm yết)*. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do ..... *(tên tổ chức đăng ký niêm yết)* cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

(Việc phân tích các nhân tố rủi ro cần nêu ảnh hưởng đến lĩnh vực hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của tổ chức đăng ký niêm yết, giá cổ phiếu niêm yết. Các nhân tố rủi ro cần được phân loại và đặt tiêu đề phù hợp theo nhóm, sắp xếp theo thứ tự các nhân tố rủi ro có khả năng ảnh hưởng tiêu cực theo mức độ từ cao đến thấp.)

1. Đối với tổ chức đăng ký niêm yết không phải là tổ chức tín dụng

1.1. Rủi ro về kinh tế:

1.2. Rủi ro về luật pháp:

1.3. Rủi ro đặc thù: *(ngành, lĩnh vực hoạt động...)*

1.4. Rủi ro quản trị công ty

1.5. Rủi ro khác *(thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh...):*

2. Đối với tổ chức đăng ký niêm yết là tổ chức tín dụng

2.1. Rủi ro về kinh tế:

2.2. Rủi ro về luật pháp:

2.3. Rủi ro đặc thù

a) Rủi ro tín dụng *(phân tích rủi ro có thể xảy ra do có một số khách hàng, đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ, thanh toán theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với tổ chức đăng ký niêm yết)*

b) Rủi ro thị trường *(phân tích rủi ro có thể xảy ra do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá chứng khoán, giá hàng hóa trên thị trường)*

c) Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng *(phân tích rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả, giá trị cam kết ngoại bảng của tổ chức đăng ký niêm yết)*

d) Rủi ro hoạt động *(phân tích rủi ro có thể xảy ra do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với tổ chức đăng ký niêm yết)*

đ) Rủi ro thanh khoản *(phân tích rủi ro có thể xảy ra do tổ chức đăng ký niêm yết không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn hoặc tổ chức đăng ký niêm yết có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường)*

e) Rủi ro tập trung *(phân tích rủi ro có thể xảy ra do Tổ chức đăng ký niêm yết có hoạt động kinh doanh tập trung vào một khách hàng (bao gồm người có liên quan), đối tác, sản phẩm, giao dịch, ngành, lĩnh vực kinh tế, loại tiền tệ ở mức độ có tác động đáng kể đến thu nhập, trạng thái rủi ro của tổ chức đăng ký niêm yết)*

g) Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng *(phân tích các giao dịch kỳ hạn, các khoản cam kết cho vay, các khoản bảo lãnh L/C có khả năng ảnh hưởng đến tình hình tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết)*

h) Rủi ro đặc thù khác

2.4. Rủi ro quản trị công ty:

2.5. Rủi ro khác *(thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh...)*:

III. CÁC KHÁI NIỆM

(Những từ, nhóm từ viết tắt, thuật ngữ chuyên ngành, kỹ thuật; những từ, nhóm từ khó hiểu, có thể gây hiểu lầm trong Bản cáo bạch cần phải được giải thích)

IV. THÔNG TIN VỀ CÁC DOANH NGHIỆP BỊ HỢP NHẤT TRƯỚC THỜI ĐIỂM HỢP NHẤT *(trường hợp công ty sau quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp (thông qua hoạt động hợp nhất) thực hiện đăng ký niêm yết đồng thời với chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, nêu thông tin theo từng doanh nghiệp)*

1. Thông tin chung về doanh nghiệp *(tên đầy đủ, tên viết tắt, tên viết bằng tiếng nước ngoài, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương, địa chỉ trụ sở chính, vốn điều lệ, ngành*

nghề kinh doanh chính, người đại diện theo pháp luật, mã cổ phiếu (nếu có), sàn niêm yết/đăng ký giao dịch (nếu có), thời điểm hủy niêm yết/đăng ký giao dịch (nếu có))

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của doanh nghiệp *(nêu những sự kiện quan trọng trong lịch sử hình thành, phát triển và trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp)*

3. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp (và cơ cấu của nhóm công ty, nếu có) *(thể hiện bằng sơ đồ kèm theo diễn giải)*

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của doanh nghiệp *(thể hiện bằng sơ đồ kèm theo diễn giải)*

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của doanh nghiệp, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với doanh nghiệp, những công ty mà doanh nghiệp nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối *(danh sách các công ty bao gồm: tên, ngày thành lập, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương, hoạt động kinh doanh chính, tỷ lệ sở hữu của các công ty này tại doanh nghiệp, tỷ lệ sở hữu của doanh nghiệp tại các công ty này)*

6. Hoạt động kinh doanh

(Nêu các nội dung về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp căn cứ theo đặc điểm ngành hoạt động)

6.1. Đối với doanh nghiệp không phải là tổ chức tín dụng

- Mô tả các sản phẩm, dịch vụ chính;

- Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ *(tỷ lệ từng loại sản phẩm, dịch vụ trong doanh thu, lợi nhuận trong 02 năm liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm bị hợp nhất);*

- Thị trường hoạt động *(doanh thu, lợi nhuận theo từng thị trường);*

- Tài sản *(nêu tên; nguyên giá, giá trị còn lại của từng tài sản lớn thuộc sở hữu của doanh nghiệp);*

- Các hợp đồng lớn *(nêu thông tin các hợp đồng lớn trong 02 năm liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm bị hợp nhất bao gồm các nội dung về tên, giá trị, thời gian thực hiện, sản phẩm, dịch vụ đầu vào, đầu ra, các đối tác tham gia);*

- Các khách hàng, nhà cung cấp lớn *(nêu thông tin về các khách hàng, nhà cung cấp lớn của doanh nghiệp trong 02 năm liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm bị hợp nhất bao gồm các nội dung về tên, giá trị giao dịch, thời gian giao dịch, sản phẩm, dịch vụ);*

- Vị thế của doanh nghiệp so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành *(nêu thông tin một cách cẩn trọng và hợp lý, nêu nguồn cung cấp thông tin và số liệu công bố);*

- Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế.

6.2. Đối với doanh nghiệp là tổ chức tín dụng

- Loại sản phẩm, dịch vụ *(tỷ lệ từng loại sản phẩm, dịch vụ trong doanh thu, lợi nhuận trong 02 năm liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm bị hợp nhất);*

- Huy động vốn *(cơ cấu, tỷ trọng nguồn vốn huy động trong nước, ngoài nước trong 02 năm liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm bị hợp nhất);*

- Hoạt động tín dụng *(tổng dư nợ cho vay, tỷ lệ an toàn vốn, tỷ lệ nợ khó đòi, rủi ro lãi suất, phân loại... trong 02 năm liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm bị hợp nhất);*

- Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán *(tình hình hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán, các dịch vụ thanh toán trong nước và thanh toán quốc tế trong 02 năm liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm bị hợp nhất);*

- Hoạt động ngân hàng đại lý *(nếu có);*

- Hoạt động kinh doanh khác *(nếu có);*

- Tài sản *(nêu tên, nguyên giá, giá trị còn lại của từng tài sản lớn thuộc sở hữu của doanh nghiệp);*

- Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn *(nêu các chính sách quản lý rủi ro áp dụng);*

- Thị trường hoạt động *(mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện; mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng);*

- Vị thế của doanh nghiệp so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành *(nêu thông tin một cách cẩn trọng và hợp lý, nêu nguồn cung cấp thông tin và số liệu công bố).*

7. Kết quả hoạt động kinh doanh

(Nêu thông tin trong 02 năm liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm bị hợp nhất)

Chỉ tiêu	**(Theo các kỳ kế toán trước thời điểm hợp nhất)**
** Đối với doanh nghiệp không phải là tổ chức tín dụng:* - Tổng giá trị tài sản - Doanh thu thuần - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh - Lợi nhuận khác - Lợi nhuận trước thuế - Lợi nhuận sau thuế - Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức ** Đối với doanh nghiệp là tổ chức tín dụng:* - Tổng giá trị tài sản - Doanh thu thuần hoặc thu nhập lãi thuần - Tổng thu nhập hoạt động - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng - Lợi nhuận trước thuế - Lợi nhuận sau thuế - Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức	

- Các chỉ tiêu khác *(tùy theo đặc điểm ngành hoạt động, doanh nghiệp nêu các chỉ tiêu để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh)*;

- Ý kiến của tổ chức kiểm toán *(nếu có).*

8. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

(Nêu thông tin trong 02 năm liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm bị hợp nhất)

8.1. Đối với doanh nghiệp không phải là tổ chức tín dụng

Các chỉ tiêu	**(Theo các kỳ kế toán trước thời điểm hợp nhất)**
1. Khả năng thanh toán - Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn - Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	
2. Cơ cấu vốn - Hệ số Nợ/Tổng tài sản - Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	
3. Năng lực hoạt động - Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân - Vòng quay vốn lưu động: Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân - Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	
4. Khả năng sinh lời - Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần - Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân - Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân - Thu nhập trên cổ phần (EPS)	

- Các chỉ tiêu khác *(tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của doanh nghiệp để làm rõ tình hình tài chính trong hai năm gần nhất)*;

- Ý kiến của tổ chức kiểm toán *(nếu có).*

8.2. Đối với doanh nghiệp là tổ chức tín dụng

Chỉ tiêu	**(Theo các kỳ kế toán trước thời điểm hợp nhất)**

1. Chỉ tiêu về vốn - Vốn điều lệ - Vốn tự có - Tỷ lệ an toàn vốn	
2. Chất lượng tài sản - Tỷ lệ nợ quá hạn - Tỷ lệ nợ xấu - (Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản - Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	
3. Khả năng thanh khoản - Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân - Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn - Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi	
4. Kết quả hoạt động kinh doanh - Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/vốn chủ sở hữu bình quân - Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân - Thu nhập lãi cận biên (NIM) - Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân - Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân - Thu nhập trên cổ phần (EPS) - Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập - Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	

(Tổ chức tín dụng xác định các chỉ tiêu nêu trên áp dụng theo các quy định, hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

- Các chỉ tiêu khác *(tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ tình hình tài chính trong hai năm gần nhất)*;

- Ý kiến của tổ chức kiểm toán (nếu có).

9. Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp *(trường hợp ý kiến kiểm toán là ý kiến ngoại trừ, nêu nội dung giải trình về ảnh hưởng của việc ngoại trừ đã được tổ chức kiểm toán xác nhận)*

V. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Thông tin chung về tổ chức đăng ký niêm yết *(tên đầy đủ, tên viết tắt, tên viết bằng tiếng nước ngoài, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập*

và hoạt động/Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax, vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh chính, người đại diện theo pháp luật)

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của tổ chức đăng ký niêm yết *(nêu những sự kiện quan trọng trong lịch sử hình thành, phát triển và trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh của tổ chức đăng ký niêm yết)*

3. Cơ cấu tổ chức của tổ chức đăng ký niêm yết (và cơ cấu của nhóm công ty, nếu có) *(thể hiện bằng sơ đồ kèm theo diễn giải)*

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của tổ chức đăng ký niêm yết *(thể hiện bằng sơ đồ kèm theo diễn giải)*

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối *(danh sách các công ty trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại, kèm theo thông tin cụ thể tính đến thời điểm nắm giữ gần nhất bao gồm: tên, địa chỉ, ngày thành lập, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương, hoạt động kinh doanh chính, tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của các công ty này tại tổ chức đăng ký niêm yết, tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của tổ chức đăng ký niêm yết tại các công ty này)*

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của tổ chức đăng ký niêm yết *(thông tin về các đợt tăng, giảm vốn kể từ thời điểm hoạt động theo hình thức công ty cổ phần bao gồm thời điểm tăng/giảm vốn, giá trị vốn tăng/giảm, hình thức tăng/giảm vốn, đơn vị cấp, ý kiến của tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo về vốn điều lệ đã góp tính đến thời điểm đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng....)*

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của tổ chức đăng ký niêm yết tại các doanh nghiệp khác *(nêu giá trị và phương thức thực hiện của các khoản góp vốn, thoái vốn trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của tổ chức đăng ký niêm yết tại thời điểm thực hiện)*

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông *(nêu số lượng, tỷ lệ sở hữu của tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài, tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ)*

8.2. Cổ phiếu ưu đãi *(nêu số lượng, loại cổ phiếu, tỷ lệ sở hữu, tỷ lệ biểu quyết của tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài, tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, các đặc điểm khác)*

8.3. Các loại chứng khoán khác *(nêu số lượng, đặc điểm của từng loại)*

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại tổ chức đăng ký niêm yết theo quy định pháp luật;

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại tổ chức đăng ký niêm yết hiện tại.

10. Hoạt động kinh doanh

(Tổ chức đăng ký niêm yết nêu các nội dung để làm rõ về hoạt động kinh doanh căn cứ theo đặc điểm ngành hoạt động)

10.1. Đối với tổ chức đăng ký niêm yết không phải là tổ chức tín dụng

10.1.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

- Mô tả các sản phẩm, dịch vụ chính, quy trình sản xuất kinh doanh, công nghệ áp dụng...;

- Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ *(tỷ lệ từng loại sản phẩm, dịch vụ trong doanh thu, lợi nhuận trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại).*

10.1.2. Tài sản *(nêu tên, nguyên giá, giá trị còn lại của từng tài sản lớn thuộc sở hữu của tổ chức đăng ký niêm yết)*

10.1.3. Thị trường hoạt động *(doanh thu, lợi nhuận theo từng thị trường)*

10.1.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

10.1.5. Các hợp đồng lớn *(nêu thông tin các hợp đồng lớn đã được thực hiện, đã được ký kết và chưa thực hiện trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại bao gồm các nội dung về tên; giá trị; thời điểm ký kết; thời gian thực hiện; sản phẩm, dịch vụ đầu vào, đầu ra; các đối tác tham gia và mối quan hệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), cổ đông lớn của tổ chức đăng ký niêm yết; các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng)*

10.1.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn *(nêu thông tin về các khách hàng, nhà cung cấp lớn của tổ chức đăng ký niêm yết trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại bao gồm các nội dung về tên; giá trị giao dịch trên doanh thu/doanh số mua hàng; thời gian giao dịch; sản phẩm, dịch vụ; mối quan hệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), cổ đông lớn của tổ chức đăng ký niêm yết)*

10.1.7. Vị thế của tổ chức đăng ký niêm yết trong ngành *(nêu thông tin một cách cẩn trọng và hợp lý, nêu nguồn cung cấp thông tin và số liệu công bố)*

- Vị thế của tổ chức đăng ký niêm yết so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành *(phân tích theo ngành hoạt động của tổ chức đăng ký niêm yết, các bên tham gia và mức độ cạnh tranh, vị thế và thị phần của tổ chức đăng ký niêm yết trong ngành; trường hợp không có thông tin cần nêu rõ)*;

- Triển vọng phát triển của ngành;

- Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của tổ chức đăng ký niêm yết so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới.

10.1.8. Hoạt động Marketing

10.1.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

10.1.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển *(nêu thông tin về các chính sách trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại, đánh giá ảnh hưởng tới tình hình hoạt động kinh doanh của tổ chức đăng ký niêm yết)*

10.1.11. Chiến lược kinh doanh *(tổng quan về các chiến lược, thời gian dự kiến thực hiện, nguồn vốn và nguồn lực dự kiến...)*

10.1.12. Trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nêu thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan

10.2. Đối với tổ chức đăng ký niêm yết là tổ chức tín dụng

10.2.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

- Loại sản phẩm, dịch vụ *(tỷ lệ từng loại sản phẩm, dịch vụ trong doanh thu, lợi nhuận trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại)*;

- Huy động vốn *(cơ cấu, tỷ trọng nguồn vốn huy động trong nước, ngoài nước trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại)*;

- Hoạt động tín dụng *(tổng dư nợ cho vay, tỷ lệ an toàn vốn, tỷ lệ nợ khó đòi, rủi ro lãi suất, phân loại... trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại)*;

- Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán *(tình hình hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán, các dịch vụ thanh toán trong nước và thanh toán quốc tế trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại)*;

- Hoạt động ngân hàng đại lý *(nếu có)*;

- Hoạt động kinh doanh khác *(nếu có)*.

10.2.2. Tài sản *(nêu tên, nguyên giá, giá trị còn lại của từng tài sản lớn thuộc sở hữu của tổ chức đăng ký niêm yết)*

10.2.3. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

- Các chính sách quản lý rủi ro đang áp dụng *(rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường...)*;

- Đánh giá tình hình thực hiện, giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế *(nếu có)*.

10.2.4. Thị trường hoạt động

- Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện;

- Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng;

- Vị thế của tổ chức đăng ký niêm yết trong ngành *(nêu thông tin về vị thế và thị phần của tổ chức đăng ký niêm yết so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành. Thông tin phải được nêu một cách cẩn trọng và hợp lý, nêu nguồn cung cấp thông tin và số liệu công bố)*.

10.2.5. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh *(nêu thông tin về các dự án lớn trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại, đánh giá ảnh hưởng tới tình hình hoạt động kinh doanh của tổ chức đăng ký niêm yết)*

10.2.6. Chiến lược kinh doanh *(tổng quan về các chiến lược, thời gian dự kiến thực hiện, nguồn vốn và nguồn lực dự kiến...)*

11. Chính sách đối với người lao động

- Số lượng người lao động tính đến thời điểm hiện tại, số lượng người lao động bình quân trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết *(phân loại theo trình độ người lao động, lao động thường xuyên hoặc thời vụ)*;

- Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp...;

- Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động *(nếu có)*.

12. Chính sách cổ tức *(nêu các chính sách liên quan đến việc trả cổ tức, tỷ lệ cổ tức trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết)*

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết *(nêu thông tin về các cam kết có thể ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết như thông tin về các hợp đồng thuê sử dụng đất, trái phiếu chưa đáo hạn, các quyền chưa thực hiện của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi...)*

14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới tổ chức đăng ký niêm yết có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết và việc niêm yết cổ phiếu

15. Thông tin về cam kết của tổ chức đăng ký niêm yết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

16. Thông tin về việc tổ chức đăng ký niêm yết, người đại diện theo pháp luật của tổ chức đăng ký niêm yết không bị xử lý vi phạm trong thời hạn 02 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định tại Điều 12 Luật Chứng khoán năm 2019 và khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

(Nêu các chỉ tiêu trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và lũy kế đến quý gần nhất căn cứ theo các Báo cáo tài chính của tổ chức phát hành theo quy định)

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của tổ chức đăng ký niêm yết

Chỉ tiêu	Năm X-2	Năm X-1	% tăng/ giảm	Lũy kế đến quý gần nhất
** Đối với tổ chức đăng ký niêm yết không phải là tổ chức tín dụng:* - Tổng giá trị tài sản				

- Doanh thu thuần - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh - Lợi nhuận khác - Lợi nhuận trước thuế - Lợi nhuận sau thuế - Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức - Tỷ lệ cổ tức ** Đối với tổ chức đăng ký niêm yết là tổ chức tín dụng:* - Tổng giá trị tài sản - Doanh thu thuần hoặc thu nhập lãi thuần - Tổng thu nhập hoạt động - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng - Lợi nhuận trước thuế - Lợi nhuận sau thuế - Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức - Tỷ lệ cổ tức				

- Các chỉ tiêu khác *(Tổ chức đăng ký niêm yết nêu các chỉ tiêu để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh căn cứ theo đặc điểm ngành hoạt động)*;

- Ý kiến của tổ chức kiểm toán *(nếu có)*.

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của tổ chức đăng ký niêm yết

- Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của tổ chức đăng ký niêm yết trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết *(nêu những sự kiện bất thường (nếu có); trường hợp tình hình hoạt động kinh doanh biến động lớn, phân tích nguyên nhân)*;

- Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của tổ chức đăng ký niêm yết kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất, trường hợp không có cần nêu rõ.

2. Tình hình tài chính

(Tổ chức đăng ký niêm yết nêu các chỉ tiêu để làm rõ về tình hình tài chính căn cứ theo đặc điểm ngành hoạt động)

2.1. Đối với tổ chức đăng ký niêm yết không phải là tổ chức tín dụng

2.1.1. Các chỉ tiêu cơ bản *(nêu các chỉ tiêu trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại)*

- Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh;

- Trích khấu hao tài sản cố định *(nêu phương pháp trích khấu hao, những thay đổi trong chính sách khấu hao, việc tuân thủ theo chế độ quy định)*;

- Mức lương bình quân *(so sánh với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành trong cùng địa bàn, nêu nguồn cung cấp thông tin và số liệu công bố)*;

- Tình hình công nợ *(tổng số nợ phải thu, tổng số nợ phải trả)*;

- Các khoản phải thu; trường hợp có các khoản phải thu quá hạn, nêu giá trị, thời gian quá hạn, nguyên nhân, đánh giá khả năng thu hồi;

- Các khoản phải trả:

+ Nợ ngắn hạn, nợ dài hạn;

+ Tình hình thanh toán các khoản nợ:

• Có thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi và gốc không;

• Trường hợp quá hạn, nêu giá trị, thời gian quá hạn, nguyên nhân, đánh giá khả năng thanh toán;

• Trường hợp vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng/cam kết, nêu thông tin cụ thể, nguyên nhân và giải pháp khắc phục *(bao gồm các vi phạm của tổ chức đăng ký niêm yết và công ty con, nếu có)*.

- Các khoản phải nộp theo luật định *(nêu giá trị, việc tuân thủ theo quy định pháp luật)*;

- Trích lập, sử dụng các quỹ *(nêu giá trị, việc tuân thủ theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty)*;

- Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất, trường hợp không có cần nêu rõ.

2.1.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu *(Trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết là công ty mẹ, nêu các chỉ tiêu tài chính của công ty mẹ và hợp nhất. Trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, các chỉ tiêu tài chính căn cứ trên báo cáo tài chính tổng hợp.)*

Chỉ tiêu	Năm X-2	Năm X-1	Ghi chú
1. Khả năng thanh toán - Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn - Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn			
2. Cơ cấu vốn - Hệ số Nợ/Tổng tài sản - Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu			
3. Năng lực hoạt động - Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân - Vòng quay vốn lưu động: Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân - Vòng quay hàng tồn kho:			

Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
4. Khả năng sinh lời - Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần - Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân - Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân - Thu nhập trên cổ phần (EPS)			

- Các chỉ tiêu khác *(tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ tình hình tài chính trong hai năm gần nhất)*

- Ý kiến của tổ chức kiểm toán *(nếu có).*

2.2. Đối với tổ chức đăng ký niêm yết là tổ chức tín dụng

2.2.1. Các chỉ tiêu cơ bản *(nêu các chỉ tiêu trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại)*

- Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh;

- Trích khấu hao tài sản cố định *(nêu phương pháp trích khấu hao, những thay đổi trong chính sách khấu hao, việc tuân thủ theo chế độ quy định)*;

- Mức lương bình quân *(so sánh với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành trong cùng địa bàn, nêu nguồn cung cấp thông tin và số liệu công bố)*;

- Tình hình công nợ;

- Các khoản phải nộp theo luật định *(nêu giá trị, việc tuân thủ theo quy định pháp luật)*;

- Trích lập các quỹ *(nêu giá trị, việc tuân thủ theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty)*;

- Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức đăng ký niêm yết kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất, trường hợp không có cần nêu rõ.

2.2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu *(Trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết là công ty mẹ, nêu các chỉ tiêu tài chính của công ty mẹ và hợp nhất. Trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, các chỉ tiêu tài chính căn cứ trên báo cáo tài chính tổng hợp)*

Chỉ tiêu	Năm X-2	Năm X-1	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về vốn - Vốn điều lệ - Vốn tự có - Tỷ lệ an toàn vốn			
2. Chất lượng tài sản - Tỷ lệ nợ quá hạn			

- Tỷ lệ nợ xấu - (Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản - Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng			
3. Khả năng thanh khoản - Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân - Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn - Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi			
4. Kết quả hoạt động kinh doanh - Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân - Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân - Thu nhập lãi cận biên (NIM) - Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân - Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân - Thu nhập trên cổ phần (EPS) - Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập - Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế			

(Tổ chức tín dụng xác định các chỉ tiêu nêu trên áp dụng theo các quy định, hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

- Các chỉ tiêu khác *(tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ tình hình tài chính trong hai năm gần nhất)*

- Ý kiến của tổ chức kiểm toán *(nếu có)*.

3. Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết

- Ý kiến của tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của tổ chức đăng ký niêm yết *(trường hợp ý kiến kiểm toán là ý kiến ngoại trừ, tổ chức đăng ký niêm yết nêu nội dung giải trình về ảnh hưởng của việc ngoại trừ đã được tổ chức kiểm toán xác nhận)*;

- Ý kiến của tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán/soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm đăng ký niêm yết của tổ chức đăng ký niêm yết *(nếu có) (trường hợp ý kiến kiểm toán/soát xét là ý kiến ngoại trừ, tổ chức đăng ký niêm yết nêu nội dung giải trình về ảnh hưởng của việc ngoại trừ đã được tổ chức kiểm toán xác nhận).*

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Chỉ tiêu	**Năm X...**	
	Kế hoạch	**% tăng/giảm so với năm trước**

Doanh thu thuần hoặc thu nhập lãi thuần		
Lợi nhuận sau thuế		
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần hoặc thu nhập lãi thuần		
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân		
Tỷ lệ cổ tức		

- Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch nêu trên *(Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị...)*;

- Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên *(nêu thông tin một cách cẩn trọng và hợp lý trên cơ sở các hợp đồng, hoạt động kinh doanh, đầu tư đang thực hiện và dự kiến triển khai... phù hợp với các quy định và chính sách kế toán mà tổ chức đăng ký niêm yết đang áp dụng)*;

- Đánh giá của tổ chức tư vấn (và tổ chức kiểm toán, nếu có) về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.

VII. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC), PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC (PHÓ GIÁM ĐỐC), KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập *(trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết có cổ đông sáng lập đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng)*

- *Đối với cổ đông là cá nhân:* Tên, năm sinh, quốc tịch;

- *Đối với cổ đông là tổ chức:* Tên, năm thành lập, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương, quốc tịch, địa chỉ trụ sở chính, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật *(tên, chức vụ)*, người đại diện theo ủy quyền tại tổ chức đăng ký niêm yết *(tên, chức vụ)*;

- Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ theo từng loại *(trong đó nêu số lượng và tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết, cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng, cổ phần ưu đãi khác)* của cổ đông sáng lập tại thời điểm thành lập doanh nghiệp, hiện tại;

- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết *(nếu có)*.

2. Thông tin về cổ đông lớn

(Thông tin được xác định trong thời hạn 01 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết)

- *Đối với cổ đông là cá nhân:* Tên, năm sinh, quốc tịch;

- *Đối với cổ đông là tổ chức:* Tên, năm thành lập, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương, quốc tịch, địa chỉ trụ sở chính, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật *(tên, chức vụ)*, người đại diện theo ủy quyền tại tổ chức đăng ký niêm yết *(tên, chức vụ)*;

- Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và những người có liên quan của họ hiện tại;

- Đối với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của tổ chức đăng ký niêm yết và những người có liên quan của họ: nêu thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và

chưa thực hiện giữa tổ chức đăng ký niêm yết với các đối tượng này *(loại giao dịch, giá trị giao dịch, các điều khoản quan trọng khác; cấp có thẩm quyền chấp thuận)*;

- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết *(nếu có)*;

- Trường hợp cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức đăng ký niêm yết hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức đăng ký niêm yết, nêu các thông tin sau:

+ Tên của doanh nghiệp;

+ Hoạt động chính của doanh nghiệp *(đối với những hoạt động kinh doanh mang tính cạnh tranh với tổ chức đăng ký niêm yết, phân tích về phân khúc khách hàng mục tiêu, địa bàn hoạt động, sản phẩm, dịch vụ)*;

+ Mối quan hệ của cổ đông lớn của tổ chức đăng ký niêm yết và những người có liên quan của họ với doanh nghiệp *(số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần/phần vốn góp, chức vụ đang nắm giữ tại doanh nghiệp...)*;

+ Phương án kiểm soát xung đột lợi ích.

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng

(Thông tin tại thời điểm gần nhất trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết và cập nhật các thay đổi (nếu có))

- Tên, năm sinh, quốc tịch;

- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn, kinh nghiệm công tác;

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết *(nêu thông tin về thời gian, chức vụ nắm giữ)*;

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác *(nêu thông tin về thời gian, chức vụ nắm giữ)*;

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức đăng ký niêm yết của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ;

- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức đăng ký niêm yết;

- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa tổ chức đăng ký niêm yết với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ *(loại giao dịch, giá trị giao dịch, các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng; cấp có thẩm quyền chấp thuận)*;

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác *(tiền thưởng, cổ phiếu thưởng...)* trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại.

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết *(nếu có)*;

- Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức đăng ký niêm yết hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức đăng ký niêm yết, nêu các thông tin sau:

+ Tên của doanh nghiệp;

+ Hoạt động chính của doanh nghiệp *(đối với những hoạt động kinh doanh mang tính cạnh tranh với tổ chức đăng ký niêm yết, phân tích về phân khúc khách hàng mục tiêu, địa bàn hoạt động, sản phẩm, dịch vụ)*;

+ Mối quan hệ của các đối tượng này và những người có liên quan của họ với doanh nghiệp *(số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần/phần vốn góp, chức vụ đang nắm giữ tại doanh nghiệp...)*;

+ Phương án kiểm soát xung đột lợi ích.

VIII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

1. Loại cổ phiếu

2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán

- Nêu số lượng cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng;

- Trường hợp kết hợp với chào bán cổ phiếu thuộc sở hữu của cổ đông ra công chúng trong cùng đợt, nêu số lượng cổ phiếu chào bán của cổ đông.

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

5. Giá chào bán dự kiến: ..... đồng/cổ phiếu

6. Phương pháp tính giá

7. Phương thức phân phối

- Trường hợp phân phối thông qua bảo lãnh phát hành: nêu tên tổ chức bảo lãnh phát hành, phương thức bảo lãnh, tên từng tổ chức bảo lãnh phát hành kèm số lượng cổ phần bảo lãnh *(trường hợp có tổ hợp bảo lãnh phát hành)*, các điều khoản trong hợp đồng cho phép tổ chức bảo lãnh phát hành rút cam kết sau khi đợt chào bán bắt đầu *(nếu có)*, các điều khoản quan trọng khác. Trường hợp đợt chào bán không có bảo lãnh phát hành thì phải nêu rõ;

- Trường hợp phân phối thông qua đại lý phân phối: nêu tên, trách nhiệm của từng đại lý tham gia phân phối cổ phiếu;

- Trường hợp chào bán thông qua đấu giá: nêu tên, trách nhiệm của tổ chức đấu giá trong việc phân phối cổ phiếu, nguyên tắc phân phối;

- Trường hợp chào bán cho cổ đông hiện hữu tương ứng với tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ: nêu tỷ lệ phân phối, phương án xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ và số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết *(đảm bảo nguyên tắc phân phối không ưu*

đãi hơn số cổ phiếu phân phối cho cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác);

- Trường hợp chào bán cho trên 100 nhà đầu tư xác định: nêu phương thức phân phối;

- Trường hợp kết hợp với chào bán cổ phiếu thuộc sở hữu của cổ đông ra công chúng: nêu nguyên tắc ưu tiên phân phối cổ phiếu.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu, thời hạn, phương thức xử lý trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu *(nếu có)*;

- Phương thức đăng ký và thanh toán tiền mua cổ phiếu.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Lịch trình dự kiến, trong đó nêu thời hạn công bố thông tin về đợt chào bán *(trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán)*, thời hạn đăng ký mua cho nhà đầu tư *(tối thiểu 20 ngày)*, thời hạn nộp tiền mua cổ phiếu, thời gian chuyển giao cổ phiếu cho nhà đầu tư.

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

- Số tài khoản *(không trùng với tài khoản thanh toán của tổ chức phát hành)*;

- Tên ngân hàng nơi mở tài khoản *(không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành, trường hợp tổ chức phát hành là ngân hàng thương mại thì phải lựa chọn một ngân hàng thương mại khác/chi nhánh ngân hàng nước ngoài)*.

12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của tổ chức phát hành *(trường hợp tổ chức phát hành thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền)*

13. Hủy bỏ đợt chào bán

- Đợt chào bán bị hủy bỏ trong trường hợp việc phân phối không đáp ứng điều kiện tối thiểu ...% *(15% hoặc trường hợp tổ chức phát hành có vốn điều lệ từ 1.000 tỷ đồng trở lên là 10%)* số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành phải được bán cho ít nhất 100 nhà đầu tư không phải là cổ đông lớn;

- Nêu thời hạn, phương thức thu hồi và hoàn trả tiền cho nhà đầu tư; các điều khoản cam kết về bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư trong trường hợp quá thời hạn nêu trên.

14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

15. Các loại thuế có liên quan *(thuế thu nhập và các thuế khác liên quan đến cổ phiếu chào bán)*

16. Thông tin về các cam kết

- Cam kết của cổ đông lớn về việc cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% vốn điều lệ của tổ chức phát hành tối thiểu 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán *(nêu tên cổ đông, tỷ lệ, thời gian cam kết nắm giữ cụ thể)*;

- Cam kết về việc thực hiện niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán *(nêu kế hoạch cụ thể, đảm bảo tuân thủ quy định việc tổ chức phát hành phải hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết hoặc đăng ký giao dịch cổ phiếu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng)*;

- Cam kết khác liên quan đến đợt chào bán *(nếu có)*.

17. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt *(nêu phương thức, số lượng, giá chào bán theo từng loại chứng khoán chào bán, phát hành (nếu có))*

IX. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

1. Mục đích chào bán

2. Phương án khả thi *(trường hợp huy động vốn để thực hiện dự án)*

- Thông tin về phương án khả thi: cơ quan lập, cấp có thẩm quyền phê duyệt, các nội dung chính *(mục đích, kế hoạch triển khai, đối tác tham gia, các vấn đề về tài chính ....)*;

- Trường hợp dự án có sử dụng vốn vay ngân hàng, nêu cam kết cấp hạn mức tín dụng của ngân hàng;

- Ý kiến của tổ chức chuyên môn độc lập về phương án khả thi *(nếu có)*.

3. Thông tin về tình hình triển khai dự án

- Cơ sở pháp lý để triển khai dự án: các tài liệu pháp lý để triển khai dự án theo quy định *(như quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án, tài liệu pháp lý về quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép xây dựng...)*, đồng thời cập nhật tình hình phê duyệt của cấp có thẩm quyền;

- Tình hình triển khai dự án đến thời điểm hiện tại *(nêu các hạng mục đã hoàn thành, đang triển khai, dự kiến triển khai, thời gian dự kiến đưa vào hoạt động, khai thác...)*, giải trình những thay đổi so với phương án đã được phê duyệt *(nếu có)*;

- Tình hình thu xếp vốn đối với dự án *(bao gồm vốn tự có, vốn vay, vốn huy động khác...)*; giải trình những thay đổi về tổng vốn đầu tư, cơ cấu vốn so với phương án đã được phê duyệt; phương án bù đắp vốn trong trường hợp điều chỉnh tổng mức đầu tư, cơ cấu vốn.

X. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG *(trường hợp chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng để huy động vốn cho tổ chức phát hành)*

- Tổng số tiền dự kiến thu được phân bổ theo từng mục đích sử dụng *(hạng mục cụ thể, thời gian dự kiến giải ngân theo từng hạng mục)*. Trường hợp số tiền thu được không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích dự kiến, nêu thứ tự mục đích ưu tiên, số tiền và nguồn tài trợ khác cần có;

- Trường hợp một phần hoặc toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán được sử dụng để thực hiện dự án và đợt chào bán không được bảo lãnh phát hành với cam kết nhận mua toàn bộ cổ phiếu của tổ chức phát hành để bán lại hoặc mua số cổ phiếu còn lại chưa được phân phối hết của tổ chức phát hành, nêu tỷ lệ chào bán thành công hoặc số tiền tối thiểu cần thu được trong đợt chào bán và phương án xử lý trong trường hợp đợt chào bán không đạt tỷ lệ chào bán thành công hoặc không thu đủ số tiền tối thiểu dự kiến;

- Trường hợp một phần hoặc toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán được sử dụng để mua tài sản, nêu thông tin về tài sản, đối tác, chi phí mua dự kiến;

- Trường hợp một phần hoặc toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán được sử dụng để góp vốn/mua lại một phần hoặc toàn bộ vốn góp tại doanh nghiệp khác, nêu thông tin về doanh nghiệp được góp vốn/mua lại *(tên, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương, hoạt động kinh doanh chính, vốn điều lệ...)*, thông tin về người bán *(trường hợp mua lại vốn góp)*, mối quan hệ với tổ chức phát hành và người có liên quan của tổ chức phát hành, thông tin về việc góp vốn/mua lại *(cơ sở pháp lý, tiến độ thực hiện, giá trị thực hiện, tỷ lệ sở hữu trước và sau khi góp vốn/mua lại...)*;

- Trường hợp một phần hoặc toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán được sử dụng để thanh toán các khoản nợ, nêu thông tin về chủ nợ *(tên, mối quan hệ với tổ chức phát hành và người có liên quan của tổ chức phát hành)*, giá trị hợp đồng, lãi suất, kỳ hạn, thời gian dự kiến trả nợ, mục đích vay nợ...;

- Trường hợp một phần hoặc toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán được sử dụng để bổ sung vốn lưu động, nêu số tiền dự kiến sử dụng cho từng khoản mục.

XI. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Loại cổ phiếu:

2. Mệnh giá:

3. Mã cổ phiếu *(nếu có)*:

4. Tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết: *Nêu rõ số lượng cổ phiếu đã phát hành nhưng chưa được niêm yết và lý do chưa niêm yết (nếu có)*

5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký niêm yết

6. Phương pháp tính giá

7. Các loại thuế có liên quan *(thuế thu nhập và các thuế khác liên quan đến chứng khoán niêm yết)*

XII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

- Nêu tên, địa chỉ trụ sở chính của các đối tác liên quan đến việc đăng ký niêm yết: Tổ chức kiểm toán, tổ chức tư vấn...;

- Tổ chức tư vấn nêu ý kiến về việc đăng ký niêm yết;

- Ý kiến của các chuyên gia về việc đăng ký niêm yết *(nếu có) (nêu kinh nghiệm của chuyên gia trong lĩnh vực liên quan).*

XIII. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ *(nếu có)*

XIV. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT (CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC hoặc GIÁM ĐỐC, GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH hoặc KẾ TOÁN TRƯỞNG), TỔ CHỨC TƯ VẤN

XV. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương

2. Phụ lục II: Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết

3. Phụ lục III: Biên bản xác định giá trị tài sản (*nếu có*)

4. Phụ lục IV: Bản định giá trang thiết bị, nhà xưởng… (*nếu có*)

5. Phụ lục V: Báo cáo tài chính, Báo cáo về vốn điều lệ đã góp tính đến thời điểm đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng

6. Phụ lục VI: Các phụ lục khác *(nếu có)*

Mẫu số 29B

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

(áp dụng đối với trường hợp đăng ký niêm yết đồng thời với chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng)

(trang bìa)

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

CÔNG TY ABC

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.... do.... cấp ngày... tháng...năm..., Giấy phép thành lập và hoạt động số:..... do ..... cấp ngày..... hoặc Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương.)

(nêu thông tin cấp lần đầu và thay đổi lần gần nhất)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN...

(Quyết định đăng ký niêm yết số...../SGD...-QĐ do....cấp ngày... tháng...năm...)

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch này và các phụ lục sẽ được cung cấp tại: ..... từ ngày: .....

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: .....

Chức vụ: .....

Số điện thoại: .....

(trang bìa)

CÔNG TY ABC

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.... do.... cấp ngày... tháng...năm..., Giấy phép thành lập và hoạt động số:..... do ..... cấp ngày..... hoặc Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương)

(nêu thông tin cấp lần đầu và thay đổi lần gần nhất)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN...

Tên cổ phiếu:

Loại cổ phiếu:

Mã cổ phiếu *(nếu có):*

Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết:

Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký niêm yết theo mệnh giá:

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:
CÔNG TY:..... *(ghi rõ địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch)*

TỔ CHỨC TƯ VẤN:
CÔNG TY:..... *(ghi rõ địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch)*

MỤC LỤC

Trang

I. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch

II. Giới thiệu về tổ chức đăng ký niêm yết

III. Kết quả đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng

IV. Những thông tin thay đổi, cập nhật trong Bản cáo bạch

V. Cổ phiếu đăng ký niêm yết

VI. Các đối tác liên quan đến việc đăng ký niêm yết

VII. Các thông tin quan trọng khác có thể ảnh hưởng đến quyết định của nhà đầu tư

VIII. Ngày tháng, chữ ký, đóng dấu của đại diện tổ chức đăng ký niêm yết

IX. Phụ lục

NỘI DUNG BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức đăng ký niêm yết

Ông/Bà: ..... Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông/Bà: .....Chức vụ: Giám đốc (Tổng giám đốc).

Ông/Bà: .....Chức vụ: Phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc) có liên quan đến việc đăng ký niêm yết.

Ông/Bà: .....Chức vụ: Kế toán trưởng (Giám đốc tài chính).

Ông/Bà: .....Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát hoặc Trưởng ban Kiểm toán nội bộ.

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện theo pháp luật (hoặc đại diện được ủy quyền): Ông/Bà: ..... Chức vụ: .....

Theo Giấy ủy quyền số ... ngày ... tháng ... năm ... của người đại diện theo pháp luật *(trường hợp đại diện được ủy quyền)*.

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu do *[tên tổ chức tư vấn]* tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số ... ngày ... tháng ... năm ... (Hợp đồng tư vấn) với ..... *(tên tổ chức đăng ký niêm yết)*. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do ..... *(tên tổ chức đăng ký niêm yết)* cung cấp.

II. CÁC KHÁI NIỆM

(Những từ, nhóm từ viết tắt, thuật ngữ chuyên ngành, kỹ thuật; những từ, nhóm từ khó hiểu, có thể gây hiểu lầm trong Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch cần phải được giải thích)

III. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tên tổ chức đăng ký niêm yết *(đầy đủ)*: .....

2. Tên tiếng Anh *(nếu có)*: .....

3. Tên viết tắt *(nếu có)*: .....

4. Địa chỉ trụ sở chính: .....

5. Điện thoại: ..... Fax: ..... Website: .....

6. Vốn điều lệ đăng ký:..... đồng.

7. Vốn điều lệ thực góp: ..... đồng.

8. Mã cổ phiếu *(nếu có)*: .....

9. Nơi mở tài khoản thanh toán: ..... Số hiệu tài khoản: .....

10. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp....do ..... cấp lần đầu ngày ....., cấp thay đổi lần thứ.... ngày.... *(nêu thông tin thay đổi lần gần nhất)* hoặc Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương.

- Ngành nghề kinh doanh chính: ..... Mã ngành .....

- Sản phẩm/dịch vụ chính: .....

11. Giấy phép thành lập và hoạt động *(nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành)*: .....

12. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới tổ chức đăng ký niêm yết có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết và việc niêm yết cổ phiếu .....

13. Thông tin về việc tổ chức đăng ký niêm yết, người đại diện theo pháp luật của tổ chức đăng ký niêm yết không bị xử lý vi phạm trong thời hạn 02 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định tại Điều 12 Luật Chứng khoán năm 2019 và khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán .....

IV. KẾT QUẢ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

1. Số lượng cổ phiếu đã chào bán, phát hành: .....cổ phiếu

2. Ngày kết thúc đợt chào bán: .....

3. Số lượng cổ phiếu sau khi chào bán, phát hành: .....

4. Số lượng cổ đông sau khi chào bán, phát hành: .....

V. NHỮNG THÔNG TIN THAY ĐỔI, CẬP NHẬT TRONG BẢN CÁO BẠCH

1. Thông tin về tài chính: .....

2. Thông tin về cổ phiếu: .....

3. Thông tin về cổ đông: .....

4. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng

- Tên, năm sinh, quốc tịch;

- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn, kinh nghiệm công tác;

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết *(nêu thông tin về thời gian, chức vụ nắm giữ)*;

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác *(nêu thông tin về thời gian, chức vụ nắm giữ)*;

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức đăng ký niêm yết của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ;

- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức đăng ký niêm yết;

- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa tổ chức đăng ký niêm yết với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ *(loại giao dịch, giá trị giao dịch, các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng; cấp có thẩm quyền chấp thuận)*;

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác *(tiền thưởng, cổ phiếu thưởng...)* trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại.

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết *(nếu có)*;

- Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức đăng ký niêm yết hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức đăng ký niêm yết, nêu các thông tin sau:

+ Tên của doanh nghiệp;

+ Hoạt động chính của doanh nghiệp *(đối với những hoạt động kinh doanh mang tính cạnh tranh với tổ chức đăng ký niêm yết, phân tích về phân khúc khách hàng mục tiêu, địa bàn hoạt động, sản phẩm, dịch vụ)*;

+ Mối quan hệ của các đối tượng này và những người có liên quan của họ với doanh nghiệp *(số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần/phần vốn góp, chức vụ đang nắm giữ tại doanh nghiệp...)*;

+ Phương án kiểm soát xung đột lợi ích.

5. Các thông tin khác: .....

VI. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Loại cổ phiếu: .....

2. Mệnh giá: .....

3. Mã cổ phiếu *(nếu có)*: .....

4. Tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết: Nêu rõ số lượng cổ phiếu đã phát hành nhưng chưa được niêm yết và lý do chưa niêm yết *(nếu có)*: .....

5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký niêm yết: .....

6. Phương pháp tính giá: .....

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài *(theo quy định của pháp luật về chứng khoán và pháp luật chuyên ngành nếu có)*: .....

VII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

- Nêu tên, địa chỉ trụ sở chính của các đối tác liên quan đến việc đăng ký niêm yết: Tổ chức kiểm toán, tổ chức tư vấn...;

- Tổ chức tư vấn nêu ý kiến về việc đăng ký niêm yết;

- Ý kiến của các chuyên gia về việc đăng ký niêm yết *(nếu có) (nêu kinh nghiệm của chuyên gia trong lĩnh vực liên quan).*

VIII. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ *(nếu có)*

IX. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT (CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC hoặc GIÁM ĐỐC, GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH hoặc KẾ TOÁN TRƯỞNG), TỔ CHỨC TƯ VẤN

X. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương

2. Phụ lục II: Các phụ lục khác *(nếu có)*.

Mẫu số 29C

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

(trang bìa)

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY ABC

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ... do ... cấp ngày ...tháng ...năm..., Giấy phép thành lập và hoạt động số ..... do ..... cấp ngày ..... hoặc Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương)

(nêu thông tin cấp lần đầu và thay đổi lần gần nhất)

NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN ...

(Quyết định đăng ký niêm yết số ../SGD...-QĐ do ..... cấp ngày ... tháng... năm ...)

Bản cáo bạch này và các phụ lục sẽ được cung cấp tại: ..... từ ngày .....

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: ... .

Chức vụ: .....

Số điện thoại: .....

(trang bìa)

CÔNG TY ABC

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... , Giấy phép thành lập và hoạt động số ..... do ..... cấp ngày ..... hoặc Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương)

(nêu thông tin cấp lần đầu và thay đổi lần gần nhất)

NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN ...

Tên trái phiếu:

Loại trái phiếu:

Mã trái phiếu:

Mệnh giá:

Tổng số lượng trái phiếu đăng ký niêm yết:

Tổng giá trị trái phiếu đăng ký niêm yết theo mệnh giá:

Lãi suất:

Kỳ hạn trái phiếu:

Ngày phát hành:

Ngày đáo hạn:

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY: ..... *(nêu tên, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax)*

TỔ CHỨC TƯ VẤN *(nếu có):*

CÔNG TY: ..... *(nêu tên, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax)*

ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU:

CÔNG TY: ..... *(nêu tên, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax)*

TỔ CHỨC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM *(nếu có)*:

CÔNG TY: ..... *(nêu tên, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax)*

MỤC LỤC

Trang

I. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung Bản cáo bạch

II. Các nhân tố rủi ro

III. Các khái niệm

IV. Tình hình và đặc điểm của tổ chức đăng ký niêm yết

V. Kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và dự kiến kế hoạch

VI. Trái phiếu đăng ký niêm yết

VII. Các đối tác liên quan tới việc đăng ký niêm yết

VIII. Phụ lục

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức đăng ký niêm yết

Ông/Bà: ..... Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty

Ông/Bà: ..... Chức vụ: Tổng giám đốc (Giám đốc)

Ông/Bà: ..... Chức vụ: Kế toán trưởng (Giám đốc Tài chính)

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn *(nếu có)*

Đại diện theo pháp luật (hoặc đại diện được ủy quyền): Ông/Bà: ... Chức vụ: .....

Theo Giấy ủy quyền số ... ngày... tháng ... năm ... của người đại diện theo pháp luật *(trường hợp đại diện được ủy quyền).*

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết trái phiếu do ..... *(tên tổ chức tư vấn)* tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số ... ngày ... tháng ... năm ... *(Hợp đồng tư vấn)* với ..... *(tên tổ chức đăng ký niêm yết)*. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do ..... *(tên tổ chức đăng ký niêm yết)* cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO *(việc phân tích các nhân tố rủi ro cần nêu ảnh hưởng đến lĩnh vực hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của tổ chức đăng ký niêm yết. Các nhân tố rủi ro cần được phân loại và đặt tiêu đề phù hợp theo nhóm, sắp xếp theo thứ tự các nhân tố rủi ro có ảnh hưởng tiêu cực theo mức độ từ cao đến thấp.)*

1. Đối với tổ chức đăng ký niêm yết không phải là tổ chức tín dụng

1.1. Rủi ro về kinh tế

1.2. Rủi ro về luật pháp

1.3. Rủi ro đặc thù (*ngành, lĩnh vực hoạt động...*)

1.4. Rủi ro quản trị công ty

1.5. Rủi ro khác *(thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh...)*

2. Đối với tổ chức đăng ký niêm yết là tổ chức tín dụng

2.1. Rủi ro về kinh tế

2.2. Rủi ro về luật pháp

2.3. Rủi ro đặc thù

a) Rủi ro về tín dụng *(phân tích rủi ro có thể xảy ra do có một số khách hàng, đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ, thanh toán theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với tổ chức niêm yết)*

b) Rủi ro thị trường *(phân tích rủi ro có thể xảy ra do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá chứng khoán, giá hàng hóa trên thị trường)*

c) Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng *(phân tích rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả, giá trị cam kết ngoại bảng của Tổ chức niêm yết)*

d) Rủi ro hoạt động *(phân tích rủi ro có thể xảy ra do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với tổ chức niêm yết)*

đ) Rủi ro thanh khoản *(phân tích rủi ro có thể xảy ra do tổ chức niêm yết không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn hoặc tổ chức niêm yết có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường)*

e) Rủi ro tập trung *(phân tích rủi ro có thể xảy ra do tổ chức phát hành có hoạt động kinh doanh tập trung vào một khách hàng (bao gồm người có liên quan), đối tác, sản phẩm, giao dịch, ngành, lĩnh vực kinh tế, loại tiền tệ ở mức độ có tác động đáng kể đến thu nhập, trạng thái rủi ro của tổ chức niêm yết)*

g) Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng *(phân tích các giao dịch kỳ hạn, các khoản cam kết cho vay, các khoản bảo lãnh L/C có khả năng ảnh hưởng đến tình hình tài chính của tổ chức niêm yết)*

h) Rủi ro đặc thù khác

2.4. Rủi ro quản trị công ty

2.5. Rủi ro khác *(thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh...)*

III. CÁC KHÁI NIỆM

(Những từ, nhóm từ viết tắt, thuật ngữ chuyên ngành, kỹ thuật; những từ, nhóm từ khó hiểu có thể gây hiểu lầm trong Bản cáo bạch cần phải được giải thích)

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Thông tin chung về tổ chức đăng ký niêm yết *(tên đầy đủ, tên viết tắt, tên viết bằng tiếng nước ngoài, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax, vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh chính, người đại diện theo pháp luật, mã cổ phiếu (nếu có), sàn niêm yết/đăng ký giao dịch (nếu có))*

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của tổ chức đăng ký niêm yết *(nêu những sự kiện quan trọng trong lịch sử hình thành, phát triển và trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh của tổ chức đăng ký niêm yết)*

3. Cơ cấu tổ chức của tổ chức đăng ký niêm yết (và cơ cấu của nhóm công ty, nếu có) *(thể hiện bằng sơ đồ kèm theo diễn giải)*

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của tổ chức đăng ký niêm yết *(thể hiện bằng sơ đồ kèm theo diễn giải)*

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối *(tên, ngày thành lập, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương, hoạt động kinh doanh chính, tỷ lệ sở hữu của các công ty này tại tổ chức* đăng ký niêm yết, *tỷ lệ sở hữu của tổ chức* đăng ký niêm yết *tại các công ty này)*

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của tổ chức đăng ký niêm yết *(thông tin về các đợt tăng, giảm vốn kể từ thời điểm thành lập bao gồm thời điểm tăng/giảm vốn, giá trị vốn tăng/giảm, hình thức tăng/giảm vốn, đơn vị cấp, ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có))*

7. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

7.1. Cổ phiếu phổ thông *(trường hợp là công ty cổ phần, nêu số lượng, tỷ lệ sở hữu của tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài, tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ)*

7.2. Cổ phiếu ưu đãi *(trường hợp là công ty cổ phần, nêu số lượng, loại cổ phiếu, tỷ lệ sở hữu, tỷ lệ biểu quyết của tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài, tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, các đặc điểm khác)*

7.3. Các loại chứng khoán khác *(nêu số lượng, đặc điểm của từng loại)*

8. Hoạt động kinh doanh

(Tổ chức đăng ký niêm yết nêu các nội dung để làm rõ về hoạt động kinh doanh căn cứ theo đặc điểm ngành hoạt động)

8.1. Đối với tổ chức đăng ký niêm yết không phải là tổ chức tín dụng

8.1.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

- Mô tả các sản phẩm, dịch vụ chính, quy trình sản xuất kinh doanh, công nghệ áp dụng ...;

- Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ *(tỷ lệ từng loại sản phẩm, dịch vụ trong doanh thu, lợi nhuận*

8.1.2. Tài sản *(nêu tên, nguyên giá, giá trị còn lại của từng tài sản lớn thuộc sở hữu của Tổ chức đăng ký niêm yết)*

8.1.3. Thị trường hoạt động *(doanh thu, lợi nhuận theo từng thị trường)*

8.1.4. Các hợp đồng lớn *(nêu thông tin các hợp đồng lớn đã được thực hiện, đã được ký kết và chưa thực hiện bao gồm các nội dung về tên; giá trị; thời điểm ký kết; thời gian thực hiện; sản phẩm, dịch vụ đầu vào, đầu ra; các đối tác tham gia, các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng)*

8.1.5. Vị thế của tổ chức đăng ký niêm yết trong ngành *(nêu thông tin một cách cẩn trọng và hợp lý, nêu nguồn cung cấp thông tin và số liệu công bố)*

- Vị thế của tổ chức đăng ký niêm yết so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành *(phân tích theo ngành hoạt động của tổ chức* đăng ký niêm yết, *các bên tham gia và mức độ cạnh tranh, vị thế và thị phần của tổ chức* đăng ký niêm yết *trong ngành; trường hợp không có thông tin cần nêu rõ)*;

- Triển vọng phát triển của ngành;

- Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của tổ chức đăng ký niêm yết so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới.

8.1.6. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

8.1.7. Chiến lược kinh doanh *(tổng quan về các chiến lược, thời gian dự kiến thực hiện, nguồn vốn và nguồn lực dự kiến...)*

8.1.8. Trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nêu thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan

8.2. Đối với tổ chức đăng ký niêm yết là tổ chức tín dụng

8.2.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

- Loại sản phẩm, dịch vụ *(tỷ lệ từng loại sản phẩm, dịch vụ trong doanh thu, lợi nhuận)*;

- Huy động vốn *(cơ cấu, tỷ trọng nguồn vốn huy động trong nước, ngoài nước)*;

- Hoạt động tín dụng *(tổng dư nợ cho vay, tỷ lệ an toàn vốn, tỷ lệ nợ khó đòi, rủi ro lãi suất, phân loại...)*;

- Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán *(tình hình hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán, các dịch vụ thanh toán trong nước và thanh toán quốc tế)*;

- Hoạt động ngân hàng đại lý *(nếu có)*;

- Hoạt động kinh doanh khác *(nếu có)*.

8.2.2. Tài sản *(nêu tên, nguyên giá, giá trị còn lại của từng tài sản lớn thuộc sở hữu của Tổ chức* đăng ký niêm yết*)*

8.2.3. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

- Các chính sách quản lý rủi ro đang áp dụng *(rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường...)*;

- Đánh giá tình hình thực hiện, giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế *(nếu có)*.

8.2.4. Thị trường hoạt động

- Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện;

- Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng;

- Vị thế của Tổ chức đăng ký niêm yết trong ngành *(nêu thông tin về vị thế và thị phần của tổ chức* đăng ký niêm yết *so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành. Thông tin phải được nêu một cách cẩn trọng và hợp lý, nêu nguồn cung cấp thông tin và số liệu công bố)*.

8.2.5. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh *(nêu thông tin về các dự án lớn, đánh giá ảnh hưởng tới tình hình hoạt động kinh doanh của tổ chức đăng ký niêm yết)*

8.2.6. Chiến lược kinh doanh *(tổng quan về các chiến lược, thời gian dự kiến thực hiện, nguồn vốn và nguồn lực dự kiến...)*

9. Thông tin về cổ đông lớn/chủ sở hữu công ty/Thành viên sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên

- *Đối với cá nhân:* Tên, năm sinh, quốc tịch;

- *Đối với tổ chức:* Tên, năm thành lập, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương, quốc tịch, địa chỉ trụ sở chính, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật *(tên, chức vụ)*, người đại diện theo ủy quyền tại tổ chức phát hành *(tên, chức vụ)*;

- Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và những người có liên quan của họ *(trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết là công ty cổ phần)* hoặc giá trị, tỷ lệ phần vốn góp của thành viên sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên và những người có liên quan của họ *(trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết là công ty TNHH hai thành viên trở lên)*;

- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết *(nếu có).*

10. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng

- Tên, năm sinh, quốc tịch;

- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn, kinh nghiệm công tác;

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết *(nêu thông tin về thời gian, chức vụ nắm giữ)*;

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác *(nêu thông tin về thời gian, chức vụ nắm giữ)*;

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức đăng ký niêm yết của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ *(trường hợp tổ chức* đăng ký niêm yết *là công ty cổ phần)* hoặc giá trị, tỷ lệ phần vốn góp tại tổ chức đăng ký niêm yết của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền tại tổ chức đăng ký niêm yết và những người có liên quan của họ *(trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết là công ty TNHH)*;

- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết *(nếu có)*;

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết *(nếu có).*

11. Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tiếp liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại *(nếu có)*

12. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết *(nêu thông tin về các cam kết có thể ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết như thông tin về các hợp đồng thuê sử dụng đất, trái phiếu chưa đáo hạn, các quyền chưa thực hiện của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi...)*

13. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới tổ chức đăng ký niêm yết có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết

14. Thông tin về cam kết của tổ chức đăng ký niêm yết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của tổ chức đăng ký niêm yết trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất (nếu có). *Trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết là công ty mẹ, kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm kết quả kinh doanh hợp nhất và của công ty mẹ. Trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên báo cáo tài chính tổng hợp.*

Chỉ tiêu	Năm X-2	Năm X-1	% tăng/ giảm	Lũy kế đến quý gần nhất
** Đối với tổ chức đăng ký niêm yết không phải là tổ chức tín dụng:* - Tổng giá trị tài sản - Doanh thu thuần - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh - Lợi nhuận khác - Lợi nhuận trước thuế - Lợi nhuận sau thuế; - Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức ** Đối với tổ chức đăng ký niêm yết là tổ chức tín dụng:* - Tổng giá trị tài sản - Doanh thu thuần hoặc thu nhập lãi thuần - Tổng thu nhập hoạt động - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng - Lợi nhuận trước thuế - Lợi nhuận sau thuế - Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức				

- Các chỉ tiêu khác *(Tổ chức* đăng ký niêm yết *nêu các chỉ tiêu để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh căn cứ theo đặc điểm ngành hoạt động)*;

- Ý kiến của tổ chức kiểm toán *(nếu có)*.

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của tổ chức đăng ký niêm yết

- Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của tổ chức đăng ký niêm yết trong năm báo cáo *(nêu những sự kiện bất thường (nếu có); trường hợp tình hình hoạt động kinh doanh biến động lớn, phân tích nguyên nhân).*

- Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của tổ chức đăng ký niêm yết kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất, trường hợp không có cần nêu rõ.

2. Tình hình tài chính

(Tổ chức đăng ký niêm yết nêu các chỉ tiêu để làm rõ về tình hình tài chính căn cứ theo đặc điểm ngành hoạt động)

2.1. Đối với tổ chức đăng ký niêm yết không phải là tổ chức tín dụng

2.1.1. Các chỉ tiêu cơ bản *(nêu các chỉ tiêu trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết)*

- Tình hình công nợ *(tổng số nợ phải thu, tổng số nợ phải trả)*;

- Các khoản phải thu, trường hợp có các khoản phải thu quá hạn, nêu giá trị, thời gian quá hạn, nguyên nhân, đánh giá khả năng thu hồi;

- Các khoản phải trả:

+ Nợ ngắn hạn, nợ dài hạn;

+ Tình hình thanh toán các khoản nợ:

• Có thanh toán, đầy đủ, đúng hạn lãi và gốc không;

• Trường hợp quá hạn, nêu giá trị, thời gian quá hạn, nguyên nhân, đánh giá khả năng thanh toán;

• Trường hợp vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng/cam kết, nêu thông tin cụ thể, nguyên nhân và giải pháp khắc phục *(bao gồm các vi phạm của tổ chức đăng ký niêm yết và công ty con, nếu có).*

+ Trái phiếu chưa đáo hạn *(nêu thông tin trái phiếu theo từng đợt phát hành bao gồm giá trị, lãi suất, thời điểm phát hành, kỳ hạn, thời hạn chuyển đổi, các điều khoản quan trọng khác, nếu có).*

- Các khoản phải nộp theo luật định *(nêu giá trị, việc tuân thủ theo quy định pháp luật)*;

- Trích lập các quỹ *(nêu giá trị, việc tuân thủ theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty)*;

- Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức đăng ký niêm yết kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất, trường hợp không có cần nêu rõ.

2.1.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu *(Trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết là công ty mẹ, nêu các chỉ tiêu tài chính của công ty mẹ và hợp nhất, trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, các chỉ tiêu tài chính dựa trên báo cáo tài chính tổng hợp)*

Chỉ tiêu	Năm X - 2	Năm X - 1	Ghi chú
1. Khả năng thanh toán - Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn - Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn			
2. Cơ cấu vốn - Hệ số Nợ/Tổng tài sản - Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu			
3. Năng lực hoạt động - Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân - Vòng quay vốn lưu động: Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân - Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
4. Khả năng sinh lời - Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần - Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA) Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân - Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân - Thu nhập trên cổ phần (EPS)			

2.2. Đối với tổ chức đăng ký niêm yết là tổ chức tín dụng

2.2.1. Các chỉ tiêu cơ bản *(trong năm gần nhất)*

- Tình hình công nợ *(tổng số nợ phải thu, tổng số nợ phải trả)*;

- Trái phiếu chưa đáo hạn *(nêu thông tin trái phiếu theo từng đợt phát hành bao gồm giá trị, lãi suất, thời điểm phát hành, kỳ hạn, thời hạn chuyển đổi, các điều khoản quan trọng khác, nếu có)*;

- Các khoản phải nộp theo luật định *(nêu giá trị, việc tuân thủ theo quy định pháp luật)*;

- Trích lập các quỹ *(nêu giá trị, việc tuân thủ theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty)*;

- Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất, trường hợp không có cần nêu rõ.

2.2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu *(Trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết là công ty mẹ, nêu các chỉ tiêu tài chính của công ty mẹ và hợp nhất, trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, các chỉ tiêu tài chính dựa trên báo cáo tài chính tổng hợp)*

Chỉ tiêu	Năm X-2	Năm X-1	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về vốn - Vốn điều lệ - Vốn tự có - Tỷ lệ an toàn vốn			
2. Chất lượng tài sản - Tỷ lệ nợ quá hạn - Tỷ lệ nợ xấu - (Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản - Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng			
3. Khả năng thanh khoản - Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân - Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn - Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi			
4. Kết quả hoạt động kinh doanh - Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân - Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân - Thu nhập lãi cận biên (NIM) - Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA) Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân - Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân - Thu nhập trên cổ phần (EPS) - Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập - Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế			

(Tổ chức tín dụng xác định các chỉ tiêu nêu trên áp dụng theo các quy định, hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

3. Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết

- Ý kiến của tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của tổ chức đăng ký niêm yết *(trường hợp ý kiến kiểm toán là ý kiến ngoại trừ, tổ chức đăng ký niêm yết nêu nội dung giải trình về ảnh hưởng của việc ngoại trừ đã được tổ chức kiểm toán xác nhận)*;

- Ý kiến của tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán/soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm đăng ký niêm yết của tổ chức đăng ký niêm yết *(nếu có) (trường hợp ý kiến kiểm toán/soát xét là ý kiến ngoại trừ, tổ chức đăng ký niêm yết nêu nội dung giải trình về ảnh hưởng của việc ngoại trừ đã được tổ chức kiểm toán xác nhận)*

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

Chỉ tiêu	**Năm X...**	
	Kế hoạch	**% tăng/giảm so với năm trước**
Doanh thu thuần hoặc thu nhập lãi thuần		
Lợi nhuận sau thuế		
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần hoặc thu nhập lãi thuần		
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân		
Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc cổ tức		

- Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch nêu trên *(Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên...)*;

- Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và tỷ lệ chia lợi nhuận/cổ tức nêu trên *(nêu thông tin một cách cẩn trọng và hợp lý trên cơ sở các hợp đồng, hoạt động kinh doanh, đầu tư đang thực hiện và dự kiến triển khai... phù hợp với các quy định và chính sách kế toán mà tổ chức đăng ký niêm yết đang áp dụng)*;

- Đánh giá của tổ chức tư vấn *(và tổ chức kiểm toán độc lập, nếu có)* về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận.

VI. TRÁI PHIẾU ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tên trái phiếu

2. Loại trái phiếu

3. Mệnh giá

4. Tổng số trái phiếu đăng ký niêm yết: *Nêu rõ số lượng trái phiếu đã phát hành nhưng chưa được niêm yết và lý do chưa niêm yết (nếu có)*

5.Tổng giá trị trái phiếu đăng ký niêm yết theo mệnh giá

6. Kỳ hạn trái phiếu

7. Ngày phát hành

8. Ngày đáo hạn trái phiếu

9. Lãi suất

10. Kỳ hạn trả lãi, trả gốc

11. Xếp hạng tín nhiệm *(nếu có)*

12. Quyền của người sở hữu trái phiếu

- Quyền cơ bản của người sở hữu trái phiếu;

- Trường hợp thay đổi quyền của người sở hữu trái phiếu.

13. Đại diện người sở hữu trái phiếu

14. Việc mua lại trái phiếu trước hạn

15. Phương pháp tính giá

16. Phương pháp tính lợi suất khi đáo hạn *(công thức tính kèm theo ví dụ minh họa)*

17. Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với trái phiếu niêm yết *(sử dụng số liệu lạm phát trong vòng 05 năm để dự báo tác động của lạm phát với lợi suất trái phiếu)*

18. Cam kết về bảo đảm *(trường hợp niêm yết trái phiếu có đảm bảo)*

19. Thông tin về các cam kết

- Cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức đăng ký niêm yết đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;

- Cam kết khác *(nếu có)*.

20. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài *(theo quy định của pháp luật về chứng khoán và pháp luật chuyên ngành nếu có)*

21. Các loại thuế có liên quan *(thuế thu nhập và các thuế khác liên quan đến trái phiếu niêm yết)*

VII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

(Nêu tên, địa chỉ trụ sở chính và giới thiệu sơ bộ các đối tác có liên quan đến việc đăng ký niêm yết: đại diện người sở hữu trái phiếu, tổ chức kiểm toán, tổ chức tư vấn (nếu có) ...)

VIII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Sổ đăng ký người sở hữu trái phiếu của tổ chức đăng ký niêm yết được lập trong thời hạn 01 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết

2. Phụ lục II: Các phụ lục khác *(nếu có)*.

TẤT CẢ CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 29D

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI, TRÁI PHIẾU KÈM CHỨNG QUYỀN TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

(trang bìa)

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY ABC

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ... do ... cấp ngày ...tháng ...năm..., Giấy phép thành lập và hoạt động số ..... do ..... cấp ngày ..... hoặc Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương)

(nêu thông tin cấp lần đầu và thay đổi lần gần nhất)

NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN ...

(Quyết định đăng ký niêm yết số ..... /SGD...-QĐ do ..... cấp ngày ... tháng... năm ...)

Bản cáo bạch này và các phụ lục sẽ được cung cấp tại: ..... từ ngày .....

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: ... .

Chức vụ: .....

Số điện thoại: .....

(trang bìa)

CÔNG TY ABC

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... , Giấy phép thành lập và hoạt động số ..... do ..... cấp ngày ..... hoặc Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương)

(nêu thông tin cấp lần đầu và thay đổi lần gần nhất)

NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN ...

Tên trái phiếu:

Loại trái phiếu:

Mã trái phiếu:

Mệnh giá:

Tổng số lượng trái phiếu đăng ký niêm yết:

Tổng giá trị trái phiếu đăng ký niêm yết theo mệnh giá:

Lãi suất:

Kỳ hạn trái phiếu:

Ngày phát hành:

Tỷ lệ chuyển đổi/thực hiện quyền:

Thời hạn chuyển đổi/thực hiện quyền:

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY: ..... *(nêu tên, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax)*

TỔ CHỨC TƯ VẤN *(nếu có)*:

CÔNG TY: ..... *(nêu tên, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax)*

ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU:

CÔNG TY: ..... *(nêu tên, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax)*

TỔ CHỨC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM *(nếu có)*:

CÔNG TY: ..... *(nêu tên, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax)*

MỤC LỤC

Trang

I. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung Bản cáo bạch

II. Các nhân tố rủi ro

III. Các khái niệm

IV. Tình hình và đặc điểm của tổ chức đăng ký niêm yết

V. Kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và dự kiến kế hoạch

VI. Thông tin về cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng

VII. Trái phiếu đăng ký niêm yết

VIII. Các đối tác liên quan tới việc đăng ký niêm yết

IX. Phụ lục

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức đăng ký niêm yết

Ông/Bà: ..... Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông/Bà: ..... Chức vụ: Tổng giám đốc (Giám đốc)

Ông/Bà: ..... Chức vụ: Kế toán trưởng (Giám đốc Tài chính)

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn *(nếu có)*

Đại diện theo pháp luật (hoặc đại diện được ủy quyền): Ông/Bà: ... Chức vụ: .....

Theo Giấy ủy quyền số ... ngày... tháng ... năm ... của người đại diện theo pháp luật *(trường hợp đại diện được ủy quyền).*

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết trái phiếu do ..... *(tên tổ chức tư vấn)* tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số ... ngày ... tháng ... năm ... *(Hợp đồng tư vấn)* với ..... *(tên tổ chức đăng ký niêm yết)*. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do ..... *(tên tổ chức đăng ký niêm yết)* cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO *(việc phân tích các nhân tố rủi ro cần nêu ảnh hưởng đến lĩnh vực hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của tổ chức đăng ký niêm yết. Các nhân tố rủi ro cần được phân loại và đặt tiêu đề phù hợp theo nhóm, sắp xếp theo thứ tự các nhân tố rủi ro có ảnh hưởng tiêu cực theo mức độ từ cao đến thấp.)*

1. Đối với tổ chức đăng ký niêm yết không phải là tổ chức tín dụng

1.1. Rủi ro về kinh tế

1.2. Rủi ro về luật pháp

1.3. Rủi ro đặc thù (*ngành, lĩnh vực hoạt động...*)

1.4. Rủi ro quản trị công ty

1.5. Rủi ro khác *(thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh...)*

2. Đối với tổ chức đăng ký niêm yết là tổ chức tín dụng

2.1. Rủi ro về kinh tế

2.2. Rủi ro về luật pháp

2.3. Rủi ro đặc thù

a) Rủi ro về tín dụng *(phân tích rủi ro có thể xảy ra do có một số khách hàng, đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ, thanh toán theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với tổ chức niêm yết)*

b) Rủi ro thị trường *(phân tích rủi ro có thể xảy ra do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá chứng khoán, giá hàng hóa trên thị trường)*

c) Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng *(phân tích rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả, giá trị cam kết ngoại bảng của tổ chức niêm yết)*

d) Rủi ro hoạt động *(phân tích rủi ro có thể xảy ra do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với tổ chức niêm yết)*

đ) Rủi ro thanh khoản *(phân tích rủi ro có thể xảy ra do tổ chức niêm yết không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn hoặc tổ chức niêm yết có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường)*

e) Rủi ro tập trung *(phân tích rủi ro có thể xảy ra do tổ chức đăng ký niêm yết có hoạt động kinh doanh tập trung vào một khách hàng (bao gồm người có liên quan), đối tác, sản phẩm, giao dịch, ngành, lĩnh vực kinh tế, loại tiền tệ ở mức độ có tác động đáng kể đến thu nhập, trạng thái rủi ro của tổ chức niêm yết)*

g) Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng *(phân tích các giao dịch kỳ hạn, các khoản cam kết cho vay, các khoản bảo lãnh L/C có khả năng ảnh hưởng đến tình hình tài chính của tổ chức niêm yết)*

h) Rủi ro đặc thù khác

2.4. Rủi ro quản trị công ty

2.5. Rủi ro khác *(thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh...)*

III. CÁC KHÁI NIỆM

(Những từ, nhóm từ viết tắt, thuật ngữ chuyên ngành, kỹ thuật; những từ, nhóm từ khó hiểu có thể gây hiểu lầm trong Bản cáo bạch cần phải được giải thích)

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Thông tin chung về tổ chức đăng ký niêm yết *(tên đầy đủ, tên viết tắt, tên viết bằng tiếng nước ngoài, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax, vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh chính, người đại diện theo pháp luật, mã cổ phiếu, sàn niêm yết/đăng ký giao dịch)*

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của tổ chức đăng ký niêm yết *(nêu những sự kiện quan trọng trong lịch sử hình thành, phát triển và trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh của tổ chức đăng ký niêm yết)*

3. Cơ cấu tổ chức của tổ chức đăng ký niêm yết (và cơ cấu của nhóm công ty, nếu có) *(thể hiện bằng sơ đồ kèm theo diễn giải)*

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của tổ chức đăng ký niêm yết *(thể hiện bằng sơ đồ kèm theo diễn giải)*

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ

phần, phần vốn góp chi phối *(tên, ngày thành lập, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương, hoạt động kinh doanh chính, tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của các công ty này tại tổ chức đăng ký niêm yết, tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của tổ chức đăng ký niêm yết tại các công ty này)*

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của tổ chức đăng ký niêm yết *(thông tin về các đợt tăng, giảm vốn kể từ thời điểm thành lập bao gồm thời điểm tăng/giảm vốn, giá trị vốn tăng/giảm, hình thức tăng/giảm vốn, đơn vị cấp, ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có))*

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của tổ chức đăng ký niêm yết tại các doanh nghiệp khác *(nêu giá trị và phương thức thực hiện của các khoản góp vốn/thoái vốn trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của tổ chức đăng ký niêm yết tại thời điểm thực hiện)*

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông *(nêu số lượng, tỷ lệ sở hữu của tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài, tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ)*

8.2. Cổ phiếu ưu đãi *(nêu số lượng, loại cổ phiếu, tỷ lệ sở hữu, tỷ lệ biểu quyết của tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài, tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, các đặc điểm khác)*

8.3. Các loại chứng khoán khác *(nêu số lượng, đặc điểm của từng loại)*

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại tổ chức đăng ký niêm yết theo quy định pháp luật;

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại tổ chức đăng ký niêm yết theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ Công ty *(nếu có)*;

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại tổ chức đăng ký niêm yết hiện tại.

10. Hoạt động kinh doanh

(Tổ chức đăng ký niêm yết nêu các nội dung để làm rõ về hoạt động kinh doanh căn cứ theo đặc điểm ngành hoạt động)

10.1. Đối với tổ chức đăng ký niêm yết không phải là tổ chức tín dụng

10.1.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

- Mô tả các sản phẩm, dịch vụ chính, quy trình sản xuất kinh doanh, công nghệ áp dụng ...;

- Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ *(tỷ lệ từng loại sản phẩm, dịch vụ trong doanh thu, lợi nhuận*

10.1.2. Tài sản *(nêu tên, nguyên giá, giá trị còn lại của từng tài sản lớn thuộc sở hữu của Tổ chức đăng ký niêm yết)*

10.1.3. Thị trường hoạt động *(doanh thu, lợi nhuận theo từng thị trường)*

10.1.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

10.1.5. Các hợp đồng lớn *(nêu thông tin các hợp đồng lớn đã được thực hiện, đã được ký kết và chưa thực hiện bao gồm các nội dung về tên; giá trị; thời điểm ký kết; thời gian thực hiện; sản phẩm, dịch vụ đầu vào, đầu ra; các đối tác tham gia; các đối tác tham gia và mối quan hệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), cổ đông lớn của tổ chức đăng ký niêm yết; các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng)*

10.1.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn *(nêu thông tin về các khách hàng, nhà cung cấp lớn của tổ chức đăng ký niêm yết trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại bao gồm các nội dung về tên; giá trị giao dịch trên doanh thu/doanh số mua hàng; thời gian giao dịch; sản phẩm, dịch vụ; mối quan hệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), cổ đông lớn của tổ chức đăng ký niêm yết)*

10.1.7. Vị thế của tổ chức đăng ký niêm yết trong ngành *(nêu thông tin một cách cẩn trọng và hợp lý, nêu nguồn cung cấp thông tin và số liệu công bố)*

- Vị thế của tổ chức đăng ký niêm yết so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành *(phân tích theo ngành hoạt động của tổ chức đăng ký niêm yết, các bên tham gia và mức độ cạnh tranh, vị thế và thị phần của tổ chức đăng ký niêm yết trong ngành; trường hợp không có thông tin cần nêu rõ)*;

- Triển vọng phát triển của ngành;

- Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của tổ chức đăng ký niêm yết so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới.

10.1.8. Hoạt động Marketing

10.1.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

10.1.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển *(nêu thông tin về các chính sách trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại, đánh giá ảnh hưởng tới tình hình hoạt động kinh doanh của tổ chức đăng ký niêm yết)*

10.1.11. Chiến lược kinh doanh *(tổng quan về các chiến lược, thời gian dự kiến thực hiện, nguồn vốn và nguồn lực dự kiến...)*

10.1.12. Trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nêu thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan

10.2. Đối với tổ chức đăng ký niêm yết là tổ chức tín dụng

10.2.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

- Loại sản phẩm, dịch vụ *(tỷ lệ từng loại sản phẩm, dịch vụ trong doanh thu, lợi nhuận)*;

- Huy động vốn *(cơ cấu, tỷ trọng nguồn vốn huy động trong nước, ngoài nước)*;

- Hoạt động tín dụng *(tổng dư nợ cho vay, tỷ lệ an toàn vốn, tỷ lệ nợ khó đòi, rủi ro lãi suất, phân loại...)*;

- Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán *(tình hình hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán, các dịch vụ thanh toán trong nước và thanh toán quốc tế)*;

- Hoạt động ngân hàng đại lý *(nếu có)*;

- Hoạt động kinh doanh khác *(nếu có)*.

10.2.2. Tài sản *(nêu tên, nguyên giá, giá trị còn lại của từng tài sản lớn thuộc sở hữu của tổ chức* đăng ký niêm yết*)*

10.2.3. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

- Các chính sách quản lý rủi ro đang áp dụng *(rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường...)*;

- Đánh giá tình hình thực hiện, giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế *(nếu có)*.

10.2.4. Thị trường hoạt động

- Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện;

- Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng;

- Vị thế của tổ chức đăng ký niêm yết trong ngành *(nêu thông tin về vị thế và thị phần của tổ chức* đăng ký niêm yết *so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành. Thông tin phải được nêu một cách cẩn trọng và hợp lý, nêu nguồn cung cấp thông tin và số liệu công bố)*.

10.2.5. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh *(nêu thông tin về các dự án lớn, đánh giá ảnh hưởng tới tình hình hoạt động kinh doanh của tổ chức đăng ký niêm yết)*

10.2.6. Chiến lược kinh doanh *(tổng quan về các chiến lược, thời gian dự kiến thực hiện, nguồn vốn và nguồn lực dự kiến...)*

11. Chính sách đối với người lao động

- Số lượng người lao động tính đến thời điểm hiện tại, số lượng người lao động bình quân trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết *(phân loại theo trình độ người lao động, lao động thường xuyên hoặc thời vụ)*;

- Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp..

- Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động *(nếu có)*.

12. Chính sách cổ tức *(nêu các chính sách liên quan đến việc trả cổ tức, tỷ lệ cổ tức trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết)*

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

- Nêu tóm tắt tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất trong 02 năm tính đến thời điểm đăng ký chào bán theo Báo cáo sử dụng vốn đã được kiểm toán/Báo cáo tài chính được kiểm toán có thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn;

- Trường hợp việc sử dụng vốn thực tế có sự điều chỉnh so với phương án ban đầu, nêu nội dung điều chỉnh, nguyên nhân, cấp có thẩm quyền phê duyệt *(số, ngày ký văn bản)*, thời điểm thực hiện điều chỉnh.

14. Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tiếp liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại *(nếu có)*

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết *(nêu thông tin về các cam kết có thể ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết như thông tin về các hợp đồng thuê sử dụng đất, trái phiếu chưa đáo hạn, các quyền chưa thực hiện của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi...)*

16. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới tổ chức đăng ký niêm yết có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết

17. Thông tin về cam kết của tổ chức đăng ký niêm yết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của tổ chức đăng ký niêm yết trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất (nếu có). *Trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết là công ty mẹ, kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm kết quả kinh doanh hợp nhất và của công ty mẹ, trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên báo cáo tài chính tổng hợp.*

Chỉ tiêu	Năm X-2	Năm X-1	% tăng/ giảm	Lũy kế đến quý gần nhất
** Đối với tổ chức đăng ký niêm yết không phải là tổ chức tín dụng:* - Tổng giá trị tài sản - Doanh thu thuần - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh - Lợi nhuận khác - Lợi nhuận trước thuế - Lợi nhuận sau thuế; - Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức ** Đối với tổ chức đăng ký niêm yết là tổ chức tín dụng:* - Tổng giá trị tài sản - Doanh thu thuần hoặc thu nhập lãi thuần - Tổng thu nhập hoạt động - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng - Lợi nhuận trước thuế - Lợi nhuận sau thuế - Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức				

- Các chỉ tiêu khác *(Tổ chức đăng ký niêm yết nêu các chỉ tiêu để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh căn cứ theo đặc điểm ngành hoạt động)*;

- Ý kiến của tổ chức kiểm toán *(nếu có)*.

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của tổ chức đăng ký niêm yết

- Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của tổ chức đăng ký niêm yết trong năm báo cáo *(nêu những sự kiện bất thường (nếu có); trường hợp tình hình hoạt động kinh doanh biến động lớn, phân tích nguyên nhân).*

- Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức đăng ký niêm yết kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất, trường hợp không có cần nêu rõ.

2. Tình hình tài chính

(Tổ chức đăng ký niêm yết nêu các chỉ tiêu để làm rõ về tình hình tài chính căn cứ theo đặc điểm ngành hoạt động)

2.1. Đối với tổ chức đăng ký niêm yết không phải là tổ chức tín dụng

2.1.1. Các chỉ tiêu cơ bản *(nêu các chỉ tiêu trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết)*

- Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh;

- Trích khấu hao tài sản cố định *(nêu phương pháp trích khấu hao, những thay đổi trong chính sách khấu hao, việc tuân thủ theo chế độ quy định)*;

- Mức lương bình quân *(so sánh với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành trong cùng địa bàn, nêu nguồn cung cấp thông tin và số liệu công bố)*;

- Tình hình công nợ *(tổng số nợ phải thu, tổng số nợ phải trả)*;

- Các khoản phải thu, trường hợp có các khoản phải thu quá hạn, nêu giá trị, thời gian quá hạn, nguyên nhân, đánh giá khả năng thu hồi;

- Các khoản phải trả:

+ Nợ ngắn hạn, nợ dài hạn;

+ Tình hình thanh toán các khoản nợ:

• Có thanh toán, đầy đủ, đúng hạn lãi và gốc không;

• Trường hợp quá hạn, nêu giá trị, thời gian quá hạn, nguyên nhân, đánh giá khả năng thanh toán;

• Trường hợp vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng/cam kết, nêu thông tin cụ thể, nguyên nhân và giải pháp khắc phục *(bao gồm các vi phạm của tổ chức đăng ký niêm yết và công ty con, nếu có).*

+ Trái phiếu chưa đáo hạn *(nêu thông tin trái phiếu theo từng đợt phát hành bao gồm giá trị, lãi suất, thời điểm phát hành, kỳ hạn, thời hạn chuyển đổi, các điều khoản quan trọng khác, nếu có).*

- Các khoản phải nộp theo luật định *(nêu giá trị, việc tuân thủ theo quy định pháp luật)*;

- Trích lập các quỹ *(nêu giá trị, việc tuân thủ theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty)*;

- Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất, trường hợp không có cần nêu rõ.

2.1.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu *(Trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết là công ty mẹ, nêu các chỉ tiêu tài chính của công ty mẹ và hợp nhất, trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, các chỉ tiêu tài chính dựa trên báo cáo tài chính tổng hợp)*

Chỉ tiêu	Năm X - 2	Năm X - 1	Ghi chú
1. Khả năng thanh toán - Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn - Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn			
2. Cơ cấu vốn - Hệ số Nợ/Tổng tài sản - Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu			
3. Năng lực hoạt động - Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân - Vòng quay vốn lưu động: Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân - Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
4. Khả năng sinh lời - Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần - Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA) Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân - Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân - Thu nhập trên cổ phần (EPS)			

2.2. Đối với tổ chức đăng ký niêm yết là tổ chức tín dụng

2.2.1. Các chỉ tiêu cơ bản *(nêu các chỉ tiêu trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết)*

- Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh;

- Trích khấu hao tài sản cố định *(nêu phương pháp trích khấu hao, những thay đổi trong chính sách khấu hao, việc tuân thủ theo chế độ quy định)*;

- Mức lương bình quân *(so sánh với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành trong cùng địa bàn, nêu nguồn cung cấp thông tin và số liệu công bố)*;

- Tình hình công nợ *(tổng số nợ phải thu, tổng số nợ phải trả)*;

- Trái phiếu chưa đáo hạn *(nêu thông tin trái phiếu theo từng đợt phát hành bao gồm giá trị, lãi suất, thời điểm phát hành, kỳ hạn, thời hạn chuyển đổi, các điều khoản quan trọng khác, nếu có)*;

- Các khoản phải nộp theo luật định *(nêu giá trị, việc tuân thủ theo quy định pháp luật)*;

- Trích lập các quỹ *(nêu giá trị, việc tuân thủ theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty)*;

- Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất, trường hợp không có cần nêu rõ.

2.2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu *(Trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết là công ty mẹ, nêu các chỉ tiêu tài chính của công ty mẹ và hợp nhất, trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, các chỉ tiêu tài chính dựa trên báo cáo tài chính tổng hợp)*

Chỉ tiêu	Năm X-2	Năm X-1	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về vốn - Vốn điều lệ - Vốn tự có - Tỷ lệ an toàn vốn			
2. Chất lượng tài sản - Tỷ lệ nợ quá hạn - Tỷ lệ nợ xấu - (Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản - Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng			
3. Khả năng thanh khoản - Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân - Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn - Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi			
4. Kết quả hoạt động kinh doanh - Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân - Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân - Thu nhập lãi cận biên (NIM) - Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA) Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân - Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)			

Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân - Thu nhập trên cổ phần (EPS) - Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập - Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế			

(Tổ chức tín dụng xác định các chỉ tiêu nêu trên áp dụng theo các quy định, hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

3. Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết

- Ý kiến của tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của tổ chức đăng ký niêm yết *(trường hợp ý kiến kiểm toán là ý kiến ngoại trừ, tổ chức đăng ký niêm yết nêu nội dung giải trình về ảnh hưởng của việc ngoại trừ đã được tổ chức kiểm toán xác nhận)*;

- Ý kiến của tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán/soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm đăng ký niêm yết của tổ chức đăng ký niêm yết *(nếu có) (trường hợp ý kiến kiểm toán/soát xét là ý kiến ngoại trừ, tổ chức đăng ký niêm yết nêu nội dung giải trình về ảnh hưởng của việc ngoại trừ đã được tổ chức kiểm toán xác nhận)*

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Chỉ tiêu	**Năm X...**	
	Kế hoạch	**% tăng/giảm so với năm trước**
Doanh thu thuần hoặc thu nhập lãi thuần		
Lợi nhuận sau thuế		
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần hoặc thu nhập lãi thuần		
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân		
Tỷ lệ cổ tức		

- Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch nêu trên *(Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị ...)*

- Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và tỷ lệ cổ tức nêu trên *(nêu thông tin một cách cẩn trọng và hợp lý trên cơ sở các hợp đồng, hoạt động kinh doanh, đầu tư đang thực hiện và dự kiến triển khai... phù hợp với các quy định và chính sách kế toán mà tổ chức đăng ký niêm yết đang áp dụng)*;

- Đánh giá của tổ chức tư vấn *(và tổ chức kiểm toán độc lập, nếu có)* về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC), PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC (PHÓ GIÁM ĐỐC), KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập *(trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết có cổ đông sáng lập đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng)*

- *Đối với cổ đông là cá nhân:* Tên, năm sinh, quốc tịch;

- *Đối với cổ đông là tổ chức:* Tên, năm thành lập, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương, quốc tịch, địa chỉ trụ sở chính, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật *(tên, chức vụ)*, người đại diện theo ủy quyền tại tổ chức đăng ký niêm yết *(tên, chức vụ);*

- Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ theo từng loại *(trong đó nêu số lượng và tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết, cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng, cổ phần ưu đãi khác)* của cổ đông sáng lập tại thời điểm thành lập doanh nghiệp, hiện tại và dự kiến sau khi chuyển đổi/thực hiện quyền;

- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết *(nếu có).*

2. Thông tin về cổ đông lớn

- *Đối với cổ đông là cá nhân:* Tên, năm sinh, quốc tịch;

- *Đối với cổ đông là tổ chức:* Tên, năm thành lập, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương, quốc tịch, địa chỉ trụ sở chính, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật *(tên, chức vụ)*, người đại diện theo ủy quyền tại tổ chức đăng ký niêm yết *(tên, chức vụ);*

- Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và những người có liên quan của họ tại thời điểm trở thành cổ đông lớn, hiện tại và dự kiến sau khi chuyển đổi/thực hiện quyền;

- Đối với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của tổ chức đăng ký niêm yết và những người có liên quan của họ: nêu thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết với các đối tượng này *(loại giao dịch, giá trị giao dịch, các điều khoản quan trọng khác; cấp có thẩm quyền chấp thuận);*

- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết *(nếu có);*

- Trường hợp cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức đăng ký niêm yết hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức đăng ký niêm yết, nêu các thông tin sau:

+ Tên của doanh nghiệp;

+ Hoạt động chính của doanh nghiệp *(đối với những hoạt động kinh doanh mang tính cạnh tranh với tổ chức đăng ký niêm yết, phân tích về phân khúc khách hàng mục tiêu, địa bàn hoạt động, sản phẩm, dịch vụ);*

+ Mối quan hệ của cổ đông lớn của tổ chức đăng ký niêm yết và những người có liên quan của họ với doanh nghiệp *(số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần/phần vốn góp, chức vụ đang nắm giữ tại doanh nghiệp ...);*

+ Phương án kiểm soát xung đột lợi ích.

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng

- Tên, năm sinh, quốc tịch;

- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn, kinh nghiệm công tác;

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết *(nêu thông tin về thời gian, chức vụ nắm giữ);*

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác *(nêu thông tin về thời gian, chức vụ nắm giữ);*

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức đăng ký niêm yết của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ;

- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức đăng ký niêm yết;

- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa tổ chức đăng ký niêm yết, công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, công ty do tổ chức đăng ký niêm yết nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ *(loại giao dịch, giá trị giao dịch, các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng; cấp có thẩm quyền chấp thuận);*

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác *(tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...)* trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại.

- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết *(nếu có);*

- Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức đăng ký niêm yết hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức đăng ký niêm yết, nêu các thông tin sau:

+ Tên của doanh nghiệp;

+ Hoạt động chính của doanh nghiệp *(đối với những hoạt động kinh doanh mang tính cạnh tranh với tổ chức đăng ký niêm yết, phân tích về phân khúc khách hàng mục tiêu, địa bàn hoạt động, sản phẩm, dịch vụ);*

+ Mối quan hệ của các đối tượng này và những người có liên quan của họ với doanh nghiệp *(số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần/phần vốn góp, chức vụ đang nắm giữ tại doanh nghiệp...);*

+ Phương án kiểm soát xung đột lợi ích.

VII. TRÁI PHIẾU ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tên trái phiếu

2. Loại trái phiếu

3. Mệnh giá

4. Tổng số trái phiếu đăng ký niêm yết: *Nêu rõ số lượng trái phiếu đã phát hành nhưng chưa được niêm yết và lý do chưa niêm yết (nếu có)*

5. Tổng giá trị trái phiếu đăng ký niêm yết theo mệnh giá

6. Kỳ hạn trái phiếu

7. Ngày phát hành

8. Thời hạn chuyển đổi/thực hiện quyền

9. Lãi suất

10. Kỳ hạn trả lãi

11. Quyền của người sở hữu trái phiếu

- Quyền cơ bản của người sở hữu trái phiếu;

- Trường hợp thay đổi quyền của người sở hữu trái phiếu.

12. Việc mua lại trái phiếu trước hạn

13. Phương pháp tính giá

14. Phương pháp tính lợi suất khi đáo hạn *(công thức tính kèm theo ví dụ minh họa)*

15. Phương thức thực hiện quyền

- Điều kiện, thời gian thực hiện quyền

- Tỷ lệ chuyển đổi, thực hiện quyền và phương pháp tính giá chuyển đổi, giá phát hành. Trường hợp giá chuyển đổi, giá phát hành để thực hiện quyền thấp hơn mệnh giá, nêu thông tin về thặng dư vốn để bù đắp phần thặng dư âm phát sinh do phát hành cổ phiếu dưới mệnh giá;

- Kế hoạch phát hành cổ phiếu trong thời gian trái phiếu chưa đáo hạn và phương án thực hiện quyền điều chỉnh *(nếu có)*;

- Phương pháp tính và đền bù thiệt hại trong trường hợp không thực hiện được quyền;

- Các điều khoản khác liên quan đến quyền của người sở hữu chứng quyền.

16. Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với trái phiếu niêm yết *(sử dụng số liệu lạm phát trong vòng 05 năm để dự báo tác động của lạm phát với lợi suất trái phiếu)*

17. Thông tin về các cam kết

- Cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức đăng ký niêm yết đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;

- Cam kết khác *(nếu có)*.

18. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài *(theo quy định của pháp luật về chứng khoán và pháp luật chuyên ngành nếu có)*

19. Các loại thuế có liên quan *(thuế thu nhập và các thuế khác liên quan đến trái phiếu niêm yết)*

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

(Nêu tên, địa chỉ trụ sở chính và giới thiệu sơ bộ các đối tác có liên quan đến việc đăng ký niêm yết: tổ chức kiểm toán, tổ chức tư vấn (nếu có) ...)

IX. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Sổ đăng ký người sở hữu trái phiếu của tổ chức đăng ký niêm yết được lập trong thời hạn 01 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết

2. Phụ lục II: Các phụ lục khác *(nếu có)*.

TẤT CẢ CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 29Đ

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU CỦA TỔ CHỨC TÀI CHÍNH QUỐC TẾ TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

(trang bìa)

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

TỔ CHỨC TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN ...

(Quyết định đăng ký niêm yết số …… /SGD...-QĐ do ..... cấp ngày ... tháng... năm ...)

Bản cáo bạch này và các phụ lục sẽ được cung cấp tại: ..... từ ngày .....

Thông tin người liên hệ của tổ chức tài chính quốc tế tại Việt Nam:

Họ tên: ……

Chức vụ: .....

Số điện thoại: .....

(trang bìa)

TỔ CHỨC TÀI CHÍNH QUỐC TẾ .....

NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN ...

Tên trái phiếu:

Loại trái phiếu:

Mã trái phiếu:

Mệnh giá trái phiếu:

Tổng số lượng trái phiếu đăng ký niêm yết:

Tổng giá trị trái phiếu đăng ký niêm yết theo mệnh giá:

Lãi suất:

Kỳ hạn trái phiếu:

Ngày phát hành:

Ngày đáo hạn:

THÔNG TIN CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN
(Trường hợp có các tổ chức có liên quan nêu tên, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax)

MỤC LỤC

Trang

I. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung Bản cáo bạch

II. Các nhân tố rủi ro

III. Các khái niệm

IV. Tình hình và đặc điểm của Tổ chức đăng ký niêm yết

V. Trái phiếu đăng ký niêm yết

VI. Các đối tác liên quan tới việc đăng ký niêm yết

VII. Phụ lục

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức đăng ký niêm yết

Ông/Bà: ..... Chức vụ: .....

Ông/Bà: ..... Chức vụ: .....

Ông/Bà: ..... Chức vụ: .....

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn *(nếu có)*

Đại diện theo pháp luật (hoặc đại diện được ủy quyền): Ông/Bà: ... Chức vụ: .....

Theo Giấy ủy quyền số ... ngày... tháng ... năm ... của người đại diện theo pháp luật *(trường hợp đại diện được ủy quyền).*

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết trái phiếu do ..... *(tên tổ chức tư vấn)* tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số ... ngày ... tháng ... năm ... *(Hợp đồng tư vấn)* với ..... *(tên tổ chức đăng ký niêm yết)*. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do ..... *(tên tổ chức đăng ký niêm yết)* cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

2. Rủi ro về luật pháp

3. Rủi ro đặc thù

4. Rủi ro khác *(thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh...)*

III. CÁC KHÁI NIỆM

(Những từ, nhóm từ viết tắt, thuật ngữ chuyên ngành, kỹ thuật; những từ, nhóm từ khó hiểu có thể gây hiểu lầm trong Bản cáo bạch cần phải được giải thích)

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Thông tin chung về tổ chức đăng ký niêm yết

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của tổ chức đăng ký niêm yết

3. Hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính

(Tổ chức đăng ký niêm yết nêu các nội dung để làm rõ về hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính căn cứ theo đặc điểm ngành hoạt động)

4. Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành tại Việt Nam trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại *(nếu có)*

5. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành đối với các trái phiếu đã phát hành tại Việt Nam trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại *(nếu có)*

V. TRÁI PHIẾU ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1 Tên trái phiếu

2. Loại trái phiếu

3. Mệnh giá trái phiếu

4. Tổng số trái phiếu đăng ký niêm yết: *Nêu rõ số lượng trái phiếu đã phát hành nhưng chưa được niêm yết và lý do chưa niêm yết (nếu có)*

5.Tổng giá trị trái phiếu đăng ký niêm yết *(theo mệnh giá)*

6. Kỳ hạn trái phiếu

7. Ngày phát hành

8. Ngày đáo hạn trái phiếu

9. Lãi suất

10. Kỳ hạn trả lãi, trả gốc

11. Ngày trả lãi đầu tiên

12. Thứ tự ưu tiên thanh toán trái phiếu

13. Xếp hạng tín nhiệm *(nếu có)*

14. Quyền của người sở hữu trái phiếu

- Quyền cơ bản của người sở hữu trái phiếu;

- Trường hợp thay đổi quyền của người sở hữu trái phiếu.

15. Đại diện người sở hữu trái phiếu *(nếu có)*

16. Việc mua lại trái phiếu trước hạn

17. Phương pháp tính giá

18. Phương pháp tính lợi suất khi đáo hạn *(công thức tính kèm theo ví dụ minh họa)*

19. Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với trái phiếu niêm yết *(sử dụng số liệu lạm phát trong vòng 05 năm để dự báo tác động của lạm phát với lợi suất trái phiếu)*

20. Các loại thuế có liên quan *(thuế thu nhập và các thuế khác liên quan đến trái phiếu niêm yết)*

21. Thông tin về các cam kết

- Cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ chức đăng ký niêm yết đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;

- Cam kết khác *(nếu có)*.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

(Nêu tên, địa chỉ trụ sở chính và giới thiệu sơ bộ các đối tác có liên quan đến việc đăng ký niêm yết: đại diện người sở hữu trái phiếu (nếu có), tổ chức tư vấn (nếu có) ...)

VII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Sổ đăng ký người sở hữu trái phiếu của tổ chức đăng ký niêm yết được lập trong thời hạn 01 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết

2. Phụ lục II: Các Phụ lục khác *(nếu có)*

TẤT CẢ CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Mẫu số 31

TÊN CÔNG TY	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
———	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……/…….	*……, ngày ... tháng ... năm ……*

GIẤY ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN

Chứng khoán.... (Tên chứng khoán)

Mã chứng khoán: ……..

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán .....

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tên tổ chức niêm yết (đầy đủ): .....
2. Tên tiếng Anh: .....
3. Tên viết tắt: .....
4. Vốn điều lệ:

- Vốn điều lệ thực góp trước khi thay đổi: ..... đồng.
- Vốn điều lệ thực góp sau khi thay đổi: ..... đồng.

5. Địa chỉ trụ sở chính: .....
6. Điện thoại: ..... Fax: ..... Website: .....
7. Nơi mở tài khoản: .....
8. Số hiệu tài khoản: .....
9. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp....do ..... cấp lần đầu ngày ….., cấp thay đổi lần thứ.... ngày.... hoặc Giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương *(nêu thông tin thay đổi lần gần nhất).*

- Ngành nghề kinh doanh chính: ..... Mã ngành: .....
- Sản phẩm/dịch vụ chính: .....

10. Giấy phép thành lập và hoạt động *(nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành)*:……
11. Nguồn vốn chủ sở hữu (tại thời điểm ….): ..... đồng.
12. Cơ cấu vốn cổ phần sau khi thay đổi tăng/giảm cổ phiếu: Dựa trên cơ cấu vốn tại thời điểm: .....

TT	Danh mục	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước					
2	Cổ đông sáng lập/cổ đông FDI					
3	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% cp trở lên)					
4	Công đoàn Công ty					
5	Cổ phiếu quỹ					
6	Cổ đông khác					
Tổng cộng						
Trong đó: - Trong nước						
- Nước ngoài						

(*): nêu số lượng tổ chức, cá nhân của từng loại hình.

II. LÝ DO THAY ĐỔI TĂNG/GIẢM SỐ LƯỢNG CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT:

III. CHỨNG KHOÁN THAY ĐỔI ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tên chứng khoán: .....

2. Mã chứng khoán: .....

3. Loại chứng khoán: .....

4. Mệnh giá chứng khoán: ..... đồng/chứng khoán

5. Số lượng chứng khoán thay đổi đăng ký niêm yết: ..... chứng khoán

6. Số lượng chứng khoán thay đổi không đăng ký niêm yết *(nếu có)*: ... chứng khoán

7. Thời gian dự kiến niêm yết: .....

8. Số lượng, tỷ lệ chứng khoán do cổ đông nước ngoài nắm giữ trong tổng số lượng chứng khoán thay đổi đăng ký niêm yết:

- Số lượng: .....

- Tỷ lệ: .....

IV. CHỨNG KHOÁN SAU KHI THAY ĐỔI ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tên chứng khoán: .....

2. Mã chứng khoán: .....

3. Loại chứng khoán: .....

4. Mệnh giá chứng khoán: ..... đồng/chứng khoán

5. Tổng số lượng chứng khoán niêm yết sau khi thay đổi đăng ký niêm yết: ..... chứng khoán

6. Tỷ lệ chứng khoán niêm yết sau khi thay đổi đăng ký niêm yết trên tổng số chứng khoán đang lưu hành: .....%

7. Tổng số lượng chứng khoán không đăng ký niêm yết sau khi thay đổi đăng ký niêm yết: ..... chứng khoán

8. Số lượng, tỷ lệ chứng khoán do cổ đông nước ngoài nắm giữ trong tổng số lượng chứng khoán sau khi thay đổi đăng ký niêm yết:

- Số lượng: .....

- Tỷ lệ: .....

V. CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

1. Tổ chức tư vấn

- Địa chỉ trụ sở chính: .....

- Điện thoại: ..... Fax: ..... Website: .....

2. Tổ chức bảo lãnh phát hành

- Địa chỉ trụ sở chính: .....

- Điện thoại: ..... Fax: ..... Website: .....

3. Tổ chức kiểm toán

- Địa chỉ trụ sở chính: .....

- Điện thoại: ..... Fax: ..... Website: .....

VI. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

Chúng tôi đảm bảo các thông tin và số liệu trình bày trong hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết của chúng tôi là đầy đủ, chính xác và trung thực. Chúng tôi cam kết thực hiện nghiêm chỉnh mọi nghĩa vụ của tổ chức niêm yết cũng như các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm cam kết nêu trên.

Hồ sơ gửi kèm:
(Liệt kê các tài liệu đi kèm)

....., ngày... tháng.... năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 31A

TÊN CÔNG TY	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
———	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……/…….	*……, ngày ... tháng ... năm ……*

GIẤY ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NIÊM YẾT CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

Chứng quyền .... *(Tên chứng quyền)*

Mã chứng quyền: ....

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán .....

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC NIÊM YẾT:

1. Tên tổ chức niêm yết (đầy đủ): .....

2. Tên giao dịch: .....

3. Địa chỉ trụ sở chính: .....

4. Điện thoại: ..... Fax: ..... Website: .....

5. Vốn điều lệ: ..... đồng.

6. Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số: ..... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ... tháng ... năm .....

II. LÝ DO THAY ĐỔI TĂNG/GIẢM SỐ LƯỢNG CHỨNG QUYỀN ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT:

.....

(Ghi rõ lý do thuộc khoản, Điều nào quy định trong Nghị định)

** Trường hợp đăng ký thay đổi niêm yết giảm một phần chứng quyền theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 119a Nghị định số 155/2020/NĐ-CP thì bổ sung các thông tin sau:*

- Số lượng chứng quyền chưa lưu hành có thời gian đến ngày đáo hạn ít hơn 02 tháng: .....chứng quyền (tại ngày.....)

- Số lượng chứng quyền đang lưu hành: .....chứng quyền (tại ngày.....)

- Tỷ lệ giữa số lượng chứng quyền đang lưu hành/số lượng chứng quyền đã phát hành: .....

** Trường hợp đăng ký thay đổi niêm yết giảm một phần chứng quyền theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 119a Nghị định số 155/2020/NĐ-CP thì bổ sung các thông tin sau:*

- Số lượng chứng quyền còn lại chưa lưu hành (sau khi giảm số lượng chứng quyền niêm yết): ……chứng quyền

- Tỷ lệ số chứng quyền còn lại chưa lưu hành (sau khi giảm số lượng chứng quyền niêm yết)/số chứng quyền đã phát hành: ……..

III. CHỨNG QUYỀN THAY ĐỔI ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT:

1. Loại chứng khoán: chứng quyền có bảo đảm

2. Tên chứng quyền:... .....

3. Mã chứng quyền:..... được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy Chứng nhận chào bán số:..... ngày.....tháng.... năm....

(Liệt kê Giấy chứng nhận chào bán gần nhất)

4. Tên Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: .....

5. Mã chứng khoán cơ sở: .....

6. Ngày bắt đầu chào bán (lần đầu): .....

Thời hạn: ..... tháng

Ngày đáo hạn: .....

7. Giá thực hiện: ..... đồng *(* Trường hợp thay đổi giảm)*

** Trường hợp thay đổi tăng:*

Tại Thông báo phát hành (bổ sung): ..... đồng

Tại thời điểm đăng ký thay đổi niêm yết: ..... đồng

8. Tỷ lệ chuyển đổi: ..... *(* Trường hợp thay đổi giảm)*

** Trường hợp thay đổi tăng:*

Tại Thông báo phát hành (bổ sung): .....

Tại thời điểm đăng ký thay đổi niêm yết: .....

9. Giá chào bán lần đầu: ..... đồng/chứng quyền

10. Giá chào bán bổ sung: ..... đồng/chứng quyền

11. Ngày bắt đầu chào bán bổ sung: .....

12. Ngày hoàn thành chào bán bổ sung: .....

13. Kết quả chào bán bổ sung chứng quyền:

Đối tượng mua chứng quyền	**Giá chào bán (đồng/ chứng quyền**	**Số lượng chứng quyền chào bán**	**Số lượng chứng quyền đăng ký mua**	**Số lượng chứng quyền được phân phối**	**Số người đăng ký mua**	**Số người được phân phối**	**Số chứng quyền chưa phân phối**	**Tỷ lệ chứng quyền phân phối**
1. Nhà đầu tư cá nhân, trong đó: - Nhà đầu tư trong nước - Nhà đầu tư nước ngoài								
2. Nhà đầu tư có tổ chức, trong đó: - Nhà đầu tư trong nước - Nhà đầu tư nước ngoài								
Tổng số								

14. Số lượng chứng quyền đã phát hành: .....

15. Số lượng chứng quyền niêm yết trước khi thay đổi đăng ký niêm yết: .....

16. Số lượng chứng quyền thay đổi đăng ký niêm yết *(tăng/giảm)*: ..... chứng quyền (.....*bằng chữ*) *(ghi rõ là tăng hay giảm)*

17. Số lượng chứng quyền niêm yết sau khi thay đổi đăng ký niêm yết: ..... chứng quyền

(Các mục từ 12 đến 15 áp dụng cho trường hợp thay đổi tăng)*

IV. CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN:

1. Ngân hàng nhận ký quỹ tài sản bảo đảm thanh toán/bảo lãnh thanh toán: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Website: .....

2. Các bên có liên quan khác *(nếu có)*:.....

V. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT:

Chúng tôi đảm bảo các thông tin và số liệu trình bày trong hồ sơ đăng ký thay đổi niêm yết của chúng tôi là đầy đủ, chính xác và trung thực. Trường hợp đăng ký thay đổi niêm yết do hủy một phần, chúng tôi cam kết duy trì số lượng chứng quyền chưa lưu hành tối thiểu đảm bảo đủ số lượng đăng ký hủy một phần và số lượng cho hoạt động tạo lập thị trường cho đến ngày hiệu lực của Quyết định thay đổi niêm yết từ Sở Giao dịch Chứng khoán.

Chúng tôi cam kết thực hiện nghiêm chỉnh mọi nghĩa vụ của tổ chức phát hành cũng như các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm cam kết nêu trên.

Hồ sơ gửi kèm:
(Liệt kê đầy đủ)

....., ngày..... tháng..... năm .....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 31B

TÊN CÔNG TY	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
———	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: .../.....	*....., ngày ... tháng ... năm .....*

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐIỀU CHỈNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổ chức phát hành: .....

Tên chứng quyền: .....

Mã chứng quyền: .....

Mã chứng khoán cơ sở: .....

Loại chứng quyền: [ ] Mua [ ] Bán

Kiểu thực hiện: Châu Âu

Phương thức thanh toán thực hiện quyền: thanh toán tiền

Thời hạn:..... ngày

Ngày đáo hạn: .....

Ngày thực hiện điều chỉnh (*) (ghi rõ ngày): .....

(*) Là ngày giao dịch không hưởng quyền của tài sản cơ sở

- Lý do điều chỉnh:

Giá thực hiện cũ	(1)	
Tỷ lệ chuyển đổi cũ	(2)	
Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền	(3)	
Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền	(4)	
Giá thực hiện mới	(5) = (1) x [(4)/(3)]	
Tỷ lệ chuyển đổi mới	(6) = (2) x [(4)/(3)]	

Công ty cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

(Nguyên tắc làm tròn: Giá thực hiện mới sau điều chỉnh được làm tròn đến đơn vị đồng, tỷ lệ chuyển đổi mới sau điều chỉnh được làm tròn đến 4 chữ số thập phân sau dấu phẩy).

Tài liệu đính kèm:
(Liệt kê đầy đủ)

....., ngày..... tháng..... năm .....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 32

TỔ CHỨC NIÊM YẾT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:.....	*..., ngày... tháng... năm.....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ HỦY NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán.....

1. Tên tổ chức đề nghị hủy niêm yết chứng khoán: .....
2. Tên tiếng Anh: .....
3. Tên viết tắt: .....
4. Địa chỉ trụ sở chính: .....
5. Điện thoại: ..... Fax: ..... Website: .....
6. Vốn điều lệ: ..... đồng.

Đã được chấp thuận niêm yết theo Quyết định số.... ngày.... tháng... năm.... của ...

Nay Công ty chúng tôi muốn đăng ký hủy niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán..... với nội dung sau:

7. Tên chứng khoán: .....
8. Mã chứng khoán: .....
9. Loại chứng khoán: .....
10. Mệnh giá: .....
11. Số lượng chứng khoán đăng ký hủy niêm yết: .....
12. Tổng giá trị chứng khoán đăng ký hủy niêm yết: .....
13. Lý do hủy niêm yết: .....
14. Ngày dự kiến hủy niêm yết: .....

Kính đề nghị Sở Giao dịch Chứng khoán..... hoàn tất các thủ tục để hủy niêm yết chứng khoán của Công ty..... Chúng tôi cam kết sẽ tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan.

TỔ CHỨC

(Người đại diện theo pháp luật)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 38

TÊN CÔNG TY
———

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../.....

....., ngày ... tháng ... năm .....

THÔNG BÁO TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA TẠI CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Căn cứ Nghị định số ..... ngày .....tháng ....năm .....

Chúng tôi là:

Công ty: ..... Mã chứng khoán: .....

Website: .....

Địa chỉ liên lạc: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

Xin thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài (SHNN) tối đa tại Công ty là:.....%

Lý do: *(Nêu rõ lý do theo quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 hoặc khoản 3 Điều 141 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP)*

STT	Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1						
...						
(Liệt kê đầy đủ tất cả ngành nghề của Công ty)						
Tỷ lệ SHNN tối đa tại Công ty là ...%						

Chúng tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ này.

Các tài liệu, thông tin gửi kèm:
- Liệt kê đầy đủ các tài liệu gửi kèm;
- Đối với các tài liệu đã công bố thông tin trên Hệ thống Công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp: Liệt kê đầy đủ đường link công bố thông tin trên trang công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các tài liệu này hoặc đường link thông tin về ngành nghề đăng ký kinh doanh của công ty đại chúng trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 39

TÊN CÔNG TY	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
———	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: .../.....	*....., ngày ... tháng ... năm .....*

THÔNG BÁO THAY ĐỔI TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA TẠI CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Căn cứ Nghị định số .....ngày .... tháng .....năm .....

Chúng tôi là:

Công ty: ..... Mã chứng khoán: .....

Website: .....

Địa chỉ liên lạc: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

Xin thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài (SHNN) tối đa tại Công ty như sau:

- Tỷ lệ SHNN tối đa *(trước khi thay đổi)*: .....%
- Tỷ lệ SHNN tối đa điều chỉnh theo quy định pháp luật:.....%
- Lý do điều chỉnh tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: .....

(Nêu rõ lý do thay đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 141 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP; điểm b khoản 4 Điều 3 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP).

STT	Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa (nếu có)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (Công ty đại chúng thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 3 Nghị định số .../2025/NĐ-CP)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1								
2								
...								
(Liệt kê đầy đủ tất cả ngành nghề của Công ty)								
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là ...%								

Chúng tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ này.

Các tài liệu, thông tin gửi kèm:
- Liệt kê đầy đủ các tài liệu gửi kèm;
- Đối với các tài liệu đã công bố thông tin trên Hệ thống Công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp: Liệt kê đầy đủ đường link công bố thông tin trên trang công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các tài liệu này hoặc đường link thông tin về ngành nghề đăng ký kinh doanh của công ty đại chúng trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 41

GIẤY ĐĂNG KÝ MÃ SỐ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Kính gửi: [Tên thành viên lưu ký]

I. ĐỐI VỚI TỔ CHỨC

1 Tên: .....
2. Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:.....
3. Ngày thành lập: .....
4. Quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nơi đăng ký hoạt động:.....
5. Địa chỉ trụ sở chính: .....
6. Điện thoại/Fax/Email: .....
7. Loại hình tổ chức: .....

□ Quỹ đầu tư	□ Không phải là quỹ đầu tư
Loại hình □ Quỹ mở dạng pháp nhân □ Quỹ mở dạng hợp đồng □ Quỹ tín thác □ Quỹ thành viên/quỹ tư nhân □ Quỹ hưu trí □ Quỹ đóng □ Quỹ ETF, Quỹ chỉ số □ Quỹ của quỹ □ Quỹ mẹ - con □ Quỹ được quản lý bởi nhiều công ty quản lý quỹ □ Loại hình khác (ghi rõ) _____	Loại hình □ Ngân hàng thương mại □ Ngân hàng đầu tư □ Công ty bảo hiểm □ Công ty chứng khoán □ Công ty quản lý quỹ □ Chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam □ Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều 143 Nghị định này □ Tổ chức đầu tư thuộc chính phủ nước ngoài; tổ chức đầu tư, tài chính thuộc tổ chức quốc tế mà Việt Nam là thành viên □ Tổ chức được quản lý bởi nhiều công ty quản lý quỹ □ Tổ chức phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài □ Loại hình khác (ghi rõ) _____
Kê khai tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều 143 Nghị định này. Tổng số lượng cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài:...	

Tỷ lệ cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài/tổng số lượng cổ phần: …

Trường hợp là quỹ con, quỹ quản lý bởi nhiều công ty quản lý quỹ, tổ chức đã được cấp mã số giao dịch chứng khoán, bổ sung thêm các thông tin sau: - Mã số giao dịch chứng khoán của tổ chức liên quan theo quy định (nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan); - Mối quan hệ giữa tổ chức đăng ký mã số giao dịch chứng khoán và tổ chức đã có mã số giao dịch chứng khoán: □ Quỹ con □ Quỹ được tài trợ từ một quỹ □ Quỹ/tổ chức quản lý bởi nhiều công ty quản lý quỹ □ Quỹ quản lý bởi cùng một công ty quản lý quỹ □ Quỹ có cùng một đại diện giao dịch □ Tổ chức đầu tư thuộc chính phủ nước ngoài; tổ chức đầu tư, tài chính thuộc tổ chức quốc tế mà Việt Nam là thành viên □ Loại hình quan hệ khác (ghi rõ) _____	Trường hợp là công ty chứng khoán/công ty quản lý quỹ, bổ sung thêm các thông tin sau: □ Mã số cho hoạt động giao dịch của chính công ty. □ Mã số cho hoạt động giao dịch của khách hàng của công ty. Trường hợp công ty chứng khoán/công ty quản lý quỹ/công ty mẹ/bộ phận kinh doanh độc lập của một tổ chức đã được cấp một mã số giao dịch chứng khoán, đề nghị cung cấp thông tin về: - Mã số đã được cấp. - Mối quan hệ giữa tổ chức đăng ký mã số giao dịch chứng khoán và tổ chức đã có mã số giao dịch chứng khoán: □ Là công ty con □ Là công ty trong cùng tập đoàn □ Loại hình quan hệ khác (ghi rõ)_____

8. Thông tin về nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan của tổ chức đề nghị cấp mã số giao dịch chứng khoán (nếu có) a) Người có liên quan theo quy định về nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan - Tên: .....Mã số giao dịch chứng khoán - Tên: .....Mã số giao dịch chứng khoán b) Người có liên quan theo quy định về nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan - Tên: .....Mã số giao dịch chứng khoán - Tên: .....Mã số giao dịch chứng khoán
9. Phương án kinh doanh tại Việt Nam: □ Dài hạn □ Ngắn hạn Quy mô vốn tối đa dự kiến đầu tư:

Thời hạn dự kiến đầu tư:

Cơ cấu tài sản dự kiến:

Công cụ	Trái phiếu			Cổ phiếu		Bất động sản	Các công cụ khác
Kỳ hạn	Ngắn hạn (<1 năm)	Trung hạn (1 - 2 năm)	Dài hạn (>2 năm)	Niêm yết	Chưa niêm yết		
Phân bổ tài sản (%)							

10. Cam kết: (có hiệu lực kể từ ngày ký)

10.1. Trên cơ sở các quy định tại Điều lệ Công ty/Giấy phép thành lập hoặc các tài liệu tương đương, chiến lược đầu tư và giao dịch của chúng tôi nhằm mục đích sau:

□ Đầu tư □ Đầu cơ

10.2. Chúng tôi cam đoan rằng những thông tin nêu trên cùng nội dung của toàn bộ hồ sơ và các tài liệu kèm theo là hoàn toàn chính xác, trung thực. Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về các thông tin kê khai này.

10.3. Chúng tôi xin cam kết tuân thủ các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán tại Việt Nam, chúng tôi sẽ không có các hành vi giao dịch trái luật làm ảnh hưởng tới sự công bằng và trật tự thị trường tài chính, thị trường chứng khoán của Việt Nam.

11. Trường hợp quỹ, tổ chức thuộc trường hợp được cấp nhiều mã số giao dịch đăng ký mã số giao dịch chứng khoán cho danh mục đầu tư mà tổ chức tự quản lý:

□ Chúng tôi cam kết mã số giao dịch này dành cho danh mục đầu tư mà chúng tôi tự đầu tư, quản lý.

12. Thông tin cơ bản về tổ chức đầu tư (trường hợp tổ chức đầu tư không phải là quỹ đầu tư).

Tên các cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên phần vốn góp, vốn điều lệ của tổ chức đầu tư	Quốc tịch/Quốc gia nơi thành lập/Quốc gia nơi đặt trụ sở chính	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Số định danh cá nhân/Hộ chiếu

13. Các thông tin khác

	Tên và địa chỉ liên lạc
Công ty quản lý quỹ nước ngoài (nếu có)	
Công ty quản lý quỹ tại Việt Nam (nếu có)	
Tổ chức nhận ủy thác/Ngân hàng Giám sát (nếu có)	

Ngân hàng lưu ký toàn cầu (nếu có)	
Thành viên lưu ký tại Việt Nam (nếu có)	
Công ty Chứng khoán tại Việt Nam (nếu có, liệt kê tất cả)	
Văn phòng đại diện tại Việt Nam (nếu có)	
Đại diện giao dịch tại Việt Nam (nếu có)	
Người được ủy quyền báo cáo, công bố thông tin (nếu có)	
Người liên lạc (nếu có)	
Hồ sơ kèm theo	
Tổ chức đăng ký: ..... Đại diện có thẩm quyền của nhà đầu tư nước ngoài ký tên, đóng dấu (nếu có): Chức danh: ..... Ngày thực hiện:	

II. ĐỐI VỚI CÁ NHÂN

1. Họ và tên:		Giới tính:	
2. Ngày sinh:		Nơi sinh:	
3. Quốc tịch:			
4. Địa chỉ liên lạc chính:			
5. Địa chỉ tại nước ngoài:			
6. Địa chỉ liên lạc tại Việt Nam (nếu có):		Điện thoại/Fax/Email:	
7. Số Hộ chiếu:	Ngày cấp:	Nơi cấp:	Thời hạn:

8. Các thông tin khác	Tên và địa chỉ liên lạc
Công ty quản lý quỹ tại Việt Nam (nếu có)	
Ngân hàng lưu ký toàn cầu (nếu có)	
Thành viên lưu ký tại Việt Nam (nếu có)	
Công ty chứng khoán tại Việt Nam (nếu có)	
Đại diện giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (nếu có)	
Người được ủy quyền báo cáo, công bố thông tin	

9. Cam kết: (có hiệu lực kể từ ngày ký)

9.1. Tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên và nội dung của toàn bộ hồ sơ và các tài liệu kèm theo là hoàn toàn chính xác, trung thực. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về các thông tin kê khai này.

9.2. Tôi xin cam kết sẽ tuân thủ pháp luật Việt Nam, không có các hành vi giao dịch trái luật làm ảnh hưởng tới sự công bằng và trật tự thị trường tài chính, thị trường chứng khoán của Việt Nam.

9.3. Tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên hoàn toàn đúng và hiện nay chưa bị xử phạt về các hành vi lừa đảo, thao túng, giao dịch nội bộ ở nước sở tại cũng như ở nước ngoài.

Hồ sơ kèm theo

Ngày... tháng...năm...
NHÀ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Tổ chức, cá nhân được đăng ký mã số giao dịch theo phương thức điện SWIFT thông qua tổ chức lưu ký toàn cầu. Khi đăng ký dưới dạng điện SWIFT, tổ chức, cá nhân được đăng ký rút gọn theo nguyên tắc chỉ khai báo tại các mục có thông tin liên quan. Tại các mục còn lại, tổ chức, cá nhân không cần liệt kê tên mục và chỉ cần ghi "Không có thông tin liên quan đối với các nội dung còn lại". Tổ chức phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài không phải khai các nội dung tại điểm 9, 10.1, 12 tại mục I nêu trên.

Mẫu số 42

DANH MỤC TÀI LIỆU NHẬN DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ MÃ SỐ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

1. Tài liệu nhận diện đối với cá nhân nước ngoài: Hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

2. Tài liệu nhận diện đối với tổ chức nước ngoài, tổ chức phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam:

a) Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương xác nhận đã hoàn tất việc đăng ký kinh doanh do cơ quan quản lý có thẩm quyền cấp; giấy phép thành lập chi nhánh của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam; hoặc

b) Giấy đăng ký thuế của cơ quan thuế nước nơi tổ chức đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh; hoặc

c) Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ/tổ chức, hoặc tài liệu tương đương do cơ quan quản lý có thẩm quyền nước ngoài cấp (nếu có) hoặc xác nhận việc đăng ký thành lập; hoặc

d) Trường hợp theo quy định của pháp luật nước ngoài, cơ quan quản lý có thẩm quyền nước ngoài không cấp hoặc không xác nhận việc lập quỹ, quỹ đầu tư nước ngoài có thể nộp một trong các tài liệu sau đây để thay thế: Tài liệu trích lục từ trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý có thẩm quyền ở nước ngoài hoặc điều lệ quỹ, bản cáo bạch hoặc hợp đồng tín thác hoặc biên bản thỏa thuận góp vốn hoặc giấy đăng ký thuế của cơ quan thuế của quốc gia nơi tổ chức đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh.

3. Tài liệu nhận diện đối với quỹ đầu tư nước ngoài, tổ chức đầu tư nước ngoài được quản lý bởi nhiều công ty quản lý quỹ; tổ chức đầu tư nước ngoài thuộc chính phủ nước ngoài, tổ chức đầu tư, tài chính thuộc tổ chức tài chính quốc tế mà Việt Nam là thành viên là các tài liệu tại khoản 2 Phụ lục này và bổ sung tài liệu sau:

- Đối với quỹ đầu tư nước ngoài, tổ chức đầu tư nước ngoài được quản lý bởi nhiều công ty quản lý quỹ: Điều lệ quỹ/Điều lệ hoạt động của tổ chức đầu tư hoặc bản cáo bạch hoặc hợp đồng quản lý danh mục đầu tư hoặc hợp đồng tín thác hoặc các văn bản tương đương hoặc văn bản thành lập, tài liệu giới thiệu sản phẩm quỹ/tổ chức đầu tư xác minh quỹ, tổ chức đầu tư được quản lý bởi nhiều công ty quản lý quỹ khác nhau, kèm theo thông tin chi tiết về tên đầy đủ, tên viết tắt (nếu có), nơi thành lập của các công ty quản lý quỹ tham gia quản lý;

- Đối với tổ chức đầu tư thuộc chính phủ nước ngoài, tổ chức đầu tư, tài chính thuộc tổ chức tài chính quốc tế mà Việt Nam là thành viên: Điều lệ hoặc bản cáo bạch hoặc hợp đồng tín thác hoặc các văn bản tương đương hoặc văn bản thành lập, tài liệu giới thiệu sản phẩm, quy định pháp lý, các tài liệu do Chính phủ ban hành quy định rõ tổ chức dự kiến đăng ký mã số giao dịch là tổ chức trực thuộc chính phủ hoặc thuộc tổ chức tài chính quốc tế mà Việt Nam là thành viên và có nhiều danh mục tách biệt, độc lập; kèm theo thông tin về các chính phủ là thành viên tham gia tổ chức đầu tư nêu trên; tên đầy đủ, tên viết tắt, nơi thành lập của các công ty quản lý quỹ tham gia quản lý (nếu có);

4. Trường hợp các tổ chức theo quy định tại khoản 2 Điều 145 đã được cấp mã số giao dịch chứng khoán và đề nghị cấp bổ sung thêm mã số giao dịch chứng khoán thì không cần nộp lại các tài liệu nhận diện đã nộp trước đó mà chỉ cần bổ sung tài liệu sau:

- Đối với tổ chức đăng ký mã số giao dịch chứng khoán là bộ phận kinh doanh hạch toán độc lập với hội sở chính hoặc công ty con thuộc sở hữu 100% vốn của tập đoàn kinh tế đa quốc gia; hoặc các quỹ, quỹ con của cùng một quỹ; hoặc các danh mục đầu tư của cùng một quỹ hoặc của cùng một tổ chức nước ngoài (trong trường hợp quỹ, tổ chức nước ngoài được quản lý bởi nhiều công ty quản lý quỹ hoặc các danh mục đầu tư của cùng một tổ chức đầu tư thuộc chính phủ nước ngoài hoặc các danh mục đầu tư của cùng một tổ chức đầu tư, tài chính thuộc tổ chức tài chính quốc tế mà Việt Nam là thành viên):

Tài liệu xác minh mối quan hệ giữa tổ chức đăng ký mã số giao dịch chứng khoán và tổ chức đã được cấp mã số giao dịch chứng khoán, xác minh sự tách biệt, độc lập các danh mục đầu tư của cùng một tổ chức đầu tư, bao gồm Văn bản do cơ quan có thẩm quyền ở nước sở tại nơi tổ chức đó đăng ký cấp (nếu có) hoặc hợp đồng quản lý đầu tư hoặc bản cáo bạch hoặc các tài liệu khác chứng minh mối quan hệ nêu trên;

- Trường hợp các tổ chức đăng ký mã số giao dịch chứng khoán hoặc báo cáo thay đổi thông tin tại cùng thời điểm và có các tài liệu đi kèm giống nhau, tổ chức nước ngoài chỉ cần nộp một bộ gốc các tài liệu đó.

5. Tài liệu khác xác minh về các thay đổi đối với trường hợp nhà đầu tư nước ngoài báo cáo các thay đổi tại khoản 1 Điều 148 là một trong các tài liệu sau:

- Trường hợp thay đổi tên: Bản cáo bạch hoặc tài liệu tương đương của quỹ/tổ chức nước ngoài đã được đăng trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nước ngoài nơi quỹ/tổ chức được cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập và hoạt động có ghi rõ việc đổi tên hoặc các tài liệu khác do cơ quan quản lý nước ngoài cấp hoặc trích dẫn địa chỉ và thông tin đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý theo tên gọi mới (với số giấy phép thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh hoặc mã số thuế hoặc số tham chiếu khác không thay đổi) hoặc các tài liệu khác ghi tên mới kèm theo xác nhận của công chứng viên nước ngoài về việc thay đổi tên hoặc các tài liệu tương đương khác xác minh việc thay đổi tên.

- Các trường hợp khác: Các tài liệu tương đương khác xác minh việc thay đổi quốc tịch hoặc quốc gia nơi đăng ký hoạt động hoặc địa chỉ trụ sở chính hoặc địa chỉ liên lạc.

6. Xác thực chữ ký của người có thẩm quyền

- Trường hợp tổ chức nước ngoài có con dấu riêng, thay bằng việc bổ sung hồ sơ chứng minh thẩm quyền của đại diện có thẩm quyền, tổ chức đó chỉ cần sử dụng con dấu của mình cùng với chữ ký của đại diện có thẩm quyền tại hồ sơ xin cấp mã số giao dịch chứng khoán;

- Trường hợp người ký báo cáo thay đổi thông tin là người đã ký trên hồ sơ đăng ký mã số giao dịch chứng khoán thì không cần tài liệu xác minh thẩm quyền của người ký.

Mẫu số 43

GIẤY ĐỀ NGHỊ HỦY MÃ SỐ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN (DO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP MÃ SỐ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN LẬP)

Kính gửi: (Tên đầy đủ của thành viên lưu ký chứng khoán).

1. Tên Tổ chức/cá nhân *(đầy đủ)*: .....
2. Địa chỉ trụ sở chính *(tổ chức)*/Địa chỉ liên lạc *(cá nhân)*: .....
3. Quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nơi đăng ký hoạt động *(tổ chức)*: .....
4. Quốc tịch *(cá nhân)*: .....
5. Mã số giao dịch chứng khoán: .....
6. Ngày cấp: .....
7. Khách hàng của *(nếu có)*: .....
8. Thành viên lưu ký: .....
9. Tôi/chúng tôi đề nghị được hủy bỏ mã số giao dịch chứng khoán đã cấp ở trên của tôi/chúng tôi do: .....
10. Tôi/chúng tôi cam kết thực hiện mọi quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán liên quan đến việc hủy bỏ mã số giao dịch này: .....
11. Tổ chức/cá nhân: .....
12. Tên và chữ ký của đại diện có thẩm quyền (đối với tổ chức):.....
13. Chức danh: .....
14. Ngày thực hiện: .....

Ghi chú: Tổ chức/cá nhân được đề nghị hủy bỏ mã số giao dịch chứng khoán theo phương thức điện SWIFT thông qua tổ chức lưu ký toàn cầu.

Mẫu số 67

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh 4x6

BẢN THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên (in hoa): .....

2. Ngày/tháng/năm sinh: .....

3. Quốc tịch *(các quốc tịch hiện có đối với người nước ngoài)*: .....

4. Số định danh cá nhân *(công dân Việt Nam)* hoặc hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *(người nước ngoài):* .....

5. Địa chỉ liên lạc: .....

6. Trình độ đại học: Có ☐ Không ☐

7. Nghề nghiệp (Cá nhân, tổ chức là cổ đông, thành viên góp vốn không thuộc các trường hợp không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định Điều 74 Luật Chứng khoán): .....

8. Chứng chỉ hành nghề chứng khoán

TT	Loại Chứng chỉ hành nghề chứng khoán	Số Chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp	Mã số người hành nghề chứng khoán
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1				
2				

Ghi chú:

- Loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán: Môi giới chứng khoán; phân tích tài chính; quản lý quỹ.
- Mã số người hành nghề chứng khoán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác định.

9. Quá trình làm việc

TT	Thời gian (Tháng/năm)	Nơi làm việc (Tên tổ chức làm việc)	Chức vụ	Vị trí làm việc
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1				
2				

10. Người có liên quan *(là người có liên quan theo quy định của Luật Chứng khoán)*

TT	Tên người có liên quan	Mối quan hệ	GCNĐKDN (tổ chức)/Định danh cá nhân (công dân Việt Nam)/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (người nước ngoài)	Nơi học tập/làm việc/ khác	Vị trí công việc	Tên công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ có vốn góp	Tỷ lệ nắm giữ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
3							

Ghi chú: Đối tượng áp dụng là cổ đông, thành viên góp vốn sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật.

11. Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình sở hữu cổ phần hoặc tỷ lệ vốn góp được đại diện *(trường hợp là người đại diện phần vốn góp của cổ đông pháp nhân)*

TT	Tổ chức góp vốn	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ đại diện (%)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1					
2					
3					

Ghi chú:

- Cột (5) Tỷ lệ đại diện là tỷ lệ % vốn góp của tổ chức góp vốn mà người kê khai được quyền đại diện.

- Cột (6) Tỷ lệ nắm giữ là tỷ lệ % vốn góp của người kê khai nắm giữ.

- Cá nhân xin cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán, xin cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán chỉ kê khai thông tin từ mục 1 đến mục 9.

- Cá nhân là người nước ngoài khi kê khai thông tin tại mục 5 phải kê khai cả địa chỉ ở nước sở tại và địa chỉ hiện tại ở Việt Nam.

Tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực các nội dung nêu trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 69

TÊN CÔNG TY	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
———	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: .../.....	*....., ngày ... tháng ... năm .....*

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN/GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Chúng tôi là:

- Công ty *(Tên đầy đủ của công ty/công ty mẹ của chi nhánh, văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam ghi bằng chữ in hoa)*

- Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số: ... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ... tháng ... năm ... hoặc Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... *(đối với công ty mẹ của chi nhánh, văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam)*

- Địa chỉ trụ sở chính: .....

- Điện thoại:..... Fax:..... Website: .....

- Hiện có chi nhánh/văn phòng đại diện hoạt động tại Việt Nam: *(đối với chi nhánh, văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam)*

+ Tên chi nhánh/văn phòng đại diện *(Tên đầy đủ ghi bằng chữ in hoa)*

+ Giấy phép thành lập và hoạt động chi nhánh số .../Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện số ... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ... tháng ... năm ...

+ Địa điểm đặt trụ sở chi nhánh/văn phòng đại diện: .....

Đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán cho công ty/Giấy phép thành lập và hoạt động chi nhánh/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện như sau:

Đối với trường hợp bổ sung, rút nghiệp vụ kinh doanh

- Nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán đã được cấp:.....

- Nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán đề nghị bổ sung, rút bớt:.....

Đối với trường hợp thay đổi tên

- Tên hiện tại:.....

- Tên đề nghị sửa đổi: .....

Đối với trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính

- Địa điểm cũ: .....

Số điện thoại:.....Fax:.....

- Địa điểm mới: .....

Số điện thoại:.....Fax:.....

Đối với trường hợp thay đổi vốn điều lệ

- Vốn điều lệ cũ: .....

Cơ cấu sở hữu *(tại ngày ..../.../....):*

TT	Cổ đông	Số vốn góp (tỷ đồng)	Số cổ phần, phần vốn góp	Tỷ lệ
I	**Cổ đông, thành viên nắm giữ từ 5% vốn điều lệ trở lên** *(liệt kê chi tiết)*			
1	Công ty..			
2	Nguyễn Văn A....			
II	**Cổ đông, thành viên khác**			
1	Tổ chức			
2	Cá nhân			

- Vốn điều lệ mới:.....

Cơ cấu sở hữu *(tại ngày ..../.../....):*

TT	Cổ đông	Số vốn góp (tỷ đồng)	Số cổ phần, phần vốn góp	Tỷ lệ
I	**Cổ đông, thành viên nắm giữ từ 5% vốn điều lệ trở lên** *(liệt kê chi tiết)*			
1	Công ty..			
2	Nguyễn Văn A....			
II	**Cổ đông, thành viên khác**			
1	Tổ chức			
2	Cá nhân			

Đối với trường hợp thay đổi vốn cấp cho chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam

- Vốn cấp cũ: .....

- Vốn cấp mới: .....

Đối với trường hợp thay đổi người đại diện theo pháp luật/Giám đốc chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam

- Người đại diện theo pháp luật/Giám đốc chi nhánh/Trưởng văn phòng đại diện cũ:

Họ và tên:.....

Chức danh *(đối với người đại diện theo pháp luật)*: .....

Ngày/tháng/năm sinh: .....

Số định danh cá nhân/Hộ chiếu:..... Ngày cấp.....Nơi cấp.....

- Người đại diện theo pháp luật/Giám đốc chi nhánh/Trưởng văn phòng đại diện mới được bổ nhiệm:

Họ và tên: .....

Chức danh *(đối với người đại diện theo pháp luật)*: .....

Quốc tịch *(đối với người nước ngoài)*:.....

Ngày/tháng/năm sinh: .....

Số định danh cá nhân/Hộ chiếu:..... Ngày cấp.....Nơi cấp.....

Đối với trường hợp gia hạn hoạt động văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam

Thời hạn đề nghị được gia hạn thêm: .....

Đối với trường hợp thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chính của công ty mẹ chi nhánh, văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam

- Tên/địa điểm đặt trụ sở chính của công ty mẹ cũ: .....

- Tên/địa điểm đặt trụ sở chính của công ty mẹ mới:.....

Lý do đề nghị điều chỉnh:.....

Chúng tôi cam kết và liên đới chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị và hồ sơ kèm theo.

Hồ sơ gửi kèm:
(Liệt kê đầy đủ)

TỔ CHỨC
(Người đại diện theo pháp luật - Chủ tịch HĐQT/Chủ tịch HĐTV/Chủ sở hữu trong trường hợp đề nghị thay đổi người đại diện theo pháp luật)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 76A

TÊN CÔNG TY	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
———	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../.....	*....., ngày ... tháng... năm ....*

GIẤY ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM RA CÔNG CHÚNG

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tên tổ chức phát hành *(đầy đủ)*: .....

2. Tên giao dịch: .....

3. Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số:... do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày... tháng... năm .....

4. Vốn điều lệ: .....

5. Địa chỉ trụ sở chính: .....

6. Điện thoại:.....Fax: .....

7. Nơi mở tài khoản doanh nghiệp: ..... Số hiệu tài khoản: .....

II. CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN

1. Tên chứng quyền: .....

2. Tên (mã) chứng khoán cơ sở: .....

3. Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: .....

4. Loại chứng quyền (mua/bán): .....

5. Kiểu chứng quyền (châu Âu/Mỹ): .....

6. Phương thức thanh toán thực hiện quyền: .....

7. Thời hạn: .....tháng

8. Tỷ lệ chuyển đổi: .....

9. Hệ số nhân (đối với chứng quyền dựa trên chỉ số): .....

10. Giá thực hiện (chỉ số thực hiện) cao nhất dự kiến: ..... đồng (điểm chỉ số)

11. Giá thực hiện (chỉ số thực hiện) thấp nhất dự kiến: ..... đồng (điểm chỉ số)

12. Giá chào bán cao nhất dự kiến: .....đồng/chứng quyền

13. Giá chào bán thấp nhất dự kiến: .....đồng/chứng quyền

14. Số lượng chứng quyền có bảo đảm đăng ký chào bán: .....chứng quyền

15. Tài sản bảo đảm thanh toán: .....

16. Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán dự kiến: .....

17. Thời gian chào bán dự kiến: .....

III. CHỨNG QUYỀN CÙNG LOẠI HIỆN ĐANG LƯU HÀNH (ĐỐI VỚI CHÀO BÁN BỔ SUNG):

1. Tổng số chứng quyền: .....

2. Tổng giá trị chứng quyền (tính theo giá thị trường tại thời điểm báo cáo, nếu có): ....

IV. CÁC BÊN LIÊN QUAN:

1. Ngân hàng lưu ký nhận ký quỹ tài sản bảo đảm thanh toán/bảo lãnh thanh toán

- Tên ngân hàng nhận ký quỹ tài sản bảo đảm thanh toán/bảo lãnh thanh toán bảo đảm:

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số:.....do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày... tháng... năm .....

- Địa chỉ trụ sở chính: .....

- Điện thoại:.....Fax:.....Website: .....

2. Tổ chức kiểm toán

3. .....

V. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:

1. Chúng tôi xin đảm bảo rằng những tài liệu, thông tin trong hồ sơ này là đầy đủ và đúng sự thật, không có thông tin giả mạo hoặc chưa đầy đủ có thể làm cho người mua chứng quyền có bảo đảm chịu thiệt hại.

2. Chúng tôi cam kết:

- Nghiên cứu và nghiêm chỉnh tuân theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- Tuân thủ nghĩa vụ thanh toán của chứng quyền có bảo đảm, các sản phẩm tài chính khác đã phát hành *(đối với trường hợp đã từng chào bán chứng quyền có bảo đảm, sản phẩm tài chính khác).*

- Ngân hàng lưu ký nhận ký quỹ tài sản bảo đảm thanh toán/bảo lãnh thanh toán không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán.

- Ngân hàng/chi nhánh ngân hàng nước ngoài *(chọn một trong hai)* nơi mở tài khoản phong tỏa không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán.

- Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở không là người có liên quan của tổ chức phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán.

- Không công bố thông tin dưới mọi hình thức về việc chào bán chứng quyền trên các phương tiện thông tin đại chúng trước khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm.

- Chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm các cam kết nêu trên.

Hồ sơ gửi kèm:
(Liệt kê đầy đủ)

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 85

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ DỰ THI/THI LẠI SÁT HẠCH VÀ ĐỀ NGHỊ CẤP/ CẤP LẠI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ CHỨNG KHOÁN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên (in hoa): .....

2. Ngày tháng năm sinh: .....

3. Quốc tịch *(các quốc tịch hiện có đối với người nước ngoài)*: .....

4. Số định danh cá nhân *(công dân Việt Nam)* hoặc hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *(người nước ngoài):* .....

5. Địa chỉ liên lạc (thường xuyên): ..... (ghi chi tiết số nhà, khối/xóm, phường/xã, thành phố, tỉnh)

6. Trình độ chuyên môn: .....

7. Đơn vị công tác: ..... (ghi rõ tên đơn vị, chức vụ, vị trí, bộ phận hiện đang làm việc - nếu có)

8. Số điện thoại liên lạc: .....

9. Loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán đã được cấp:

☐ Môi giới chứng khoán;

☐ Phân tích tài chính;

☐ Quản lý quỹ.

Số: ..... Ngày cấp: .....

II. ĐĂNG KÝ DỰ THI/THI LẠI SÁT HẠCH CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ CHỨNG KHOÁN

Tôi xin đăng ký dự thi/thi lại sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán cụ thể như sau:

1. Đăng ký dự thi/thi lại sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán loại:

CHỨNG CHỈ .....(chữ in hoa)

Đăng ký thi lại phần …. (đối với trường hợp thi lại sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán)

2. Địa điểm đăng ký dự thi: ..... (ghi rõ Thành phố Hà Nội hoặc Thành phố Hồ Chí Minh).

III. ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ CHỨNG KHOÁN

Trường hợp kết quả thi sát hạch của tôi đạt yêu cầu, tôi đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét cấp *(cấp lại)* Chứng chỉ hành nghề chứng khoán cho tôi cụ thể như sau:

1. Lý do đề nghị được cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán *(đối với trường hợp cấp lại)*: .....

2. Loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán đề nghị được cấp *(cấp lại)*:

☐ Môi giới chứng khoán;

☐ Phân tích tài chính;

☐ Quản lý quỹ.

Tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này và hồ sơ kèm theo.

Hồ sơ gửi kèm:

.....,ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI ĐĂNG KÝ, ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 91

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm.....

Ảnh (4x6)

BẢN THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên (in hoa): .....
2. Ngày/tháng/năm sinh:.....
3. Quốc tịch *(các quốc tịch hiện có đối với người nước ngoài)*: .....
4. Số định danh cá nhân *(công dân Việt Nam)* hoặc hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp *(người nước ngoài):* .....
5. Địa chỉ liên lạc *(thường xuyên)*: .....
6. Điện thoại liên hệ: ..... Fax: ..... Email: .....
7. Trình độ chuyên môn: .....
8. Nghề nghiệp:.....
9. Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:.....

Nêu rõ tên trường; tên thành phố, quốc gia nơi trường đặt trụ sở chính; tên khóa học; thời gian học; tên bằng *(liệt kê những bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm)*

Thời gian *(Tháng/năm)*	**Nơi đào tạo**	**Chuyên ngành đào tạo**	**Tên bằng/Số Chứng chỉ hành nghề chứng khoán**
Từ.../... đến.../...			
Từ.../... đến.../...			

10. Quá trình công tác (chi tiết về các nghề nghiệp, chức vụ, vị trí công tác đã qua, kết quả công tác tại từng vị trí/khen thưởng, kỷ luật nếu có): .....

Thời gian (Tháng/năm)	**Nơi làm việc**	**Chức vụ/Vị trí việc làm**	**Trách nhiệm công việc**	**Khen thưởng/ kỷ luật**
Từ .../... đến .../...				
Từ .../... đến .../...				

11. Chức vụ dự kiến trong công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (hoặc quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán): .....

12. Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác: .....

13. Nhân thân người khai:

Họ và tên	**Năm sinh**	**Số định danh cá nhân (công dân Việt Nam)/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (người nước ngoài)**	**Địa chỉ liên lạc**	**Nghề nghiệp**	**Chức vụ**
Vợ/chồng:					
Bố:					
Mẹ:					
Con:					
Anh/chị/em ruột:					

Tôi xin cam đoan về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung khai trên.

Sau khi nghiên cứu Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật có liên quan, tôi xin cam kết *(liệt kê nội dung cam kết phù hợp với tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm).*

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)